

ĐC 28
T 309Đ



TIỂU ĐOÀN 186

CỤC NAM TRUNG BỘ - NAM TÂY NGUYÊN

• 1946 - 1975 •



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

• 1946 - 1975 •

01

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

**ĐẢNG ỦY - BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thỉnh biên

TIỂU ĐOÀN 186

CỤC NAM TRUNG BỘ - NAM TÂY NGUYÊN

(1946 - 1975)

(Lưu hành nội bộ)

Đc 10g/02

[Faint stamp: PHÒNG THÔNG TIN]

355 - 355.03 73-2001
QĐND - 2001

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2001

BAN CHỈ ĐẠO
BIÊN SOẠN LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG CÁC TIỂU ĐOÀN
THUỘC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH LÂM ĐỒNG

- | | |
|--|------------|
| - NGUYỄN VĂN TRÍ | |
| Nguyên Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban
Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng | Trưởng ban |
| - Đại tá HUỲNH HÁT | |
| Phó chỉ huy trưởng Chính trị
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng | Phó ban |
| - Thiếu tướng PHẠM VĂN KHA | |
| Nguyên Chỉ huy trưởng,
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng | Ủy viên |
| - Đại tá LÊ THANH PHONG | |
| Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy,
Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự
tỉnh Lâm Đồng | Ủy viên |

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:
ĐẢNG ỦY VÀ BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LÂM ĐỒNG

- | | |
|---|----------|
| BAN BIÊN SOẠN | |
| - Đại tá NGUYỄN THÔNG | |
| Nguyên Phó chỉ huy trưởng - TMT
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng | Chủ biên |
| - Đại tá TRƯƠNG VĂN NGỘ | |
| Nguyên Phó chỉ huy trưởng Chính trị
Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng | |
| - Thượng tá TRẦN CÔNG MẠO | |
| Trưởng ban TKLS và KHQS | |

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 57 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày Hội quốc phòng toàn dân (22-12-1944 – 22-12-2001), Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành việc biên soạn lịch sử truyền thống Tiểu đoàn 186 và cho ra đời cuốn sách "Tiểu đoàn 186 - cực Nam Trung bộ - Nam Tây Nguyên (1946-1975)". Đây là cuốn sách được biên soạn công phu, có nội dung tốt, phản ánh khá rõ nét về quá trình ra đời, chiến đấu và trưởng thành của Tiểu đoàn 186 trên chiến trường cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên.

Trong hai cuộc kháng chiến, nhất là trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chiến trường Khu 6 là một chiến trường nằm sâu trong vùng địch, là vùng đất rộng lớn và có cả đồng bằng ven biển, trung du và núi rừng hiểm trở, nơi mà đất rộng, người thưa, xa sự chỉ đạo và chi viện của cấp trên, mặt khác tại chiến trường này về phía địch chúng luôn có nhiều ưu thế về phương tiện chiến tranh, hỏa lực và sức cơ động, lại có lực lượng đông hơn ta gấp nhiều lần, có lúc, có thời kỳ so sánh tương quan lực lượng rất chênh lệch, do vậy chiến trường Khu 6 là một chiến trường cực kỳ khó khăn, gian khổ và ác liệt. Trong điều kiện và hoàn cảnh chiến trường hết sức đặc biệt đó, Tiểu đoàn 186 đã vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, ác liệt, hy sinh, lớp lớp cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn liên tục chiến đấu, đánh thắng địch trong mọi hoàn cảnh và đã bền bỉ phấn đấu hoàn thành

xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, kể cả những nhiệm vụ rất nặng nề, rất khẩn trương, vượt quá khả năng của Tiểu đoàn. Là một đơn vị dày dạn kinh nghiệm chiến đấu, biết vận dụng sáng tạo và mưu trí trong mọi cách đánh và các hình thức chiến thuật, thực sự là tiểu đoàn giỏi về lối đánh "Công đồn diệt viện" và "vận động tấn công".

Có thể nói rằng, Tiểu đoàn 186 trong kháng chiến chống Mỹ là một trong những tiểu đoàn "Chủ lực, cơ động, thiện chiến, quyết chiến và quyết thắng" của chiến trường cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên. Ghi nhận những thành tích to lớn, những chiến công chói lọi và sự đóng góp xứng đáng của Tiểu đoàn trong hai cuộc kháng chiến, ngày 6 tháng 11 năm 1978 Đảng và Nhà nước ta đã tuyên dương danh hiệu vẻ vang "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" cho Tiểu đoàn 186. Lịch sử truyền thống vẻ vang của Tiểu đoàn là sự kết tinh của tinh thần chiến đấu ngoan cường, sự hy sinh xương máu và công lao to lớn của nhiều thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn, đồng thời là thành quả là công lao của đồng bào các dân tộc giàu lòng yêu nước, một lòng sắt son với cách mạng, trên mảnh đất cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên đã luôn luôn giúp đỡ, thương yêu, đùm bọc tạo nên sức mạnh và điều kiện thuận lợi để Tiểu đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mỗi thời kỳ và suốt trong hai cuộc kháng chiến.

Cuốn "Tiểu đoàn 186 - cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên 1946-1975" ra đời, dù chưa thật đầy đủ về tư liệu và sự kiện của một quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành trong suốt thời gian từ năm 1946 đến năm 1975, song đây là cuốn sách đáng trân trọng, là sản phẩm tinh thần quý giá, góp phần tích cực vào việc giáo

dục truyền thống cách mạng cho các tầng lớp nhân dân, nhất là lực lượng vũ trang và thế hệ trẻ nói chung mà trực tiếp là các tỉnh cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên nói riêng.

Do điều kiện và khả năng sưu tầm, tập hợp các tư liệu, sự kiện về Tiểu đoàn 186 hiện nay có nhiều khó khăn; mặt khác những tài liệu, tư liệu về quá trình chiến đấu, xây dựng và trưởng thành của Tiểu đoàn đến nay còn quá ít, hơn nữa nhiều sự kiện đã diễn ra cách đây nửa thế kỷ. Vì vậy cuốn sách này chắc chắn còn nhiều thiếu sót và hạn chế. Rất mong các đồng chí và bạn đọc phê bình, góp ý.

Nhân dịp này Đảng ủy và Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh xin chân thành cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, cảm ơn đồng chí Thượng tướng Nguyễn Minh Châu - nguyên Tư lệnh Quân khu 6 và 7, cùng nhiều đồng chí cán bộ đã từng công tác tại Tiểu đoàn 186 qua các thời kỳ đã tận tình cộng tác, giúp đỡ để cuốn sách được hoàn thành.

Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng xin trân trọng giới thiệu cuốn sách "Tiểu đoàn 186 - cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên (1946-1975)" đến các đồng chí cùng bạn đọc trong và ngoài Quân đội.

TM ĐẢNG ỦY VÀ BCHQS TỈNH LÂM ĐỒNG
CHỈ HUY TRƯỞNG

Đại tá LÊ THANH PHONG

Chương một

TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở CHIẾN TRƯỜNG CỤC NAM TRUNG BỘ (1946-1954)

I. SỰ RA ĐỜI TIỂU ĐOÀN 86, ĐƠN VỊ TIỀN THÂN CỦA TIỂU ĐOÀN 186

1. Bối cảnh ra đời của Tiểu đoàn 86

Cục Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên bao gồm các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng ⁽¹⁾. Dải đất cuối cùng của miền Trung và Tây Nguyên này có diện tích khoảng 21.594 km² với dân số trên hai triệu người (số liệu năm 1990), gồm các dân tộc Kinh, Ê Đê, Mơ Nông, K'Ho, Rắc Lây, Chăm, Châu Ro, Mạ, Hoa, Nùng, Thái..., trong đó người Kinh chiếm khoảng 80 phần trăm dân số. Tuy tập quán, phong tục và đời sống có khác nhau, nhưng các dân tộc đều cần cù lao động, yêu cái thiện, ghét cái ác. Qua đấu tranh với thiên nhiên, chống áp bức bóc lột đã gắn bó các dân tộc trên vùng đất này thành một khối đoàn kết, có truyền thống yêu nước nồng nàn, kiên trung, bất khuất.

Dải đất cục Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên được

(1) Lâm Viên và Đồng Nai Thượng nay là tỉnh Lâm Đồng.

thiên nhiên tạo nên các vùng rõ rệt gồm: rừng núi, đồng bằng, ven biển và vùng biển, vùng nào cũng có giá trị lớn về quốc phòng và kinh tế. Do vị trí địa lý có tầm quan trọng đặc biệt, nên trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, vùng đất này đã trở thành một chiến trường có ý nghĩa chiến lược, mang tính chất vừa trung gian vừa chuyển tiếp nối liền các chiến trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với Đông Nam Bộ. Đồng thời là cửa ngõ tiến vào Sài Gòn từ hướng đông bắc và chính dải đất hùng vĩ, hiểm trở, giàu tiềm năng về nhân lực và vật lực này là chiếc nôi ra đời trường thành và không ngừng lớn mạnh của rất nhiều đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có Tiểu đoàn 86, đơn vị tiền thân của Tiểu đoàn 186 anh hùng ở cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên.

Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2 tháng 9 năm 1945 nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đã xóa bỏ ách thống trị tàn bạo của chế độ thực dân đế quốc đối với dân tộc Việt Nam, mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, đó là *"Kỷ nguyên độc lập tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội"*. Chính quyền non trẻ của nhân dân ta vừa ra đời thì tình hình trong nước diễn ra hết sức phức tạp. Ở miền Bắc ngót 20 vạn quân Tưởng tràn vào và kéo theo bọn phản động tay sai của chúng, lăm le lật đổ chính quyền cách mạng. Ở miền Nam quân Anh kéo vào mượn tiếng tước vũ khí quân Nhật, mở đường cho quân Pháp cướp lại nước ta... Dựa vào quân Anh, ngày 23 tháng 9 năm 1945 thực dân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Thù

trong, giặc ngoài cùng với nạn đói khủng khiếp; đất nước ta đứng trước những thử thách cực kỳ nghiêm trọng, vận mệnh đất nước như ngàn cân treo sợi tóc. Để bảo vệ nền độc lập - tự do của dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng, nhân dân ta phải nhất tề đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp. Vấn đề cấp bách được đặt ra là phải xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang lớn mạnh để làm nòng cốt cho toàn dân kháng chiến. Trước những thử thách nghiêm trọng của đất nước, của dân tộc Trung ương Đảng và Bác Hồ đã kiên quyết, khôn khéo lãnh đạo nhân dân ta giữ vững nền độc lập của Tổ quốc. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới, chúng mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô ngày càng lớn. Ngày 26 tháng 9 năm 1945 Hồ Chủ Tịch gửi thư kêu gọi đồng bào Nam Bộ *"Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ"* ⁽¹⁾. Vâng theo lời dạy của người, quân dân Nam Bộ trước hết là quân dân Sài Gòn - Gia Định đã nhất tề đứng lên đánh giặc mở đầu trang sử kháng chiến chống thực dân Pháp vô cùng oanh liệt của dân tộc. Tiếp đến ngày 25 tháng 11 năm 1945 Trung ương Đảng ra chỉ thị *"Kháng chiến kiến quốc"* ⁽²⁾ nhằm động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến để đánh đuổi thực dân Pháp. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và thư kêu gọi đồng bào Nam Bộ của Hồ Chủ Tịch, nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến *"Máu chảy ruột mềm"*, cả nước hướng về Nam Bộ, nhiều đơn vị Nam Tiến từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào; Cùng với cả nước, quân dân các tỉnh cực Nam Trung Bộ cũng hăng hái góp phần vào sự nghiệp kháng chiến bảo vệ quê hương đất nước.

(1) (2) *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb Sự Thật, Hà Nội năm 1976.

Do tình hình chung trên đây mà ở Bình Thuận trong những tháng 10, 11 năm 1945 vừa có các đơn vị từ Bắc vào, từ Nam Bộ ra vừa có các đơn vị, lực lượng tại chỗ với nhiều phiên hiệu và tên gọi khác nhau như: bộ đội Nam Tiến, quân địa phương, Cộng hòa vệ binh, Quốc vệ đội, chi đội Nam Long, bộ đội Năm Châu... Có đơn vị quân số từ một đại đội trở lên, nhưng có đơn vị quân số chỉ hơn chục người. Để đủ sức đối phó với tình hình lúc bấy giờ, vấn đề đặt ra là cần phải tổ chức thống nhất các lực lượng, thống nhất chỉ huy và tổ chức bố phòng để tiếp tục đánh địch, đẩy mạnh kháng chiến ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Trước yêu cầu bức xúc đó, các đồng chí chỉ huy ở địa phương và các đơn vị đã tổ chức cuộc họp vào ngày 10 tháng 11 năm 1945 tại làng Bình An (Hàm Thuận) và nhất trí hợp nhất toàn bộ lực lượng đang đứng chân ở Bình Thuận, Ninh Thuận tổ chức lại thành hai chi đội lấy tên là chi đội 1, và chi đội 2, mỗi chi đội có hai đại đội (đại đội lúc bấy giờ tương đương một tiểu đoàn). Chi đội 1 phụ trách Bình Thuận do các đồng chí Lương Văn Khâm làm chi đội trưởng, Đào Mạnh Vi làm chi đội phó và Nguyễn Sắc Kim làm chính trị ủy viên. Chi đội 2 phụ trách các tỉnh Ninh Thuận, Đồng Nai Thượng, Lâm Viên và ra đến Cam Ranh (Khánh Hòa) việc tổ chức thống nhất các lực lượng vũ trang lúc này có ý nghĩa rất quan trọng. Nhờ vậy lực lượng vũ trang các tỉnh cực Nam Trung Bộ – Nam Tây Nguyên được củng cố và phát triển, sức mạnh chiến đấu được tăng cường, có thể nói đây cũng là một lần “*Tụ trí, tụ lực*” của những con người yêu quê hương, đất nước, trên mọi miền của Tổ quốc, đã đồng tâm hợp lực bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp vô cùng oanh liệt của dân tộc.

Vào những ngày cuối năm 1945, đầu năm 1946 tình hình trong cả nước rất sôi động và khẩn trương. Ở miền Bắc quân Tưởng xúc tiến việc thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Ở miền Nam quân Pháp tiếp tục đánh chiếm các tỉnh xung quanh Sài Gòn, đồng thời cho quân đánh chiếm Nam Trung Bộ và chuẩn bị đưa quân ra Bắc. Cuối tháng 1 năm 1946 thực dân Pháp mở cuộc hành quân với quy mô lớn đánh ra các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban quân chính và Bộ chỉ huy mặt trận Nam Trung Bộ ⁽¹⁾, quân và dân các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng trong những ngày cuối tháng 1, đầu tháng 2 năm 1946 đã chiến đấu vô cùng anh dũng, đã liên tục đánh cắt giao thông, đánh chặn quân địch tấn công ở hầu hết các tuyến phòng thủ như: đèo Bảo Lộc, Phi Nôm (trên QL 20), khu vực Km 42 (đường 8) Đ'Răng (đường 11), Phan Rang, Phan Thiết và nhiều nơi trên quốc lộ 1. Suốt một tuần chiến đấu quyết liệt ta đã tiêu hao, tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực của địch, làm chậm bước tiến công của chúng. Song do lực lượng của ta có hạn và để bảo tồn lực lượng tiến hành kháng chiến lâu dài, ta lần lượt phải rút lui ở các tuyến phòng thủ. Vậy là từ ngày 26 tháng 1 đến ngày 31 tháng 1 năm 1946 thực dân Pháp đã đánh chiếm được bốn tỉnh ly ở Di Linh, Đà Lạt, Phan Rang và Phan Thiết. Đến đầu tháng 2 năm 1946 các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã trở thành vùng tạm chiến của địch.

(1) Ủy ban Quân chính và Bộ Chỉ huy mặt trận Nam Trung Bộ được thành lập cuối tháng 9 năm 1945, dẫn theo cuốn *Trung đoàn 812 cực Nam Trung Bộ*, xuất bản năm 1996, tr.23.

Tình hình chung của cả nước và của địa phương các tỉnh cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên nêu trên là bối cảnh chi phối đến sự ra đời Tiểu đoàn 86 đơn vị tiền thân của Tiểu đoàn 186 Anh hùng.

2. Quá trình hình thành Tiểu đoàn 86 (tháng 5 năm 1946 đến 1947)

Mặc dù dựa vào Anh và Mỹ, nhưng thực dân Pháp đã gặp rất nhiều khó khăn khi tiến hành cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Vì vậy chúng phải ký kết với Chính phủ ta Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Với hiệp định này ta đã đuổi sạch quân Tưởng và đập tan bọn phản động tay sai ở miền Bắc, đồng thời khẩn trương củng cố, phát triển lực lượng chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Với bản chất hiếu chiến xâm lược, Hiệp định sơ bộ mỏng 6 tháng 3 vừa ký kết thì thực dân Pháp đã mở rộng chiến tranh, tiến hành liên tiếp những cuộc hành quân đánh phá ta ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Nhưng để tỏ rõ thiện chí, vào cuối tháng 3 năm 1946 các tỉnh cực Nam Trung Bộ đã ký kết các hiệp định địa phương với Pháp. Tuy đã ký kết xong nhưng Pháp đã “tráo trở” không thực hiện, trái lại chúng tiếp tục tấn công ta một cách quyết liệt. Ngày 6 tháng 5 năm 1946 chúng dùng lực lượng cả tiểu đoàn, có máy bay yểm trợ đánh vào lực lượng của ta ở Lê Hồng Phong (Bình Thuận). Vì vậy ở Bình Thuận ngày 8 tháng 5 năm 1946 ta tuyên bố xóa bỏ hiệp định địa phương. Ngay đêm hôm đó địch sử dụng lực lượng đột kích tấn công vào cơ quan chỉ huy chi đội 1 ở Triển và bắt đồng chí Lương Văn Khâm - chi

đội trưởng. Sau một thời gian giam cầm, tra tấn, dụ dỗ không được, giặc Pháp đã bắn đồng chí Khâm tại Phan Thiết. Ngày 13 tháng 5 năm 1946 ở Ninh Thuận địch dùng lực lượng lớn đánh phá ta ở nhiều nơi, tình hình diễn ra phức tạp, chi đội trưởng chi đội 2 đã tự động ra lệnh giải tán chi đội, chôn giấu vũ khí.

Ở Bình Thuận lúc này tuy tình hình ít phức tạp hơn, song lẻ tẻ một vài nơi cũng có hiện tượng dao động. Thấy được tình hình các đồng chí lãnh đạo đã kịp thời có biện pháp củng cố về tổ chức, động viên giáo dục tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ. Với tình hình cụ thể lúc bấy giờ đồng chí Đoàn Tử Bấy đề xuất là hợp nhất các đại đội 1, 2 và 4 thành một đơn vị và ý kiến đó được trên chấp thuận, đại đội này do đồng chí Nguyễn Minh Châu chỉ huy và tiếp tục đứng chân hoạt động ở Hàm Tân ⁽¹⁾. Đại đội 3 do đồng chí Trần Quốc Thái chỉ huy vẫn đứng chân hoạt động ở phía bắc của Tỉnh.

Nhằm ổn định tình hình, tăng cường cán bộ và củng cố phát triển thực lực cách mạng ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ, cuối tháng 4 năm 1946 cấp trên đã điều các đồng chí Trần Quỳnh, Trương Chí Cường, Nguyễn Thế Lâm và Lâm Hồng Phấn về Ninh Thuận, Nguyễn Văn Giáo, Nguyễn Sắc Kim về Bình Thuận cùng một số cán bộ đang công tác tại vùng tự do Khu 5 lần lượt trở về. Tình hình cực Nam Trung Bộ từ tháng 5 năm 1946 đã dần dần ổn định và có những chuyển biến mới.

(1) Đại đội được hình thành từ lực lượng của đồng chí Năm Châu ở mặt trận Thị Nghè ra, lực lượng của đồng chí Mười Cộng và lực lượng tỉnh Bình Thuận bổ sung, do đồng chí Nguyễn Minh Châu làm đại đội trưởng.

Tại Bình Thuận nhờ sớm ổn định tình hình, lực lượng vũ trang được củng cố, xây dựng và phát triển, nên ngày 25 tháng 6 năm 1946 Trung đoàn 82 được thành lập. Chỉ huy trung đoàn gồm: đồng chí Nguyễn Văn Giáo - trung đoàn trưởng, Nguyễn Đức Tuyền - trung đoàn phó, Nguyễn Sắc Kim - chính ủy viên, Phan Hạo - tham mưu trưởng và Vương Gia Khương - trưởng ban chính trị. Cơ quan chỉ huy trung đoàn đứng chân tại Hố Đất (khu Lê Hồng Phong). Sau khi trung đoàn ủy được cấp trên chỉ định, lần lượt các chi bộ đảng ở cơ quan và các đơn vị của trung đoàn cũng được hình thành. Lực lượng chiến đấu của trung đoàn lúc này có ba đại đội bộ binh.

Đại đội 1 (Phan Đình Phùng) do các đồng chí Đoàn Tử Bầy làm đại đội trưởng, Đào Ngọc Chúc - đại đội phó và Dương Minh Đấu - chính trị viên. Đại đội đứng chân, hoạt động ở khu Tam Giác, Hàm Thuận.

Đại đội 2 (Hoàng Hoa Thám) do các đồng chí Nguyễn Minh Châu làm đại đội trưởng, Nguyễn Văn Thành - đại đội phó và Nguyễn Minh Dương làm chính trị viên. Đại đội đứng chân hoạt động ở Hàm Tân. Đây là đại đội làm lực lượng nòng cốt để thành lập Tiểu đoàn 86 vào thời gian cuối năm 1947.

Đại đội 3 (Quang Trung) do các đồng chí Đinh Ngọc Hằng làm đại đội trưởng, Phạm Xuân Ngô - đại đội phó và Phan Hương làm chính trị viên (sau là đồng chí Trần Quốc Thái về thay). Đại đội đứng chân hoạt động ở các huyện phía bắc tỉnh.

Trong khi ta đang ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, củng cố xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển phong

trào đấu tranh của nhân dân thì thực dân Pháp cũng ráo riết tiến hành những cuộc càn quét, mở rộng phạm vi chiếm đóng, kiểm soát, nhất là những địa bàn quan trọng trên các trục giao thông, các vùng cận thị xã, thị trấn, nông thôn và ven biển có vị trí quan trọng. Một mặt chúng muốn đánh bật và tiêu diệt lực lượng vũ trang ta; mặt khác chúng vơ vét, cướp bóc nhân tài vật lực, tổ chức bộ máy tề điệp ở các thôn xã hòng kiểm soát, khống chế và đàn áp nhân dân, ngăn chặn việc liên hệ và tiếp tế của đồng bào các dân tộc cho lực lượng kháng chiến.

Để chống phá âm mưu của địch, thực hiện chủ trương của cấp trên. Thời gian này các đại đội của Trung đoàn 82 đã tích cực đánh địch bằng những trận tập kích đồn bót, phục kích, chống càn, chống địch đột kích để bảo vệ căn cứ, vùng tự do, bảo vệ nhân dân và khu vực đứng chân. Đồng thời góp phần vào việc trừ gian, diệt tề, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh đòi tự do, chống cướp bóc, chống đàn áp và tham gia việc xây dựng lực lượng cách mạng. Chỉ trong thời gian ngắn tại Bình Thuận, mỗi xã đều có một trung đội dân quân, nhiều xã có du kích chiến đấu từ hai tiểu đội đến một trung đội và ở tỉnh còn có một đại đội tự vệ chiến đấu mà nhân dân quen gọi là "Tự vệ ông Tương"⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Thuận và lập thành tích chào mừng một năm ngày cách mạng tháng Tám thành công và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra

(1) Ông Tương chính là đồng chí Nguyễn Văn Tương, chiến sĩ cách mạng năm 1930, đại biểu Quốc hội khóa I - Chủ nhiệm Việt minh tỉnh Bình Thuận, đã tổ chức xây dựng đại đội tự vệ chiến đấu của tỉnh.

đời, Trung đoàn 82 phát động đợt “Thi đua lập công”. Hưởng ứng phong trào thu đua, ngày 27 tháng 7 năm 1946 Đại đội Quang Trung tổ chức lực lượng tập kích bọn địch đóng đồn ở cầu Xóm Lụa (Chợ Lầu) diệt một tiểu đội lê dương, thu 1 đại liên Hốc kít, 8 súng trường và nhiều chiến lợi phẩm. Đây là trận công đồn đầu tiên của trung đoàn giành thắng lợi.

Đại đội Hoàng Hoa Thám đã phối hợp với dân quân, du kích chống càn tiêu diệt địch ở các vùng La Gi, Tân Lý, Tam Tân và nhiều nơi khác tại Hàm Tân. Tháng 8 năm 1946 đại đội phối hợp với du kích tập kích gây thiệt hại nặng bọn địch từ Bà Rịa ra đóng tại Bình Châu (Cù Mi Hạ) buộc chúng phải bỏ đồn tháo chạy.

Cũng vào thời gian này Đại đội Phan Đình Phùng liên tục phối hợp với dân quân du kích đánh địch trên đường 8, tiêu diệt bót Bình Lâm, đánh đồn Tuy Hòa và chống càn ở Dân Thạnh. Trong thời gian hoạt động này đại đội được nhân dân Hàm Thuận hết lòng ủng hộ, giúp đỡ, tiêu biểu như ông già “Đổng Rơm” (tức ông Lê Văn Hinh), má Năm, má Dì...

Qua đợt thi đua này, các đại đội Trung đoàn 82 đều đã lập được thành tích, làm nòng cốt cho phong trào cách mạng và chiến tranh du kích ở hầu hết các huyện ở tỉnh Bình Thuận, trong đó các huyện phía nam tỉnh phong trào phát triển mạnh.

Tháng 9 năm 1946 trung đoàn điều đại đội Hoàng Hoa Thám về đứng chân hoạt động ở khu Tam Giác, Hàm Thuận; chuyển đại đội Phan Đình Phùng từ Hàm Thuận vào hoạt động ở Hàm Tân. Tháng 10 năm 1946 Đại đội

Hoàng Hoa Thám được bổ sung thêm lực lượng của Đại đội Tự vệ Tỉnh (lúc này đơn vị là một đại đội tăng cường có cả xung lực và hỏa lực).

Trước tình hình thực dân Pháp mở rộng chiến tranh ra cả Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và đang xúc tiến âm mưu đưa quân đánh chiếm các tỉnh Bắc Bộ, ngày 19 tháng 10 năm 1946 hội nghị quân sự toàn quốc nhận định “*Nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp*”⁽¹⁾. Ngày 5 tháng 11 năm 1946 Hồ Chủ tịch ra chỉ thị “*Công việc khẩn cấp*” để chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đẩy mạnh kháng chiến. Người khẳng định “*Cuộc kháng chiến sẽ gay go, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi*”⁽²⁾. Tiếp đến đêm 14 tháng 12 năm 1946 Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi “*Toàn quốc kháng chiến*”. Người kêu gọi:

“Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”⁽³⁾.

Đáp lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp⁽⁴⁾, quân và dân các tỉnh cực Nam Trung Bộ - Nam

(1) (2) Văn kiện quân sự của Đảng - Nxb Quân đội nhân dân - Hà Nội năm 1976 tập 2, trang 64, 67 và 68.

(3) Tuyển tập Hồ Chí Minh - Nxb Sự Thật - Hà Nội 1980, tập 1, trang 403.

(4) 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946 qua đài tiếng nói Việt Nam, đồng chí Võ Nguyên Giáp ra mệnh lệnh chiến đấu.

Tây Nguyên tiếp tục đứng lên cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến toàn quốc.

Những ngày đầu của cuộc kháng chiến, Đại đội Hoàng Hoa Thám đã tích cực hỗ trợ cho nhân dân Hàm Thuận đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích. Mặc dù ở địa bàn Hàm Thuận lúc này địch ngày càng đông và canh phòng cẩn mật, nhưng bộ đội và du kích vẫn mưu trí đột vào Ma Lâm diệt tên Cò Đang, rất gian ác; vào Mũi Né giữa ban ngày diệt hai tên địch, thu hai súng. Tiếp đến Đại đội Hoàng Hoa Thám phục kích chặn đánh diệt gọn một trung đội địch do tên “Tây Cặc Bò” chỉ huy, tại khu vực Ba Cây (Hàm Nhơn), tên tây này hay dùng roi cặc bò đánh dân, nên nhân dân vùng này đặt tên nó là Tây Cặc Bò. Cũng vào thời gian này nhiều tên giặc Pháp gian ác như “Tây Đầu Đỏ”, “Tây Mắm Ruốc” lần lượt bị trừng trị.

Vào tháng 4 năm 1947 Đại đội Hoàng Hoa Thám tổ chức phục kích diệt gọn hai tiểu đội tại cầu Cháy, suối Cát trên đường Mương Mán đi Ngã Hai, thu toàn bộ vũ khí.

Hưởng ứng đợt thi đua “Giết giặc lập công” kỷ niệm một năm ngày thành lập trung đoàn, mờ sáng (khoảng 5 giờ) ngày 14 tháng 6 năm 1947 Đại đội Hoàng Hoa Thám sử dụng một bộ phận được lựa chọn giả làm lính nguy cùng hai chiến sĩ quốc tế (một người Đức, một người Tây Ban Nha) cải trang thành sĩ quan Pháp, do đại đội trưởng Nguyễn Minh Châu chỉ huy ⁽¹⁾ đã bất ngờ đột nhập lầu

(1) Theo đồng chí Nguyễn Minh Châu - Thượng tướng nguyên Đại đội trưởng Đại đội Hoàng Hoa Thám kể: Sở dĩ ta có cách đánh cải trang diệt địch là do tương kế tựu kế, địch đánh trận giả với Việt Minh để lừa dân, thì ta cũng có cách lừa địch để đánh địch.

Ông Hoàng. Đây là một chốt quan trọng của địch trên đỉnh đồi nằm sát biển, gần khu vực Phú Hải, cách thị xã Phan Thiết 5 ki-lô-mét về phía đông. Khi vào chốt ta bắt thần nổ súng đánh chiếm khẩu đại liên Vickel và nhiều vị trí quan trọng. Bị đánh phủ đầu và dồn vào thế bất lợi, chỉ sau 15 phút chiến đấu ta diệt tại chỗ 20 tên, bắn bị thương 12 tên, bắt ba tên, thu 22 súng các loại, rất nhiều đạn và lựu đạn, trong đó có đại liên Vitke ⁽¹⁾. Chiến thắng lầu Ông Hoàng gây tiếng vang lớn ở Bình Thuận lúc bấy giờ, là trận đánh “Kỳ tập” mở đầu cho cách đánh độc đáo của trung đoàn và lực lượng vũ trang cực Nam Trung Bộ trong chín năm kháng chiến.

Tháng 7 năm 1947 trung đoàn rút trung đội người dân tộc Châu Ro của Đại đội Hoàng Hoa Thám lên bổ sung cho lực lượng Đồng Nai Thượng. Đồng thời lấy một số cán bộ làm nòng cốt để thành lập Đại đội Trần Quốc Tuấn.

Ngày 15 tháng 7 năm 1947 Đại đội Hoàng Hoa Thám được tăng cường lực lượng của Đại đội Quang Trung từ Tuy Phong điều về, lực lượng có tất cả sáu trung đội, tổ chức trận phục kích trên đường 8 đoạn từ An Lâm - Cầu Trại. Vũ khí ngoài súng trường, súng máy còn có khẩu đại liên Vitke vừa lấy được ở lầu Ông Hoàng cũng đem về sử dụng. Bọn địch có ba xe, chở khoảng 80 binh lính từ Phan Thiết lên tiếp tế cho Sông Quao, lúc hành quân lên địch đi thưa và rất chú ý quan sát, đề phòng nên ta, không đánh. Lúc địch quay về đội hình của chúng lọt vào

(1) Khẩu đại liên này hiện trưng bày tại bảo tàng Quân đội ở Hà Nội (theo cuốn Trung đoàn 812, sđd, tr.54).

trận địa, toàn bộ lực lượng ta nổ súng xung phong, bóm sát địch để tiêu diệt. Sau một giờ chiến đấu dũng cảm quân ta làm chủ trận địa phá hủy ba xe, diệt 40 tên (có một tên sĩ quan Pháp) bắn bị thương 15 tên, bắt năm tên, thu năm trung liên, sáu tiểu liên, 18 súng trường, ba súng ngắn và nhiều đạn được, bọn địch sống sót chạy về đồn Sông Quao.

Gần một tháng sau, vào ngày 7 tháng 8 năm 1947 Đại đội Hoàng Hoa Thám đã đánh trận chống càn tại khu vực Mả Thánh (Tân Lý - Hàm Tân). Đây là một trận chống càn bảo vệ địa bàn, bảo vệ dân khá xuất sắc. Đại đội đã chiến đấu ngoan cường, diệt hai trung đội lính Pháp, thu một trung liên, hai tiểu liên, 37 súng trường và nhiều đạn được, quân trang. Hoảng sợ trước cách đánh bất ngờ, dũng mãnh, được tổ chức chỉ huy tốt và liên tục của Đại đội Hoàng Hoa Thám, bọn Pháp bảo nhau "*Hãy coi chừng đại đội trưởng Năm Châu*".

Là một đại đội nằm trong trung đoàn chủ lực ở chiến trường Bình Thuận, sau hơn một năm chiến đấu Đại đội Hoàng Hoa Thám đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, liên tục vượt qua mọi khó khăn để tấn công, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch ở nhiều địa bàn của hai huyện Hàm Tân và Hàm Thuận. Đại đội đã cùng trung đoàn góp phần tích cực làm nòng cốt cho nhân dân đấu tranh chống giặc Pháp, phát triển phong trào chiến tranh du kích. Cán bộ chiến sĩ Đại đội Hoàng Hoa Thám luôn được nhân dân tin yêu, đùm bọc giúp đỡ và thân thiết gọi họ là "*Bộ đội Năm Châu*".

Tháng 9 năm 1947 thực hiện chỉ thị của cấp trên về việc thống nhất tổ chức các đơn vị trong Quân đội nhân

dân Việt Nam, Trung đoàn 82 biên chế lại tổ chức, lực lượng để thành lập hai tiểu đoàn gồm Tiểu đoàn 86 và Tiểu đoàn 89.

Tiểu đoàn 86 được thành lập trên cơ sở lấy Đại đội Hoàng Hoa Thám làm nòng cốt và được bổ sung thêm quân số. Tiểu đoàn trưởng là đồng chí Nguyễn Minh Châu, đồng chí Nguyễn Minh Dương làm chính trị viên và Nguyễn Văn Thành làm tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn có lực lượng chiến đấu gồm ba đại đội:

– Đại đội Hoàng Hoa Thám do đồng chí Nguyễn Văn Thanh làm đại đội trưởng.

– Đại đội Trần Quốc Tuấn do đồng chí Bùi Văn Mỹ làm đại đội trưởng.

– Đại đội Phạm Hồng Thái do đồng chí Lê Thành Công làm đại đội trưởng.

Tiểu đoàn 86 sau khi thành lập đã khẩn trương bước vào củng cố xây dựng về mọi mặt, từ đây tiểu đoàn cùng với trung đoàn và quân dân Bình Thuận đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên chiến trường Bình Thuận.

Vừa được thành lập hơn một tháng, ngày 9 tháng 11 năm 1947 tiểu đoàn phục kích địch ở khu vực suối Dầu gần ga Long Thạnh đánh đoàn tàu quân sự của địch, diệt và bắt 40 tên lính Pháp đi hộ tống (có một sĩ quan), thu hai trung liên, năm tiểu liên và rất nhiều chiến lợi phẩm.

Những tháng cuối năm 1947 ngoài việc đánh địch bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân, tiểu đoàn còn tranh thủ

thời gian khẩn trương xây dựng huấn luyện kỹ chiến thuật cho bộ đội, cử rất nhiều cán bộ tiểu đội, trung đội và đại đội tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng do trung đoàn tổ chức.

Tuy còn những hạn chế về nội dung, hình thức nhưng tiểu đoàn đã tiến hành nhiều nội dung về công tác chính trị, tư tưởng, đồng thời quan tâm đến hoạt động văn hóa văn nghệ. Ngay thời gian này tiểu đoàn đã góp phần tích cực cho tờ tin "*Chiến đấu*" của Trung đoàn 82 ra đều đặn hàng tháng. Công tác dân vận và tăng gia sản xuất ở các đại đội được thực hiện tốt. Kết quả các mặt công tác này góp phần quan trọng vào việc xây dựng tiểu đoàn lớn mạnh, động viên cán bộ chiến sĩ khắc phục khó khăn vượt qua mọi gian khổ, củng cố nâng cao tinh thần chiến đấu để cùng với quân dân trong tỉnh đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tiểu đoàn 86 ra đời là một cái mốc quan trọng đánh dấu sự lớn mạnh trưởng thành của Trung đoàn 82 ở Bình Thuận và đây là đơn vị tiền thân của Tiểu đoàn 186, một trong những đơn vị chủ lực, cơ động trên chiến trường cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

II. LIÊN TỤC TIẾN CÔNG ĐỊCH, CÙNG VỚI TRUNG ĐOÀN 82 VÀ QUÂN DÂN BÌNH THUẬN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1948 - 7-1954)

1. Thực dân Pháp chuyển sang bình định củng cố. Hoạt động của Tiểu đoàn 86 từ năm 1948 đến cuối năm 1950 tại chiến trường Bình Thuận.

Sau thất bại ở Việt Bắc thu - đông năm 1947 thực dân Pháp từ âm mưu "*Đánh nhanh thắng nhanh*" phải chuyển sang thực hiện âm mưu "*Xiết chặt*" và "*Vết dầu loang*" để bình định củng cố vùng chúng đã chiếm đóng. Thủ đoạn chủ yếu của địch là: đẩy mạnh càn quét, đánh phá quyết liệt các lực lượng cách mạng ở vùng chúng chiếm đóng, tổ chức những đội quân ứng cứu, lập hệ thống tề điệp, xây dựng thêm đồn, bót để kìm kẹp dân nhằm ngăn chặn, đánh trả các đòn tiến công của bộ đội, dân quân, du kích và tách lực lượng kháng chiến với nhân dân trên mọi địa bàn, mọi vùng.

Ở Bình Thuận lúc này địch cũng chuyển từ hành quân mở rộng vùng chiếm đóng sang "*xiết chặt*" củng cố vùng chiếm đóng. Nhiều cuộc càn quét với lực lượng từ một đại đội đến tiểu đoàn đã diễn ra liên tục. Chúng tăng cường củng cố xây dựng hệ thống đồn, bót, xây dựng bộ máy tề điệp để nắm dân, dồn dân vào những nơi chúng quy định. Tình hình này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho ta.

Ngày 15 tháng một năm 1948 Ban Chấp hành Trung ương họp mở rộng, sau khi đánh giá, nhận định tình hình, Hội nghị đề ra nhiệm vụ mục tiêu: phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là ở vùng địch tạm chiếm, biến hậu phương địch thành hậu phương ta... tiếp đến ngày 27 tháng 1 năm 1948 Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào "*Thi đua Ái quốc*" và Hồ Chủ Tịch kêu gọi:

Người người thi đua

Ngành ngành thi đua

Ta nhất định thắng

Địch nhất định thua⁽¹⁾

Thực hiện nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, hưởng ứng lời kêu gọi “Thi đua Ái quốc” của Bác Hồ, để đáp ứng tình hình nhiệm vụ lúc bấy giờ ở chiến trường Bình Thuận, Trung đoàn 82 đã phát động phong trào “Luyện quân lập công” và tiến hành chủ trương chấn chỉnh tổ chức theo phương thức “Đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung” và mở đợt hoạt động quân sự rộng khắp nhằm “chống càn quét, tiến công địch, bao vây uy hiếp bức rút đồn bót, cứ điểm lẻ và tích cực diệt tề diệt ác, hỗ trợ nhân dân đấu tranh chống địch.

Theo chủ trương của trung đoàn, ngày 1 tháng 3 năm 1948 Tiểu đoàn 86 sử dụng Đại đội Trần Quốc Tuấn dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Đức Tuyển - trung đoàn phó cùng phối hợp với lực lượng Quân khu 7 do đồng chí Tư lệnh Quân khu Hồ Văn Nghệ chỉ huy. Tổ chức trận phục kích lớn trên quốc lộ 20 đoạn cầu La Ngà lên thị trấn Định Quán, chặn đánh đoàn xe 70 chiếc chở nhiều sĩ quan và binh lính Pháp lên Đà Lạt. Sau hơn một giờ chiến đấu ta đã phá hủy 59 xe, diệt gần 150 tên lính lê dương, có 25 sĩ quan (trong đó có hai đại tá, một thiếu tá) bắt sống một trung úy, thu nhiều chiến lợi phẩm.

Gần một tháng sau, tại phía nam Thái An, Tiểu đoàn 86 và 89 tổ chức phục kích địch trên quốc lộ 1 (đoạn giữa Bàu Sen và Núi Rẽ). Hơn một ngày chờ địch, sáng ngày 15 tháng 4 địch xuất hiện từ phía sau sở chỉ huy Tiểu đoàn 89 và đã đánh thẳng vào Đại đội Phan Đình

Phùng, tuy bị bất ngờ, nhưng Đại đội Phan Đình Phùng đã điều chỉnh đội hình đánh trả quyết liệt. Cùng lúc Tiểu đoàn 89 đã ra lệnh cho Đại đội Quang Trung tổ chức một mũi đánh tạt vào bên sườn và phía sau. Tiểu đoàn 86 cho một đại đội phối hợp kịp thời với Đại đội Phan Đình Phùng đánh mạnh vào chính diện. Địch từ thế tiến công đã bị ta đánh lại từ nhiều phía, chúng phải lùi dần và rút chạy. Trong trận này ta diệt và làm bị thương gần 100 tên. Bên ta hy sinh 20 đồng chí (một đồng chí đại đội trưởng, một đồng chí đại đội phó), bị thương 50 đồng chí. Ở trận đánh này đại đội trưởng Nguyễn Minh Khương của Đại đội Phan Đình Phùng đã chiến đấu hy sinh vô cùng anh dũng, được cán bộ chiến sĩ toàn trung đoàn cảm phục.

Cùng với quân dân trong tỉnh tiến công địch ở Hàm Tân vào thời gian tháng 5 và 6, Tiểu đoàn 86 đã phối hợp, du kích dân quân du kích liên tục đánh phá, vây ép địch, bức rút các đồn Thạnh Mỹ, đồn ở ki-lô-mét 30 trên quốc lộ 1. Ngày 12 tháng 8 năm 1948 tiểu đoàn tập kích đồn Tân Lý. Thời gian này địch mở cuộc càn vào vùng Cây Khô, Cầu Cát, Minh Thắng và Tam Tân đã bị Tiểu đoàn 86 và du kích chặn đánh, nhiều tên bỏ mạng và bị thương, buộc chúng phải rút chạy. Lúc này ở Hàm Tân địch chỉ còn lại một cứ điểm duy nhất tại La Gi, nhưng đang bị ta bao vây, uy hiếp và triệt đường tiếp tế.

Thực hiện chỉ thị về sắp xếp lại tổ chức lực lượng của Liên khu 5⁽¹⁾, tháng 12 năm 1948 Trung đoàn 81 và

(1) Những lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh - NXB Sự thật, Hà Nội 1965, tập 1, trang 213.

(1) Ngày 20 tháng 10 năm 1948 Liên khu 5 được thành lập do hợp nhất Khu 5, 6 và 15, Trung đoàn 812... trang 74 - sđd

82 hợp nhất thành liên trung đoàn 81 và 82, dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của Bộ Tư lệnh Khu 5 và chịu trách nhiệm về quân sự trên cả bốn tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Ban chỉ huy liên trung đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Đức Tuyền quyền liên trung đoàn trưởng, Nguyễn Sắc Kim làm chính trị ủy viên, Nguyễn Minh Châu - liên trung đoàn phó phụ trách Bình Thuận, Nguyễn Chí Diễm liên trung đoàn phó phụ trách Ninh Thuận, Nguyễn Thanh - liên trung đoàn phó phụ trách Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Lực lượng của liên trung đoàn gồm có: Tiểu đoàn 86, 89, Đại đội Như Hổ, Trung đội Châu Ro và sáu đội vũ trang tuyên truyền. Như vậy đến cuối năm 1948 phương thức tổ chức lực lượng "Đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" đã được thực hiện thống nhất trong lực lượng vũ trang các tỉnh cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên.

Lúc này Tiểu đoàn 86 do các đồng chí: Nguyễn Sơn Diệp là tiểu đoàn trưởng, Lê Thành Cộng - tiểu đoàn phó (sau một thời gian đồng chí Cộng là quyền tiểu đoàn trưởng), đồng chí Bửu Bá là chính trị viên. Tiểu đoàn có ba đại đội với tên gọi mới là: Đại đội A, Đại đội B và Đại đội xung kích, Đơn vị đứng chân và hoạt động ở phía nam tỉnh Bình Thuận.

Trong đợt "Tổng phá tề" đầu năm 1949 ở các huyện nam Bình Thuận do liên trung đoàn và Tỉnh ủy chỉ đạo, Tiểu đoàn 86 cùng các đội vũ trang tuyên truyền và dân quân du kích "vừa diệt tề, trừ gian vừa tiến công địch", nên đã tiêu diệt được 26 tên (có 10 tên tề điệp) làm bị thương nhiều tên, thu ba súng.

Ngày 14 tháng 4 năm 1949 Tiểu đoàn 86 sử dụng lực lượng lớn đánh đồn Suối Kiết. Đây là đồn vào loại lớn có đại đội Âu Phi và một trung đội lính Ê Đê chốt giữ, vào buổi trưa tên chỉ huy uống rượu say, dờ dẫm dâm dăng với vợ của một tên lính, nên người lính này và tên chỉ huy đánh nhau, bọn lính trong đồn nhiều tên bỏ chạy, trong số này có một tên chạy vào nơi lực lượng ta bố trí. Nắm được tình hình, ta thay cách đánh tập kích với binh vận và lợi dụng sơ hở, chớp thời cơ, lúc chiều tối ta cải trang làm lính trở về đồn. Khi vào đồn chỉ còn mấy tên lính gác làm nhiệm vụ, đại bộ phận binh lính và chỉ huy vẫn đang ngủ. Bất ngờ lực lượng ta cả bộ phận cải trang và ở các mũi đều áp đảo tiến công địch. Trận đánh này giành thắng lợi lớn, ta đánh thiệt hại nặng đại đội Âu Phi diệt tại chỗ 20 tên, làm bị thương hơn chục tên, bắt sống 10 tên, thu một súng cối 61 ly, hai trung liên, 11 súng trường, nhiều chiến lợi phẩm. Ta hy sinh một đồng chí, bị thương một số. Sau thắng lợi trận đánh này hàng ngàn đồng bào dân tộc không bị địch kìm kẹp, không bị địch dồn gom được vào các khu dân cư quanh đồn.

Mấy ngày sau Tiểu đoàn 86 đánh địch càn lên suối Râm, khu vực Đông Đò (Hàm Tân) diệt 40 tên, làm bị thương nhiều tên. Tiếp đến địch liên tục càn quét vào khu vực Tam Giác (Hàm Thuận) nhất là trong tháng 5, chúng tiến hành hai cuộc càn lớn vào vùng này. Bọn Pháp có Việt gian dẫn đường, đi đến đâu đều đốt cháy hết nhà cửa, lúa gạo, bắn chết trâu bò, bắt hết heo gà và bắn giết nhiều người dân vô tội. Thực hiện nhiệm vụ trung đoàn giao, Tiểu đoàn 86 cùng dân quân du kích đã chống càn quyết liệt. Sau nhiều ngày chiến đấu ta đánh lui địch, diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ được địa bàn.

Các cuộc càn quét ở Hàm Tân, khu vực Tam Giác bị thất bại, thượng tuần tháng 5, địch rút bỏ Tân Nông (Tam Giác). Lúc này huyện Hàm Tân hoàn toàn được giải phóng với hơn 10.000 dân, từ đây Hàm Tân trở thành căn cứ của tỉnh Bình Thuận trong những năm kháng chiến chống Pháp. Tại căn cứ này xưởng quân giới của tỉnh được tổ chức (xưởng hợp nhất hai phân xưởng của hai Trung đoàn 81 và 82). Lúc đầu xưởng mới sản xuất được lựu đạn đập “Cao Thắng”, sau một thời gian ngắn, có người đi học hỏi kỹ thuật, kinh nghiệm ở miền Đông Nam Bộ về, xưởng đã sản xuất được các loại vũ khí như: FT1, Bazômin, lựu đạn mìn vệt..., đã góp phần lớn vào việc trang bị vũ khí cho quân dân bốn tỉnh cực nam nói chung và Tiểu đoàn 86 nói riêng, trong những năm kháng chiến tiếp theo.

Ngày 26 tháng 8 năm 1949 tiểu đoàn tổ chức đánh địch kết hợp với binh vận để tiêu diệt đồn Sông Dinh vào ngày 9 tháng 10. Tiếp đó Đại đội B của tiểu đoàn đã phối hợp với lực lượng tỉnh Đồng Nai Thượng diệt đồn Lút-xe nằm phía nam - tây nam Di Linh gần quốc lộ 20, diệt nhiều tên địch, thu một máy thông tin 15W và một số súng đạn.

Theo chủ trương của liên trung đoàn, tháng 11 năm 1949 Tiểu đoàn 86 tiến hành cuộc vận động “rèn cán chỉnh quân”, qua cuộc vận động này tiểu đoàn khắc phục được những tư tưởng lệch lạc, nhất là tư tưởng phân biệt lực lượng chủ lực với địa phương trong một số cán bộ, chiến sĩ, đồng thời kỷ luật và kỹ chiến thuật của bộ đội cũng nâng lên một bước. Mặt khác những tháng cuối năm 1949 công tác chính trị đã đi dần vào nề nếp, có chiều sâu, các hoạt động giáo dục tuyên truyền, văn hóa văn

nghệ khá sôi nổi. Nhờ vậy tiểu đoàn đã xây dựng nâng cao tinh thần đoàn kết, ý thức kỷ luật cho cán bộ, chiến sĩ, việc thực hiện dân chủ trong nội bộ chuyển biến tốt. Đặc biệt công tác phát triển Đảng, xây dựng Đảng đạt kết quả tốt, tiểu đoàn có Đảng bộ, ba đại đội đều có chi bộ lãnh đạo, hầu hết đội ngũ đảng viên, cán bộ đều gương mẫu, đi đầu trong chiến đấu và công tác, được chiến sĩ và nhân dân mến phục.

Để đáp ứng tình hình, nhiệm vụ ở chiến trường cực Nam Trung Bộ, đầu năm 1950 liên trung đoàn có thay đổi lớn về tổ chức biên chế. Ở Ninh Thuận giải thể Tiểu đoàn 89 thành lập Tiểu đoàn 92 gồm hai đại đội (210 và 212) và một đội cảm tử Phan Rang - Tháp Chàm. Tại Bình Thuận giữ nguyên Tiểu đoàn 86, lập thêm Đại đội 214 ở phía bắc Tỉnh, Đại đội 216 ở Hàm Thuận và Đại đội cảm tử Phan Thiết. Tư lệnh Liên khu 5 cử đồng chí Nguyễn Lệnh vào làm Chính ủy liên trung đoàn và bắt đầu thực hiện chế độ “Chính ủy, có quyền tối hậu quyết định” mọi công việc của liên trung đoàn, và lúc này một số cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn được chọn và cử làm đại diện cho chính ủy ở các đơn vị và địa phương, các đồng chí đại diện này được chính ủy, ủy quyền tối hậu quyết định mọi công việc ở đơn vị. Chế độ “Chính ủy tối hậu quyết định” đã tạo nên sức mạnh mới cho Đảng bộ liên trung đoàn và các đơn vị, trong đó có Tiểu đoàn 86.

Thời gian này tại chiến trường cực Nam Trung Bộ, địch tập trung sức kiểm soát chặt chẽ vùng tạm chiếm. Ở Bình Thuận chúng dồn dân ở phía bắc tỉnh, ráo riết củng cố phía nam tỉnh, đồng thời dùng lực lượng càn quét đánh phá ác liệt các khu căn cứ, khu du kích, nhất là vùng Tam

Giác (Hàm Thuận). Do vậy tình hình chung của tỉnh khá phức tạp, địch đã gây cho ta nhiều khó khăn, nhất là việc phát triển lực lượng và huy động vật chất cho kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của Liên khu 5, đầu tháng 3 năm 1950, ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ ⁽¹⁾ chỉ đạo mở đợt hoạt động ở vùng bắc Bình Thuận nhằm "Phát triển chiến tranh du kích, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch... giành dân" phối hợp với chiến trường Liên khu. Theo sự chỉ đạo của ban cán sự, Tỉnh ủy Bình Thuận và Liên Trung đoàn 81-82 tập trung lực lượng, lấy Tiểu đoàn 86 làm lực lượng chủ yếu để tổ chức đợt hoạt động quân sự ở bắc Bình Thuận vào mùa hè năm 1950, mang mật danh "BTN" với mục tiêu cụ thể "Đánh phá khu an toàn của địch, tiêu diệt một phần sinh lực địch, giành lại dân, phát triển lực lượng cách mạng...". Ban chỉ huy đợt hoạt động này gồm: các đồng chí Nguyễn Minh Châu - liên trung đoàn phó là Chỉ huy trưởng, Trần Quốc Thái - trưởng ban chính trị làm chính trị viên, Đoàn Tử Bầy - tham mưu trưởng liên trung đoàn là phó chỉ huy. Thời gian chuẩn bị từ tháng 4 đến tháng 6, thời gian hoạt động tập trung là từ tháng 7 và 8 năm 1950.

Để bảo đảm cho đợt hoạt động giành thắng lợi, lần đầu tiên mở đợt hoạt động quân sự lớn tại địa phương, nên Tỉnh ủy Bình Thuận tập trung mọi cố gắng để huy động lực lượng chuẩn bị nhân lực, vật lực, nhất là bảo đảm về hậu cần. Công tác tuyên truyền, cổ động, giáo dục

vận động quần chúng ủng hộ bộ đội được tiến hành ở cả vùng tự do và các địa bàn quan trọng trong vùng địch hậu. Đối với Liên Trung đoàn 81 và 82 đã tiến hành công tác chính trị sâu rộng trong bộ đội, từ cơ quan chỉ huy tới các đại đội, động viên cán bộ chiến sĩ chuẩn bị khẩn trương, chu đáo về mọi mặt, nâng cao quyết tâm chiến đấu, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao.

Nhằm đánh lạc hướng địch, trong thời gian chuẩn bị, liên trung đoàn đã lệnh cho một số đơn vị đẩy mạnh chống càn và tiến công địch ở các thị xã, thị trấn và một số địa bàn cần thiết, gây mất ổn định ở vùng địch hậu. Trong hai tháng 4 và 5 Đại đội cảm tử Phan Thiết đã 19 lần đột nhập đánh phá địch ở thị xã. Đại đội 214 phối hợp, hỗ trợ cho các đội vũ trang, cán bộ chính trị thâm nhập vào Phan Rí, chợ Lầu và Hòa Đa để củng cố, phát triển được 3.600 cơ sở cách mạng và quần chúng tốt ủng hộ kháng chiến.

Theo kế hoạch đã định, đầu tháng 5 Đại đội B Tiểu đoàn 86 được lệnh ra đứng chân ở địa bàn Thái An để chuẩn bị chiến trường. Song do ta sơ hở, lộ liễu, địch đã phát hiện được khu vực đóng quân của đơn vị. Rạng sáng ngày 2 tháng 6 năm 1950 địch dùng một tiểu đoàn Âu Phi chia làm hai cánh tiến công vào nơi đóng quân của Đại đội B, trong khi bộ đội ta đang tập thể dục bên bờ công sự. Vừa nghe tiếng súng báo động của tổ tuần tra phía trước trận địa thì ở hướng chính của địch chúng đã nổ súng mãnh liệt và xông vào khu vực Trung đội 2. Ngay phút đầu đồng chí Hùng xạ thủ trung liên chưa kịp vào vị trí chiến đấu thì trúng đạn địch hy sinh, bọn địch ập tới lấy mất khẩu trung liên Pren. Lúc đó đồng chí Huỳnh

(1). Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ thành lập tháng 3 năm 1949 do Liên khu 5 quyết định.

Kim Bôi - tiểu đội trưởng đã dũng cảm xông lên dùng tiểu liên vừa bắn vừa vật lộn với địch ngay trên bờ chiến hào. Cùng lúc lực lượng vu hồi của địch đã đánh vào bên sườn trái của đại đội. Tuy có bị động lúc đầu, nhưng dựa vào công sự, trận địa nên cán bộ, chiến sĩ Đại đội B đã chiến đấu ngoan cường và giữ vững trận địa. Nghe súng nổ dữ dội ở trận địa Đại đội B, Đại đội 214 cho bộ đội vận động sang chi viện, đánh thẳng vào phía sau quân địch, kết hợp đánh chính diện với đánh sau lưng tới, ta đã chặn đứng hướng tiến công chính của địch ở hướng Trung đội 2 và Trung đội 1, đẩy lùi và đánh bật chúng sang bên phải. Ở hướng Trung đội 3 bộ đội xuất kích đánh gãy cánh vu hồi của địch ở bên sườn trái, thu ngay một trung liên FM24. Trận chiến đấu diễn ra gay go quyết liệt, đến 10 giờ ta đánh lui các hướng tiến công của địch, diệt và làm bị thương hơn 100 tên, tiểu đoàn Âu Phi mất sức chiến đấu, buộc chúng phải rút chạy về Hòa Đa. Trong trận đánh này, ta hy sinh sáu đồng chí và bị thương 10 đồng chí, trong số bị thương có đồng chí Phạm Hoài Chương - chính trị viên Đại đội B, Phan Thân - đại đội phó đại đội 214... Bị đánh đau và thiệt hại nặng ở Thái An, bọn địch không dám đưa lực lượng đi càn và lùng sục vào vùng Thái An, Ngọc Sơn, vì vậy ta có điều kiện thuận lợi tiếp tục chuẩn bị cho đợt hoạt động quân sự theo chủ trương của Tỉnh và Liên trung đoàn đề ra.

Giữa lúc công tác chuẩn bị cho đợt hoạt động hè ở Bắc Bình Thuận vào giai đoạn cuối, thì ngày 25 tháng 6 năm 1950 theo chỉ thị của Liên khu 5 Trung đoàn 812 được thành lập, trên cơ sở của Liên trung đoàn 81-82. Ban chỉ huy trung đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Diễm - trung đoàn trưởng, Nguyễn Lệnh - chính ủy, Nguyễn

Minh Châu - trung đoàn phó. Lực lượng của Trung đoàn 812 ra đời nhưng chỉ một thời gian ngắn là ổn định tổ chức. Ban chỉ huy và lực lượng tham gia đợt hoạt động không thay đổi. Ngày 25 tháng 7 năm 1950 đợt hoạt động quân sự mang mật danh "BTN" bắt đầu nổ súng tiến công địch.

Trận mở màn, lực lượng ta đánh vào đồn quân vụ Duồng⁽¹⁾. Để bảo đảm đánh chắc thắng, ban chỉ huy sử dụng Đại đội xung kích do đại đội trưởng Trương Văn Ly chỉ huy làm lực lượng chủ công. Đại đội B làm lực lượng chặn viện, bố trí trận địa ở giữa đoạn Hòa Đa và Duồng (trên quốc lộ 1). Riêng Đại đội xung kích tổ chức thành 2 bộ phận, bộ phận "Quyết tử" có 13 đồng chí được trang bị toàn tiểu liên do đồng chí Trần Bích Cam chỉ huy, cải trang thành "phụ nữ" đi chợ để tiếp cận đồn. Bộ phận tiếp chiến là một trung đội tăng cường, được ém sẵn tại các bờ của ruộng muối, cách đồn khoảng 300-400 mét. Do tính chất quan trọng của trận đánh mở màn, nên đồng chí chỉ huy trưởng đợt hoạt động Nguyễn Minh Châu đã trực tiếp chỉ huy trận đánh. Sở chỉ huy đặt ở ven làng Hội Long, cách đồn Duồng chừng 600 mét.

Lúc 5 giờ sáng ngày 25 tháng 7 năm 1950, khi một trung đội địch đi lùng sục ở các làng xung quanh vừa về đồn, thì lúc đó 13 "cô gái" của ta gánh hàng đi chợ từ làng Thanh Lương cũng đã tới ngay cổng đồn. Lập tức các "cô gái" đặt gánh, hát đồ ngụy trang, ôm tiểu liên xông thẳng

(1) Duồng là khu vực nằm sát biển, gồm các làng Hà Thủy, Hiệp Đức, Thanh Lương và Hội Lâm, huyện Hòa Đa. Dân tại Hà Thủy và Hiệp Đức có khoảng 2.500 người, ngoài ra còn có dân các vùng khác địch dồn về đây lập các khu dân cư để kiểm soát. Địch ở khu vực này có hơn một đại đội, đóng thành hai đồn (đồn quân vụ Duồng ở làng Hiệp Đức, đồn bang tá Duồng đóng tại Hà Thủy)

vào đồn. Quá hốt hoảng hai tên lính gác ở cổng đồn rú lên “Việt minh, Việt minh” rồi tháo chạy ra khỏi đồn. Thừa thế lực lượng “quyết tử” đã nhả đạn tới tấp vào bọn địch vừa đi tuần tra về đang ngồi giữa sân đồn, hàng chục tên ngã gục ngay loạt đạn đầu. Số còn lại hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. Ta xông tới đánh chiếm từng căn nhà, từng lô cốt để diệt địch. Tên đồn trưởng Hiếu bị diệt ngay trên giường ngủ.

Nghe súng nổ, đại đội trưởng đại đội xung kích dẫn đầu lực lượng tiếp chiến xông thẳng vào cổng đồn cổ vũ anh em xung phong. Được tiếp thêm sức mạnh cả hai bộ phận xông lên đánh chiếm các mục tiêu còn lại. Một số địch còn sống sót đạp rào chạy về Phan Rí Cửa, chỉ còn mấy tên trong lô cốt gần cổng gác còn chống cự. Đại đội trưởng lệnh cho bộ phận tiếp chiến mang bazômin tới gần để tiêu diệt, nhưng ta chưa điểm hỏa thì cả tốp địch nằm tên đã ra hàng.

Sau 40 phút chiến đấu ta làm chủ đồn và tổ chức thu dọn. Kết quả diệt tại chỗ 20 tên, bắt sống 10 tên, làm bị thương 10 tên, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng.

Đây là trận cải trang diệt đồn lần thứ ba lập được chiến công xuất sắc. Phát huy thắng lợi, ban chỉ huy sử dụng Đại đội A tấn công đồn Bang Tá Duồng nằm trên bãi cát làng Hà Thủy, diệt một trung đội địch, phá đồn thu toàn bộ vũ khí. Được tin quân ta đánh Duồng, ngay sáng ngày 28 tháng 7 năm 1950, chi khu Hòa Đa cho một đoàn xe chở quân ra chi viện; đã bị lực lượng chặn viện diệt một xe thiết giáp và một số tên đi đầu, bọn phía sau quay xe chạy về Hòa Đa.

Qua bốn ngày đầu của đợt hoạt động, ta đã giành thắng lợi giòn dẽ; diệt gọn hai đồn, đánh sập 10 tháp canh, mở ra một vùng tự do rộng lớn, giải phóng hàng ngàn dân khỏi sự kìm kẹp kiểm soát của địch, tạo nên điều kiện thuận lợi để huy động nhân lực, vật lực, vào mùa hè năm 1950 tại vùng phía bắc tỉnh Bình Thuận bổ sung cho phong trào phía bắc tỉnh. Ta thu gần 100 súng các loại. Tiếp theo ngày 25 tháng 8 năm 1950, Tiểu đoàn 86 phục kích trên đường sông Lòng sông đi Liên Hương diệt một số tên địch, thu một xe ô tô, bắt một tên Pháp. Như vậy trong hai tháng Tiểu đoàn 86 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đợt hoạt động.

Phối hợp với hướng Bắc Bình, đại đội cảm tử tiếp tục thọc sâu vào thị xã Phan Thiết đánh sập lô cốt Kiêm Lâm, lô cốt Lò Heo, diệt một toán tuần tra trên đường Cồn Cỏ, Đức Nghĩa.

Thấy lực lượng ta đang tập trung ở Bắc Bình, địch liền mở cuộc càn quét đánh vào khu du kích Tam Giác (Hàm Thuận). Để bảo vệ khu du kích, ban chỉ huy điều Tiểu đoàn 86 vào Tam Giác để đánh địch càn quét, giao vùng mới giải phóng cho địa phương và Đại đội 214 chống địch tái chiếm, xây dựng cơ sở chính trị, phát triển phong trào chiến tranh du kích bảo vệ xóm làng.

Về đến khu Tam Giác, Tiểu đoàn 86 tổ chức đánh địch chống càn quyết liệt tại Xóm Mía, gây cho địch khiếp vía kinh hồn, dựa vào thế trận của chiến tranh du kích lực lượng tiểu đoàn đã chặn đánh địch ở các đường trong xóm, lần lượt đẩy chúng ra ngoài đồng trống, địch phải dựa vào bờ ruộng để chống trả; các chiến sĩ tiểu đoàn liền đưa súng máy lên nóc nhà ngói trong xóm, bắn

giam xuống những nơi địch đang ẩn nấp gây cho địch nhiều thương vong, số còn sống sót tháo chạy, ta truy kích diệt và làm bị thương nhiều tên, đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét của địch vào khu Tam Giác (Hàm Thuận). Tinh thần chiến đấu ngoan cường, mưu trí của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 86 trong trận đánh chống càn này mãi mãi không phai mờ trong lòng nhân dân Bình Thuận.

Đầu tháng 9 năm 1950, Trung đoàn 812 và Tỉnh ủy Bình Thuận mở tiếp một đợt hoạt động ngắn trên địa bàn nam khu Lê Hồng Phong và đường 8.

Bước vào hoạt động Tiểu đoàn 86 tập kích đồn Phú Long ở xóm Lụa diệt trung đội bảo an, bắt sống sáu tên, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự. Tiếp đó, tiểu đoàn dùng FT1 đánh sập các tháp canh ở vùng này và hệ thống tháp canh trên đường 8 đoạn từ ki-lô-mét số 3 đến ki-lô-mét 9. Sau hơn một tuần hoạt động, tiểu đoàn đã diệt một đồn, đánh sập 10 tháp canh, diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch thu hơn 100 súng các loại, buộc địch bị động đối phó, không thực hiện được kế hoạch dồn dân ở Hàm Thuận.

Theo chỉ thị của trung đoàn, từ đầu tháng 11 năm 1950 Tiểu đoàn 86 để lại một đại đội tiếp tục hoạt động ở khu tam giác, còn đại bộ phận rút về Dân Thạnh (Hồng Sơn khu Lê Hồng Phong) để học tập chính trị, huấn luyện quân sự, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới trong đông xuân 1950-1951.

2. Tiểu đoàn 86 táo bạo, mưu trí, liên tục tiến công địch, góp phần tích cực làm thất bại âm mưu kế hoạch dồn dân, bình định của địch ở cực Nam Trung Bộ (1951-1953).

Cuối năm 1950 quân và dân ta giành thắng lợi lớn trên khắp các chiến trường. Chỉ tính riêng chiến dịch Biên Giới ta đã loại khỏi vòng chiến đấu một lực lượng lớn của địch, khoảng 41 phần trăm lực lượng cơ động chiến lược trên toàn Đông Dương. Với thắng lợi này đã làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và địch. Cuộc kháng chiến của toàn dân ta từ chiến tranh du kích là chủ yếu tiến lên kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy. Ta đã giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ. Trong thế đang dần suy yếu và bị động đối phó, thực dân Pháp đề ra kế hoạch mới bao gồm bốn điểm:

– Tập trung quân Âu-Phi, xây dựng thành lực lượng cơ động mạnh để tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta. Đồng thời phát triển quân nguy thành đội quân quốc gia để bổ sung, hỗ trợ cho quân viễn chinh Pháp.

– Xây dựng hệ thống đồn bót, lô cốt, lập vành đai trắng ngăn chặn ta tiến công, đột nhập.

– Tiến hành chiến tranh tổng lực, gấp rút dồn dân, bình định vùng chiếm đóng, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

– Đánh phá vùng tự do, khu căn cứ, khu du kích và bao vây kinh tế.

Phấn khởi trước thắng lợi chung của cả nước, nhằm từng bước đánh bại âm mưu thủ đoạn chiến tranh mới của địch. Vào đầu năm 1951 ban cán sự cực nam, Trung đoàn 812 thống nhất với Tỉnh ủy Ninh Thuận mở “chiến dịch” mùa xuân 51 tại Ninh Thuận nhằm mục tiêu: đánh diệt một số đồn, bót, cứ điểm để tiêu hao tiêu diệt sinh lực

địch, kết hợp chặt với binh vận làm tan rã bọn nguy quân nguy quyền, đồng thời đánh phá các khu tập trung, mở rộng vùng tự do, phá kim kẹp của địch đối với nhân dân. Phát triển chiến tranh du kích, xây dựng phát triển thực lực cách mạng ở Ninh Thuận.

Ban chỉ huy "Chiến dịch" gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Diễm - trung đoàn trưởng làm chỉ huy trưởng kiêm chính ủy. Nguyễn Minh Châu - trung đoàn phó và đồng chí Tỉnh đội trưởng Ninh Thuận làm chỉ huy phó. Lực lượng tham gia có: Tiểu đoàn 86, các Đại đội 210, 212, Đội cảm tử Phan Rang và dân quân du kích tỉnh Ninh Thuận.

Để chuẩn bị cho "chiến dịch" hai tỉnh Ninh Thuận - Bình Thuận đã huy động hàng ngàn dân công vận chuyển lương thực thực phẩm, thuốc men cho bộ đội. Các Đại đội 210, 212, các đội vũ trang truyền truyền và dân quân du kích liên tục đột áp, quấy rối các đồn bót tiêu hao địch và xây dựng cơ sở. Do công tác chuẩn bị lương thực gặp khó khăn và việc nắm địch ở trọng điểm chưa chắc nên đến tháng 3 năm 1951 "chiến dịch" mới mở màn.

Ban chỉ huy chiến dịch sử dụng Đại đội B Tiểu đoàn 86 tập kích đồn cấp đại đội Phú Quý (Thuận Nam). Sau hai giờ chiến đấu ta chiếm phần lớn đồn. Kết quả ta diệt gần hai trung đội, thu 20 súng các loại (có một cối 61, ba trung liên), giải thoát 70 đồng bào bị địch giam giữ. Trong trận này ta hy sinh ba, bị thương ba đồng chí.

Tiếp đến Ban chỉ huy giao cho Đại đội A đánh đồn cấp trung đội Mông Đức; nhưng Đại đội A đánh không dứt điểm. Rút kinh nghiệm kịp thời, ban chỉ huy chiến dịch quyết định sử dụng đại đội xung kích đánh đồn Mông Đức lần thứ hai.

Ngày 25 tháng 3 năm 1951, phát huy cách đánh sở trường, đại đội trưởng Trương Văn Ly tổ chức một bộ phận cải trang và một bộ phận tiếp chiến để tập kích đồn. Hơn 40 phút chiến đấu, ta đã diệt, bắt bị thương và bắt sống toàn bộ quân địch, làm chủ trận địa, thu 40 súng các loại. Ta chỉ bị thương nhẹ một đồng chí.

Chiến thắng Mông Đức đã củng cố lại lòng tin của cán bộ, chiến sĩ. Hai ngày sau, 27 tháng 3 năm 1951 ta đánh bót Lý Nhã. Đây là một tháp canh kiên cố, do một trung đội địch và bọn tề điệp ác ôn đóng giữ. Trận này ta dùng hoả lực Bazômin và bộc phá đánh diệt đại bộ phận quân địch. Một số tên còn lại dựa vào lô cốt, công sự đánh trả quyết liệt nên ta không lấy được bót, sau trận này, địch đi vào cố thủ.

Sang tháng 4 năm 1951, một bộ phận Tiểu đoàn 86 phối hợp với Đại đội 210 tập kích đồn Công Thành tiêu hao một số địch, đại đội cùng lực lượng tỉnh phục kích tại An Xuân, diệt gọn một trung đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí.

Trong thời gian này Đại đội 212 và 210 cùng với du kích hoạt động ở Thuận Bắc, loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên địch thu 40 súng các loại; rút được một số thanh niên bổ sung cho đơn vị. Đội cảm tử đột nhập vào thị xã diệt một tên ác ôn, tập kích bót Tấn Tài diệt hai cảnh sát thu một tiểu liên, sau đó chống càn ở ngoại ô thị xã diệt chín tên (có một quan hai Pháp).

Dân quân du kích các xã tích cực diệt tề, trừ gian, phá giao thông, bao vây bắn tĩa các đồn bót lẻ của địch gây cho chúng hoang mang lo sợ, tạo điều kiện cho ta xây dựng, củng cố và phát triển cơ sở cách mạng.

Kết quả chung "chiến dịch":

Ta diệt gọn một đồn, đánh thiệt hại nặng hai đồn, bức rút bốn đồn (Tân An, Tân Hội, Cà Ná, Phú Thọ), đánh sập bảy tháp canh; diệt, bắt sống và làm bị thương hơn 200 tên địch, thu hơn 100 súng các loại, phá sập 17 cầu, 13 ki-lô-mét đường sắt, cắt đứt 25.000 mét giây điện thoại, đánh gãy 30 trụ điện, gây thiệt hại cho địch gần 10 triệu đồng Đông Dương. Tổ chức và phát triển được 6.000 cơ sở chính trị, 755 dân quân, rút được 300 thanh niên nam nữ bổ sung cho lực lượng vũ trang.

Nhìn chung, chiến dịch vẫn chưa tháo gỡ được hoàn toàn những khó khăn cho phong trào kháng chiến ở Ninh Thuận, vai trò chủ công của Tiểu đoàn 86 chưa nổi, một số trận đánh của chủ lực không dứt điểm, nên không gây thối động lớn và dao động trong hàng ngũ địch; việc huy động sức người, sức của vào chiến dịch rất lớn nhưng kết quả mang lại không tương xứng. Việc chỉ huy, chỉ đạo còn những hạn chế về tổ chức đánh trận mở màn, trận then chốt và cả về sử dụng lực lượng.

Khi chiến dịch kết thúc, Tiểu đoàn 86 rút về Bình Thuận thì địch đánh phá Ninh Thuận ác liệt hơn; phong trào kháng chiến ở đây vốn đã khó khăn lại càng khó khăn phức tạp thêm.

Về Bình Thuận, Tiểu đoàn 86 tham gia ngay đợt chống địch dồn dân, cướp lúa và chống càn quét ở Tam Giác Hàm Thuận. Sau một thời gian liên tục chiến đấu, đạn dược bị tiêu hao và chưa được bổ sung, mỗi khẩu súng trường chỉ còn từ ba đến năm viên đạn, tiểu liên, trung liên còn một đến hai băng. Từ tình hình trên, trung đoàn

quy định mỗi trận đánh súng trường chỉ được bắn từ một đến hai viên, tiểu liên, trung liên bắn một loạt đến nửa băng. Bắn xong phải thu hết tót đạn đưa về công binh xưởng dập lại (rờ-sạc lại).

Vấn đề cấp bách của tiểu đoàn lúc bấy giờ là phải nghiên cứu cách đánh ít tổn đạn dược mà có hiệu quả cao, thu được nhiều đạn dược của địch để bổ sung cho ta. Sau một thời gian theo dõi nắm quy luật ở bãi tập bắn của tân binh địch đầu sân bay Căng Êsêpic, mỗi lần đi tập bắn chúng mang theo nhiều đạn dược. Đại đội xung kích Tiểu đoàn 86 đã tổ chức trận đánh đột ngột phục kích địch để lấy đạn dược ở khu vực này.

Sáng ngày 9 tháng 12 năm 1951, như thường lệ, địch đưa hai trung đội tân binh cùng một xe Jeép chở đạn ra bãi tập. Sau khi kiểm tra sân bãi và xung quanh không phát hiện gì, chúng liền giá súng, tập hợp đội hình và đưa đạn từ trên xe xuống chuẩn bị bắn. Giữa lúc tên chỉ huy đang hạ đạt mệnh lệnh, các chiến sĩ ta liền bật nắp hầm, vọt lên khỏi công sự, người bắn, người cầm cây vạt nhọn, hô xung phong. Nghe tiếng súng nổ và tiếng thét xung phong, bọn tân binh bỏ súng tháo chạy tán loạn, tên chỉ huy cũng vội vã nhảy lên xe Jeép chuồn thẳng. Kết quả trận này ta diệt: hai tên, bắn bị thương nhiều tên thu một trung liên, 39 súng trường, ba thùng đạn, một thùng lựu đạn. Trận đánh này tuy diệt ít địch, song thu được nhiều súng đạn góp phần quan trọng để giải quyết tình hình thiếu đạn dược của tiểu đoàn lúc bấy giờ.

Phát huy thắng lợi, ban chỉ huy trung đoàn và Tỉnh ủy Bình Thuận giao nhiệm vụ cho Tiểu đoàn 86 tiếp tục tấn công tiêu diệt cứ điểm Căng Êsêpic bao gồm: trường

huấn luyện hạ sĩ quan, trận địa pháo 75 ly và sân bay dân dụng, còn cứ điểm do đại đội Âu Phi đóng giữ thì tổ chức kiểm chế.

Thực hiện mệnh lệnh trung đoàn giao, Tiểu đoàn 86 hạ quyết tâm đánh Căng Êsêpíc bằng hình thức cải trang tập kích để diệt cứ điểm. Lực lượng được tổ chức gồm: Sử dụng đại đội xung kích làm chủ công, chia làm hai bộ phận. Bộ phận "Quyết tử" gồm 14 tay súng cải trang làm lính địch do đồng chí Võ Hoài Tương làm đội trưởng. Bộ phận tiếp chiến do đồng chí Trần Văn Diệp và Nguyễn Ngọc Châu chỉ huy, cả hai lực lượng này đều do đại đội trưởng Trương Văn Ly và chính trị viên Đức Hữu chỉ huy. Đại đội B làm lực lượng tiếp chiến 2, sẵn sàng cùng Đại đội xung kích để tiêu diệt cứ điểm.

Đại đội trợ chiến sử dụng một trung đội đánh chiếm trận địa pháo 75; dùng một khẩu đại liên và một khẩu cối 61 kiểm chế khu vực đại đội Âu Phi. Nếu chiếm được trận địa pháo 75 ly thì sử dụng pháo địch uy hiếp lực lượng Âu Phi, không để chúng chi viện cho khu vực huấn luyện.

Đại đội A và lực lượng thị xã làm nhiệm vụ chặn viện do đại đội trưởng Đại đội A chỉ huy chung. Lực lượng bố trí tại khu vực Mã Lĩnh (giữa cổng chữ Y và Căng Êsêpíc), chỉ huy chung trận đánh do tiểu đoàn trưởng và chính trị viên Tiểu đoàn 86. Trung đoàn cử đồng chí Nguyễn Minh Châu - trung đoàn phó trực tiếp chỉ huy trận đánh.

17 giờ ngày 28 tháng 12 năm 1951, tiểu đoàn làm lễ xuất quân để động viên khí thế toàn đơn vị tại bùng Kò-ke xã Tiến Lợi. Tại lễ xuất quân đồng chí chính trị viên

Phan Văn Hược đã động viên bộ đội: "... ra quân là mang chiến thắng trở về". Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Sơn Diệp trao khẩu tiểu liên Thompson cho đội trưởng đội "quyết tử" Võ Hoài Tương.

23 giờ cùng ngày bộ phận cải trang thành lính nguy đi tuần theo ven biển đã đến chân dốc và bắt đầu bò lên tiếp cận mục tiêu. Toàn đội lên được hai phần ba dốc thì một chiến sĩ dùng phải một chiếc vỏ đồ hộp phát ra tiếng động. Bọn địch trong đồn liền bắn ra như vãi đạn, đất cát bay vào đầu vào mặt, nhưng các chiến sĩ vẫn cố chịu đựng và bám chắc vào sườn dốc. Hơn 10 phút sau tiếng súng im và nghe chúng thông báo cho nhau là không phát hiện được gì; các chiến sĩ lại tiếp tục leo lên thận trọng hơn. Lúc 0 giờ 5 phút ngày 29 tháng 12 năm 1951 toàn đội lên đến mặt bằng thì gặp một tiểu đội địch đi tuần ngang qua; thấy địch không phát hiện được mình, anh em lập tức bật dậy tiến thẳng đến mục tiêu, bắt tên lính gác, tên đốc gác và lúc này lực lượng tiếp chiến đã lên khỏi dốc triển khai đội hình sẵn sàng nổ súng. Khi bộ phận cải trang tiến đến chân cầu thang của nhà gác hai tầng thì dùng một đơn vị địch đi càn quét ở tam giác về vào đây nằm ngủ ngốn ngang trước nhà. Một tình huống ngoài dự kiến, không chút chần chừ, các chiến sĩ ta dùng tiểu liên, lựu đạn, mã tấu, dao, búa đánh tới tấp vào bọn địch. Bị đánh phủ đầu địch hoàn toàn tê liệt, nhiều tên chết và bị thương. Nghe tiếng súng nổ, đội tiếp chiến 1 đã kịp thời xông lên đánh địch, một bộ phận tiến thẳng lên cầu thang ập vào các phòng ngủ của địch trên gác hai thực hiện đánh gần, đánh giáp lá cà với địch, chiếm từng căn phòng diệt từng tên, từng tốp địch. Hoảng sợ trước tình thần

chiến đấu anh dũng của quân ta, nhiều tên đã nhảy từ tầng hai xuống mong trốn thoát, nhưng cũng bị lực lượng ta ở dưới đất tiêu diệt.

Giữa lúc đó, Đại đội B đang đánh chiếm khu nhà trệt. Sau khi tiêu diệt cơ bản quân địch ở đây, thì lực lượng đại đội trợ chiến báo tin đã làm chủ trận địa pháo và bộ phận kiểm chế bọn Âu Phi ở khu vực 1, buộc chúng không dám chi viện cho các khu vực bị đánh. Để tăng sức ép đối với bọn địch ở khu vực 1, bảo đảm cho ta thu dọn chiến trường, một bộ phận của đại đội xung kích nổ súng vào bọn Âu Phi ở khu vực 1 và bộ phận trợ chiến sử dụng khẩu pháo 75 ly vừa chiếm được bắn hai phát sang khu vực 1. Song đạn không có ngòi nổ nên không phá được đồn.

Phát hiện địch ở khu vực 1 đang hoảng loạn, đại đội trưởng và chính trị viên Đại đội B đề nghị tiểu đoàn cho Đại đội B phát triển sang đánh chiếm khu vực 1 nhưng không được trả lời nên Đại đội B không tiến đánh.

Sau hơn 40 phút chiến đấu quân ta đã làm chủ hoàn toàn khu huấn luyện và trận địa pháo, làm bị thương 150 tên địch (có một quan năm Pháp ở Nha Trang mới vào, 84 hạ sĩ quan), thu 175 súng các loại (có năm trung liên, 20 tiểu liên) một máy 15 oát, rất nhiều đạn dược trang dụng, phá hủy hai pháo 75 ly và hai xe bọc thép. Ta huy động gần 500 dân công và năm chiếc xe bò vận chuyển chiến lợi phẩm. Trong trận này ta hy sinh hai và bị thương 17 đồng chí.

Căn cứ Căng Êsépíc bị đánh, địch ở Phan Thiết cho 30 xe quân sự và xe bọc thép chở lính đi viện. Bọn này

vừa đến khu vực nghĩa địa Mã Lĩnh bị lực lượng phục kích diệt hai xe bọc thép, một xe quân sự và một số địch nên chúng rút chạy về Phan Thiết.

Chỉ trong vòng 20 ngày từ 9 đến 31 tháng 12 năm 1951, Tiểu đoàn 86 đã hai lần đánh vào khu vực Căng Êsépíc và giành thắng lợi giòn dã. Riêng trận ngày 28 tháng 12 đã được Đại tướng Tổng tư lệnh gửi điện khen. Chiến thắng này đã làm nức lòng quân dân Bình Thuận và gây hoang mang lo sợ cho kẻ thù.

Với thắng lợi này ta đã phá kế hoạch xây dựng và phát triển quân của địch ở Bình Thuận, phá kế hoạch càn quét cướp lúa và góp phần bảo vệ khu tam giác Hàm Thuận.

*

* *

Đầu năm 1952, địch đưa trở lại Bình Thuận một tiểu đoàn Âu Phi và tổ chức ba tiểu đoàn quân nguy, nâng tổng số quân nguy lên 4.000 tên. Địch liên tiếp mở các cuộc càn vào khu du kích Tam giác, khu căn cứ Lê Hồng Phong và vùng giải phóng Hàm Tân.

Để tăng cường lực lượng bảo vệ khu du kích Trung đoàn 812 rút Đại đội A và Đại đội B của Tiểu đoàn 86 bổ sung cho Hàm Thuận; đồng thời đưa một số cán bộ cơ quan trung đoàn xuống tổ chức các đội vũ trang công tác; và sau một thời gian ngắn chuyển cơ quan chỉ huy Trung đoàn 812 sang làm nhiệm vụ của Tỉnh đội Bình Thuận. Đồng chí Nguyễn Chí Diễm làm Tỉnh đội trưởng, Nguyễn Minh Châu làm Tỉnh đội phó, Nguyễn Lệnh - Chính ủy làm chính trị viên Tỉnh đội.

Tiểu đoàn 86 chỉ còn lại đại đội xung kích và trở thành đơn vị tập trung cơ động của tỉnh. Đại đội được bổ sung quân số của các đơn vị sắp xếp lại tổ chức gồm bốn trung đội bộ binh, một đơn vị trợ chiến có ba trung đội (một trung đội đại liên, một trung đội cối 60, 80, một trung đội ĐKZ), một trung đội công binh, một trung đội chỉ huy, đến cuối năm 1952 phát triển thêm hai trung đội đặc công trở thành đại đội có 10 trung đội, quân số tương đương với Tiểu đoàn 86 khi còn đủ ba đại đội. Ban chỉ huy đại đội gồm ba đồng chí: Quách Tử Hấp - đại đội trưởng, Phạm Hoài Chương - chính trị viên và Nguyễn Phương - đại đội phó.

Nhờ tăng cường lực lượng cho cơ sở và địa phương nên phong trào chiến tranh du kích phát triển lên một bước mới và khá đều khắp ở huyện Hàm Thuận, nhất là ở Tam Giác phong trào khá mạnh. Trong các thôn nhà nào cũng có hầm trú ẩn, hầm cất giấu tài sản. Trên các ngã ba, ngã tư đường làng, các ngõ hẻm địch có thể lùng sục đều bố trí hầm chông cạm bẫy; nhiều cơ sở còn đào hầm bí mật trong nhà trong vườn cho cán bộ, du kích và bộ đội tránh lánh, đánh địch. Tất cả đã tạo thành thế trận tấn công địch từ nhiều hướng một cách bất ngờ khi chúng vào khu Tam Giác. Để chống địch đốt phá nhà cửa, một kiểu nhà mới vừa thô sơ, vừa chắc chắn ra đời đó là nhà đất, sáng kiến này được bắt đầu từ một dân quân xã Hàm Chính đó là: ông Ba Moi, ông đã lấy gỗ và tre làm khung, dùng đất nhồi rơm trét dày hai mặt, bên trên lợp tranh rạ để chống mưa. Nếu bị địch đốt thì chỉ cháy lớp tranh rạ bên ngoài, nhà vẫn còn nguyên. Kiểu nhà đất đầu tiên chống địch đốt, có nơi ở ổn định, dần dần phát triển thêm thành ụ chiến đấu rất lợi hại.

Hằng ngày bộ đội và du kích tổ chức tuần tra, canh gác và có tín hiệu ⁽¹⁾ báo tin kịp thời cho nhân dân tránh lánh, lực lượng vũ trang bố trí đánh địch. Ngoài ra, trên một số hướng còn tổ chức từng tổ bám đồn bót địch để đánh địch khi chúng mò ra khỏi đồn bót. Các đội công tác tích cực vận động nhân dân lo việc tiếp tế, tải thương, xay lúa giã gạo cho bộ đội có ăn và còn dự trữ cho chiến đấu. Nhờ đó mà các trận càn của địch vào khu tam giác đều bị tổn thất nặng nề.

Trong ba tháng đầu năm 1952, dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân địa phương, các lực lượng vũ trang, dân quân du kích đã đánh 21 trận có hiệu quả, diệt gần 200 tên địch, bắn bị thương hơn 80 tên, bắt sống tám tên, bắn cháy bảy xe quân sự thu nhiều súng đạn (có ba đại liên). Ta đã giữ vững khu Tam Giác (Hàm Thuận), bảo vệ được mùa màng, không bị địch cướp phá. Nhằm tạo điều kiện cho khu du kích mở rộng trên đường 8; ngày 15 tháng 3 năm 1952, đại đội xung kích bố trí trận phục kích độn thổ đoạn cầu Trại (Liêm Bình) dọc đường 8 chặn đánh bọn tuần đường và bọn địch đi tiếp tế từ Phan Thiết lên diệt 45 tên, bắn bị thương tám tên, bắt sống sáu tên (có hai tên Pháp) thu hàng chục súng. Ta hy sinh bốn đồng chí, bị thương sáu và bị địch bắt hai chiến sĩ công binh, đây là một trận đánh nơi đường trống và vùng sâu của địch.

(1) Tín hiệu được làm bằng bô treo trên các cây cao, nhân dân gọi là "vọng gác bô" do du kích thường trực đảm nhận. Tại vọng này có thể quan sát từ xa, hướng các đồn bót địch. Khi phát hiện địch đi càn thì kéo bô lên, nhân dân nhìn thấy để cất dấu tài sản và tránh lánh, bộ đội bố trí lực lượng để sẵn sàng đánh địch.

Ngày 20 tháng 5 năm 1952 trong một trận chống càn tại ki-lô-mét 21 đường 8 đại đội xung kích dưới sự chỉ huy của Ban chỉ huy đại đội đã bám đánh địch quyết liệt gần hết một đại đội Maroc và đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an, hơn 150 tên địch chết và bị thương, số còn lại bị dồn xuống sông chết đuối rất nhiều tên.

Ta giải thoát toàn bộ số lao công chiến trường bị địch bắt đi phục dịch. Ta thu một trung liên, một số súng trường. Trận đánh đã bẻ gãy cuộc càn của địch vào vùng Hàm Phú, Hàm Trí, gây tiếng vang lớn ở Bình Thuận vì đây là lần đầu tiên một đại đội Âu Phi tinh nhuệ của địch đã bị ta tiêu diệt.

Phát huy thắng lợi, ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt cứ điểm Mương Mán, một bàn đạp xuất phát các cuộc càn của địch vào khu Tam Giác. Mương Mán là một cứ điểm mạnh, bảo vệ ga Mương Mán, nằm trên ngã ba đường sắt (Mương Mán - Sài Gòn, Mương Mán - Ma Lâm và Mương Mán - Phan Thiết) và có đường bộ Mương Mán - Ngã Hai (giáp quốc lộ 1), cách thị xã Phan Thiết chừng 17 ki-lô-mét về phía bắc. Địch đóng tại đây có khoảng ba đại đội, gồm các loại lính: lính bảo vệ đường sắt (GVF), lính quốc gia, lính Âu Phi và bọn biệt kích, chúng đóng hai đồn chính là đồn GVF và đồn quốc gia, cùng với hệ thống tháp canh xung quanh. Ngoài ra còn có một xe lửa bọc sắt (xe rapano) được trang bị hỏa lực mạnh. Có lúc còn có quân cơ động dừng lại nghỉ ngơi. Đây là nơi chưa bị ta đánh lần nào nên địch rất chủ quan.

Sau gần một tháng tổ chức điều tra nắm địch, ban chỉ huy Tỉnh đội sử dụng lực lượng đánh khu cứ điểm

Mương Mán gồm: đại đội xung kích và Đại đội B, chặn viện từ Phú Hội và đồn Ngã Hai tới giao cho Đại đội A. Đồng thời huy động gần 500 dân công phục vụ chiến trường, Ban chỉ huy trận đánh gồm các đồng chí: Nguyễn Minh Châu - Tỉnh đội phó làm chỉ huy trưởng, Phan Văn Hượt - nguyên chính trị viên Tiểu đoàn 86 làm chính trị viên, Quách Tử Hấp và Phạm Hoài Chương - chỉ huy phó trực tiếp chỉ huy trận đánh. Với các đánh sở trường của từng đơn vị, đại đội xung kích và Đại đội B được giao nhiệm vụ và tổ chức chiến đấu cụ thể như sau:

Đại đội xung kích được bổ sung ba chiến sĩ quốc tế (gồm hai người Đức, một người Tây Ban Nha) đánh đồn GVF. Lực lượng tham gia đánh đồn tổ chức thành hai bộ phận.

-Bộ phận thứ nhất cải trang làm lính nguy gồm 15 người có ba chiến sĩ quốc tế đóng giả quan hai và quan ba Pháp, do đại đội phó Nguyễn Phương chỉ huy bất ngờ tiếp cận đánh chiếm đồn.

-Bộ phận thứ hai làm nhiệm vụ tiếp chiến gồm một trung đội do trung đội trưởng chỉ huy.

Đại đội B được tăng cường một bộ phận của đại đội xung kích đánh đồn quốc gia cũng tổ chức thành hai bộ phận.

-Bộ phận thứ nhất cải trang làm lính nguy gồm 18 người của đại đội xung kích tăng cường do trung đội trưởng Võ Đức Nhi chỉ huy.

-Bộ phận thứ hai làm nhiệm vụ tiếp chiến do một trung đội của Đại đội B.

Lực lượng còn lại của Đại đội B làm đội dự bị trận đánh do đại đội trưởng và chính trị viên chỉ huy.

18 giờ ngày 23 tháng 6 năm 1952 lực lượng tiền nhập của ta vào đến phía bắc cứ điểm khoảng 50 mét, thấy đoàn xe lửa từ phía bắc vào đang đứng trước cổng đồn GVF và trong sân ga có nhiều lính Âu Phi và lính ngụy đi lại lộn xộn. Lợi dụng tình hình này bộ phận cải trang men theo xe lửa (có bộ phận đi trên xe lửa) do hai “quan tây” dẫn đầu tiến thẳng vào cổng đồn GVF. Tên lính gác bỗng súng chào, chớp thời cơ toàn đội tiến thẳng vào đồn. Không chần chừ, ngài “Quan hai” cải trang đi thẳng vào nhà chỉ huy, tên đồn trưởng đang ngồi ở bàn vừa đứng dậy chào liền bị “quan hai” bắn gục. Cùng lúc các chiến sĩ ta đánh chiếm các ụ súng và phát triển đánh chiếm từng căn nhà. Nhiều tên địch bị diệt từ loạt đạn đầu, số còn lại chạy tán loạn, nghe súng nổ, bọn địch ngoài sân ga vội chạy vào đồn nhưng bị lực lượng chốt của ta ở cổng diệt gần hết. Lúc này chiếc Rafano chạy đến bắn ngăn chặn lực lượng ta. Sau năm phút chiến đấu quân ta hết đạn và bộ phận tiếp ứng, chưa đến kịp, anh em dùng lựu đạn, dao găm để đánh và vật lộn với địch. Chiến sĩ Mạnh dùng dao găm đâm chết liền hai tên địch, đến tên thứ ba thì bị nó bắt được tay dao và đạn trúng vào bắp đùi, cổ chịu đau và bằng miếng võ gia truyền, anh Mạnh liền húc đầu gối vào bộ hạ tên địch làm hắn ngã lăn ra, một chiến sĩ gần đó lao đến kết liễu đời hắn. Gần 10 phút chiến đấu ta chiếm được các lô cốt, hầm đại liên, trận địa pháo và nhà chỉ huy. Bên ngoài chiếc Rafano còn bắn rát, trung đội trưởng tiếp chiến ra lệnh cho chiến sĩ giữ súng AT1 bắn hai quả AT1 vào chiếc Rafano. Lúc này pháo địch ở Căng Êsépíc bắn dồn dập vào trước và xung quanh đồn. Đạn pháo rơi trúng toa chở đạn nên gây

cháy nổ dữ dội. Sợ bị tiêu diệt, chiếc Rafano vội chạy về hướng Suối Dầu cách Mường Máng khoảng hai ki-lô-mét. Chớp thời cơ đội tiếp chiến xông vào đồn phối hợp với bộ phận cải trang diệt địch, làm chủ trận địa thu nhiều chiến lợi phẩm.

Đại đội trưởng xung kích kiêm phó chỉ huy trận đánh tiếp tục chỉ huy đánh đồn quốc gia.

Bộ phận cải trang đánh đồn quốc gia lúc đầu đều xông vào đánh đồn GVF. Sau một lúc chiến đấu, biết đánh nhằm mục tiêu, mới chuyển sang đánh đồn quốc gia lúc đó bọn địch ở đây đã phòng bị, chống trả nên bộ phận cải trang phải nằm ngoài cổng bắn vào. Khi lực lượng tiếp chiến vào phá cổng đồn mới đánh vào bên trong và hơn một giờ sau mới giải quyết xong quân địch ở đồn quốc gia.

Sau gần hai giờ chiến đấu quyết liệt, lực lượng ta mới chiếm được hai đồn và các tháp canh xung quanh, làm chủ khu cứ điểm Mường Mán thu dọn chiến trường, đưa chiến lợi phẩm ra sân ga. Một phần lực lượng dân công vào kịp, chỉ đủ sức đem được một nửa chiến lợi phẩm thu được ra vùng tự do. Bộ phận công binh tiến hành phá đồn, phá lô cốt, phá khẩu sơn pháo 75 ly và một số đạn pháo ở đồn GVF (vì ta không đem ra được). Trong trận này ta diệt và bắn bị thương hơn 300 tên, bắt sống 12 tên, thu trên 100 súng các loại (có một đại liên, một cối 81, một cối 60 ly) hàng trăm thùng đạn và lựu đạn. Về phía ta bị thương năm đồng chí, lực lượng dân công bị thương chín (do pháo địch bắn chặn).

Thắng lợi trận Mường Mán chẳng những khẳng định tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, tích cực

tiến công địch của bộ đội ta, mà còn đánh dấu một bước trưởng thành khá mạnh về trình độ tổ chức chỉ huy của một trận đánh có quy mô khá lớn, về sử dụng lực lượng đông hơn và khả năng xử lý các tình huống phức tạp, mau lẹ trong trận đánh.

Giữa năm 1952 đồng chí Lê Duẩn - Thường vụ Trung ương Đảng trên đường ra Việt Bắc họp đã ghé thăm và làm việc với Tỉnh ủy Bình Thuận. Khi lên đường đồng chí cho ba cán bộ đặc công ở lại để huấn luyện lối đánh đặc biệt cho lực lượng vũ trang Bình Thuận. Được sự thống nhất của ban cán sự cục nam và Tỉnh ủy Bình Thuận, Tỉnh đội đã chọn 43 cán bộ, chiến sĩ của đại đội xung kích tổ chức thành một đội để học tập kỹ thuật đặc biệt.⁽¹⁾

Qua hai tháng (7 và 8 năm 1952) việc huấn luyện và tập dượt của đội cơ bản đã hoàn thành, qua kiểm tra đạt chất lượng tốt, có thể tiến hành chiến đấu được.

Tiếp tục thực hiện chủ trương tiến công diệt đồn bót, đánh phá các khu tập trung dân cư của địch, đồng thời nhằm vận dụng cách đánh đặc công đã được huấn luyện vào thực tế chiến đấu, Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận quyết định đánh diệt đồn Ngã Hai bằng cách đánh mới này.

Ngã Hai là một đồn được xây dựng khá kiên cố, quanh đồn có nhiều lớp rào kẽm gai bao bọc, nằm trên khu vực ngã ba đường, sát quốc lộ 1, cách Phan Thiết bảy ki-lô-mét về phía nam. Là vị trí án ngữ trên đường quốc

lộ 1 vào Phan Thiết, đồng thời là nơi khống chế nhiều khu tập trung dân cư. Lực lượng địch ở đây có hơn một đại đội, do tên thiếu tá người Pháp chỉ huy.

Để đánh thắng trận đầu bằng cách đánh đặc công, lực lượng tham gia trận đánh được sử dụng và phân công nhiệm vụ như sau: Đội đặc công là lực lượng đột kích chủ yếu, lực lượng tổ chức thành bảy mũi, tiến công đồn trên hai hướng (chủ yếu và thứ yếu) có nhiệm vụ bí mật phá rào, luồn sâu áp sát các mục tiêu trước giờ nổ súng. Đại đội xung kích làm nhiệm vụ tiếp chiến. Một trung đội địa phương Phan Thiết có nhiệm vụ chặn viện địch từ Phan Thiết vào. Dùng một tổ đặc công đánh sập tháp canh ở cầu 40 và tháp canh tại khu tập trung dân. Ban chỉ huy trận đánh gồm: đồng chí Nguyễn Minh Châu, tỉnh đội phó và ban chỉ huy đại đội xung kích.

Đêm 18 tháng 9 năm 1952, theo nhiệm vụ đã được phân công, các đơn vị, lực lượng vào chiếm lĩnh trận địa, tiến nhập vào mục tiêu.

Đúng 2 giờ ngày 19 tháng 9, bộc phá của các chiến sĩ đặc công đồng loạt nổ, làm sập các lô cốt, nhà lính, nhà chỉ huy. Theo cửa mở lực lượng tiếp chiến xung phong vào phối hợp đánh diệt địch trong trận nội. Bị đánh bất ngờ, địch hoàn toàn tê liệt, không kịp chống trả.

Nghe súng và bộc phá nổ ở đồn Ngã Hai, tổ đặc công đã lập tức đánh sập tháp canh ở cầu 40 và tháp canh ở khu tập trung dân cư.

Chỉ trong vòng 20 phút, ta làm chủ trận địa, diệt 60 tên, bắt sống 60 tên, thu toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng. Đồng thời phá khu tập trung, đưa toàn bộ số dân bị địch dồn về đây trở lại làng xóm cũ làm ăn.

1. Cách đánh đặc công của Nam Bộ, chỉ luồn sâu, ém sẵn, đánh hũy diệt rồi rút, sau khi học tập, ta phát triển thành chiến thuật đặc công: đánh tiên diệt và làm chủ đồn bót, cứ điểm chi khu.

Đồn Ngã Hai bị đánh, địch từ Phan Thiết đến ứng cứu, bọn này đến cổng chữ Y thấy vật cản, ta bố trí trên đường chúng dừng lại bắn vu vơ cho đến sáng. Chiến thắng Ngã Hai là thắng lợi trận đầu của cách đánh đặc công trên chiến trường Bình Thuận và cả chiến trường cực Nam Trung Bộ, nó đánh dấu một bước phát triển về nghệ thuật đánh diệt cứ điểm vững chắc của địch của bộ đội Bình Thuận lúc bấy giờ.

Bị mất đồn Ngã Hai gần Phan Thiết, sáng ngày 19 tháng 9 năm 1952, tên quan năm Pháp tức tốc từ Sài Gòn ra thị sát để tìm cách đối phó và tên này đã bàng hoàng trước lối đánh “rất kỳ lạ” của Việt Minh.

Cuối năm 1952, ban cán sự cực Nam Trung Bộ và Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương đẩy mạnh hoạt động quân sự, diệt một số cứ điểm địch, mở rộng vùng giải phóng Hàm Phú – Hàm Trí nối liền với căn cứ miền núi từ Bắc Bình vào Hàm Thuận lên Tánh Linh.

Thực hiện chủ trương trên, ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt cứ điểm Sông Quao ⁽¹⁾.

Sau một thời gian trinh sát theo dõi địch, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết tâm sử dụng lực lượng đánh cứ điểm Sông Quao như sau:

(1) Cứ điểm sông Quao là một cứ điểm mạnh trong hệ thống phòng thủ của địch trên đường 8, cách thị xã Phan Thiết 27 ki-lô-mét về phía Bắc. Địch đóng cứ điểm này từ năm 1948 và chưa bị ta đánh lần nào, xung quanh cứ điểm có năm lớp rào kẽm gai và bùng những kết hợp có mìn và trên rào treo vỏ đồ hộp. Trong rào là tường đá cao 1,50 mét và có đường hầm từ nhà chỉ huy ra đến lô cốt cố thủ ở đầu cầu sông Quao. Ngoài ra còn có năm lô cốt bảo vệ xung quanh và một lô cốt mẹ bằng đá ở giữa đồn cao 14 mét, có một đại liên không chế được bốn mặt. Địch ở đây là một đại đội tăng cường (lính Chăm và lính Thượng) do bốn tên sĩ quan Pháp chỉ huy.

Đội đặc công làm nhiệm vụ mật phá vật cản, đưa lực lượng vào trong cứ điểm đặt bộc phá vào lô cốt mẹ và các lô cốt bên trong.

Đại đội xung kích làm nhiệm vụ tiếp chiến.

20 giờ ngày 18 tháng 1 năm 1953, các mũi đặc công tiến nhập mục tiêu và bắt đầu mật phá vật cản.

Do mang vác nặng (mỗi chiến sĩ mang từ năm đến bảy ki-lô-gam bộc phá) cắt rào xong phải vượt hào và ao rộng nên đến 4 giờ 30 phút ngày 19 tháng 1 mới bám được vào các mục tiêu quy định.

Mũi chủ yếu sau khi đặt bộc phá khối vào lô cốt mẹ liền cho liên lạc ra báo cáo chỉ huy xin lệnh phát hỏa. Trong khi liên lạc chưa quay vào, thì tên đốc canh phát hiện bộc phá của ta bố trí ở dãy nhà lính, nó hoảng hốt la lên. Biết bị lộ, mũi trưởng mũi chủ yếu Lê Hạnh Phúc cho điểm hỏa bộc phá tại lô cốt mẹ. Tiếp theo tiếng nổ vang rền ở lô cốt mẹ, hàng loạt tiếng bộc phá, thủ pháo xen lẫn tiếng súng dồn dập nổ vào các mục tiêu địch. Lực lượng tiếp chiến cũng vượt tường đánh vào trung tâm phối hợp với đặc công tiếp tục đánh chiếm các mục tiêu còn lại.

Do bị lộ, ta nổ súng sớm, nên hai tổ đảm nhiệm đánh lô cốt đầu cầu Sông Quao và lô cốt hướng đông chưa đến mục tiêu, lại có sự nhầm lẫn đã gây thương vong cho nhau. Vì thế hai tổ này không thực hiện được nhiệm vụ trên giao.

Mặt khác, tên chỉ huy cứ điểm Sông Quao sau phút bất ngờ, hấn đã men theo đường hầm ra đến lô cốt đầu cầu tổ chức chống cự, khẩu súng máy của chúng trong lô cốt đã

bắn dữ dội để ngăn chặn ta. Cuộc chiến đấu giằng co giữa ta và địch trước hầm ngầm và xung quanh lô cốt diễn ra quyết liệt. Quyết tiêu diệt bằng được mục tiêu cuối cùng này, ta tập trung hỏa lực kiềm chế địch và lợi dụng khẩu đại liên địch vừa ngưng bắn, các tổ hai bên sườn xông lên chiếm lô cốt, rồi tiếp tục tiến công tiêu diệt địch.

Kết quả: sau gần một giờ chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ trận địa, diệt bắt sống hơn một đại đội địch (bắt sống 30 tên, có ba tên Pháp) thu một đại liên Vicker, chín trung liên, 18 tiểu liên, 120 súng trường, một cối 81 ly, năm máy bộ đàm và nhiều quân trang quân dụng, phá sập cầu Sông Quao, nằm lô cốt và san bằng đồn. Ta hy sinh hai chiến sĩ đặc công, bị thương ba đồng chí. Tiêu diệt cứ điểm Sông Quao, ta đã giải phóng hoàn toàn xã Hàm Trí, nối liền vùng căn cứ với Bắc Bình và tạo bàn đạp thuận lợi để tiến lên Đồng Nai Thượng, cô lập đồn Gia Bát. Địch phán đoán sau khi đánh sông Quao, quân ta sẽ rút về Hồng Sơn, một xã ven căn cứ Lê Hồng Phong. Ngày 12 tháng 2 năm 1953, địch sử dụng 39 máy bay Đacôta, được khu trục cơ yểm trợ, đổ 200 quân dù xuống Dân Thạnh, Trại Máu thuộc xã Hồng Sơn; đồng thời dùng xe cơ giới chở ba tiểu đoàn bộ binh đổ xuống Tuy Hòa để bọn này lên hợp vây, cùng quân dù tiêu diệt gọn quân ta ở Hồng Sơn.

Dự đoán đúng âm mưu và hành động của địch, ban chỉ huy Tỉnh đội đã triển khai sẵn lực lượng đại đội xung kích phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích tại chỗ bày sẵn thế trận chờ đón chúng.

Khi ba tiểu đoàn bộ binh địch vừa triển khai đội hình thì đã bị du kích xã Hàm Đức, Hồng Sơn cùng lực lượng

xung kích bám đánh suốt ngày; nhiều trận phục kích diễn ra suốt chặng đường từ động Bà Hòe - Xa Ra đến cầu ông Tầm, diệt gần 100 tên địch, làm cho bọn này phải dừng lại ở cầu ông Tầm.

Cánh quân dù vừa chạm chân xuống đất đã bị lực lượng tại chỗ tiến công liên tục bằng các loại vũ khí (có cả vũ khí thô sơ tự tạo) nên chúng lo xây dựng công sự để tự bảo vệ và không dám tiến hành tiến quân càn quét. Đêm đến khi chúng vừa tổ chức co cụm thì trung đội đặc công đã tập kích vào sở chỉ huy, diệt và làm bị thương 40 tên (trong đó có một quan tư và hai quan hai chết, một quan ba và hai quan hai bị thương).

Như rấn mất đầu, sáng ngày 13 tháng 2 năm 1953 toàn bộ quân dù rút chạy; lực lượng bộ binh ở cầu Ông Tầm cũng tháo lui, kết thúc cuộc càn dự định trong một tuần. Bị thất bại nặng trong cuộc càn ở xã Hồng Sơn và mất căn cứ Sông Quao; bọn chỉ huy Pháp ở Phan Thiết cố tìm mọi biện pháp để trấn an binh lính và khôi phục lại cứ điểm Sông Quao.

Ngày 20 tháng 3 năm 1953 chúng cho một tiểu đoàn hành quân dọc đường 8 để chuẩn bị cho việc khôi phục, chiếm đóng lại đồn Sông Quao.

Nắm được ý định của địch, đại đội xung kích theo lệnh của Ban chỉ huy Tỉnh đội đã phối hợp với Đại đội A, Đại đội B và dân quân du kích hai xã Hàm Phú, Hàm Trí bố trí chặn đánh địch tại ki-lô-mét 21 (An Lâm) diệt một đại đội và đánh thiệt hại nặng một đại đội khác, số còn lại rút chạy trở về. Ta bị thương năm đồng chí của đại đội xung kích. Sau trận này địch bỏ luôn ý định chiếm đóng lại cứ điểm Sông Quao.

Tháng 3 năm 1953 địch tăng quân đến Phan Thiết tiếp tục mở các cuộc hành quân đánh phá khu Tam Giác và Lê Hồng Phong. Để gây không ổn định trong thị xã, phá kế hoạch căn quét của địch ngay từ đầu, ban chỉ huy Tỉnh đội giao nhiệm vụ cho Đại đội xung kích và Đại đội B đánh khách sạn Liên Thành trong thị xã Phan Thiết ⁽¹⁾.

Phát huy lối đánh sở trường, đại đội xung kích và Đại đội B chọn 12 chiến sĩ có kinh nghiệm chiến đấu đặc công, tổ chức thành một phân đội do đồng chí Lê Văn Luyến làm chỉ huy trưởng, đồng chí Hai Tiến, đội trưởng đội công tác Hữu Ngạn và Trần Việt Tân làm chỉ huy phó, cải trang thành lính com-măng-đô đột nhập thị xã.

Chiều ngày 6 tháng 4 năm 1953 khi thị xã vừa lên đèn thì cả phân đội cũng từ ngõ hẻm sau đình Vạn Đức Thắng tiến ra đường Phan Chu Trinh, băng qua đường Nguyễn Thái Học đến thẳng mục tiêu. Đi đầu là chị Nguyễn Thị Quyên (vợ Hai Tiến, một cơ sở bí mật) gánh hai nồi chè bên trong đựng hai quả bộc phá khối. Vừa đến khách sạn, chị Quyên liền đặt gánh chè xuống, các chiến sĩ biệt động chộp ngay hai quả bộc phá xông thẳng vào mục tiêu. Một tổ xông vào đập cửa phòng ăn, quét tiểu liên vào bọn sĩ quan đang ngồi ăn tại bàn, một số chết, bị thương, số còn sống chui xuống gầm bàn trốn và bung chạy ra phòng giữa nhưng lại gặp tổ của đồng chí Phước đánh diệt. Xác địch chồng chất lên nhau; một vài tên liều mạng chạy ra phía trước khách

(1) Khách sạn Liên Thành trước đây là trụ sở của "Liên Thành thương quán" nằm cách đầu cầu Phan Thiết 50 mét về hướng đông bắc (cầu giữa ngày nay) khách sạn có ba phòng hai phòng ăn, phòng giải trí, phòng kho và bếp. Đây là nơi ăn chơi của bọn sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp.

sạn, cũng không thoát chết. Thấy cơ bản bọn địch trong khách sạn đã bị diệt, đội trưởng hạn lệnh dùng khối bộc phá năm ki-lô-gam đánh sập phòng ăn rồi lui quân. Trên đường rút lại gặp một tổ lính, tổ đi đầu quét hai loạt tiểu liên diệt thêm một số, bọn còn lại tháo chạy tán loạn.

Kết quả: ta đã diệt tại chỗ 42 tên, bắn bị thương 15 tên hầu hết là sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp (trong đó có hai tên quan ba, hai tên quan hai và một quan một).

Khách sạn Liên Thành bị đánh, địch đoán ta sẽ rút theo đường biển nên chúng huy động binh lính và phương tiện xuống cồn Chà Đức Thắng để chặn và đồn Thương Chánh dùng hỏa lực khống chế cửa biển để phối hợp.

Trong khi đó, lực lượng ta lại rút qua hướng chợ, sang chùa Bà, động Làng Thiêng, vượt sông Cà Ty về căn cứ an toàn.

Trận đánh khách sạn Liên Thành đã gây tiếng vang lớn trong thị xã và giáng cho địch một đòn đau. Đây là một chiến công xuất sắc của các chiến sĩ Đại đội xung kích, Đại đội B và đội công tác nội ô thị xã Phan Thiết.

Tiếp theo, Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định tấn công Mũi Né ⁽¹⁾ nhằm bồi thêm cho cho địch một đòn đau, đẩy địch vào thế bị động đối phó. Đồng thời tạo thêm

(1) Mũi Né là một cứ điểm mạnh được xây dựng từ năm 1946 nằm trên một đồi cát có độ cao 30 mét và dài hai ki-lô-mét, hướng bắc nối liền với khu Lê Hồng Phong, còn ba mặt giáp biển. Tại đây có hai đồn lớn, đồn Thạch Long (đồn chính) có một đại đội tăng cường, do tên đại úy Méc-dờ-lay làm đồn trưởng. Đồn Bang Tá có một đại đội thiếu, do tên bang tá Phan Lý Ngự chỉ huy, quanh cứ điểm có 11 tháp canh và 4 lớp rào bảo vệ. Khu vực Mũi Né có khoảng 6000 dân, bị địch kìm kẹp lâu ngày.

điều kiện để tiếp tục giữ vững khu du kích và vùng tự do Hàm Thuận.

Lực lượng tham gia đánh đồn Mũi Né gồm có:

Đội đặc công và một trung đội của đại đội xung kích đánh đồn Thạch Long;

Hai trung đội của đại đội xung kích đánh đồn Bang Tá. Tỉnh đội trưởng chỉ huy đánh đồn Thạch Long, chính trị viên chỉ huy đánh đồn Bang Tá.

Lúc 16 giờ ngày 13 tháng 4 năm 1953, các đơn vị hành quân tiếp cận mục tiêu.

04 giờ ngày 14 tháng 4 lực lượng đánh đồn Thạch Long đã khắc phục xong vật cản, áp sát đồn; lực lượng đánh đồn Bang Tá chưa vượt qua được hệ thống tháp canh.

Để bảo đảm thắng lợi ở đồn chính và tạo thuận lợi đánh đồn Bang Tá tiếp theo, chỉ huy trưởng hạ lệnh khai hỏa. Bộc phá, thủ pháo các mũi đồn dập tắt công vào các vị trí địch theo phân công. Cả khu đồn Thạch Long mịt mù khói lửa. Địch bị tê liệt ngay từ đầu, một số bị diệt, một số đầu hàng. Tên đồn trưởng cố chống cự, bị diệt ngay tại chỗ. Sau 30 phút chiến đấu, ta làm chủ đồn chính.

Lực lượng đánh đồn Bang Tá, nghe tiếng bộc phá nổ ở đồn Thạch Long, dùng súng ĐKZ diệt tháp canh để mở đường, nhưng bắn trượt, chính trị viên Tỉnh đội lệnh cho đơn vị bỏ qua tháp canh, đập rào, xông thẳng vào đồn. Tuy lực lượng có bị tổn thương nhưng đại bộ phận đã vượt qua rào, xông vào nổ súng áp đảo địch. Địch dựa vào công sự chống trả quyết liệt. Cuộc chiến đấu đã diễn ra 20 phút mà ta chưa dứt điểm được. Trời đã sáng dần, sự

chống trả của địch càng mạnh hơn, chúng hy vọng sẽ có viện binh tới. Quyết diệt bằng được đồn Bang Tá, chỉ huy trưởng và chính trị viên thống nhất phương án vừa huy hiệp vừa vận động gia đình binh lính kêu gọi chồng, con và em mình đầu hàng. Cùng lúc chỉ huy trưởng trận đánh cho bộ đội kéo khẩu pháo 94 ly vừa chiếm ở đồn Thạch Long lên đồi bắn uy hiếp. Khi ta bắn quả pháo phá vỡ một góc đồn thì ở trước cửa đồn, cha mẹ, vợ con binh lính địch kêu khóc thảm thiết. Bọn binh lính trong đồn hoang mang và biết không tránh khỏi bị tiêu diệt nên đã giương cờ trắng đầu hàng.

Hai đồn lớn bị tiêu diệt, địch ở các tháp canh một số đã bỏ trốn, số ít cố giữ chờ viện binh.

Đến 7 giờ sáng ngày 14 tháng 4 ta giải quyết xong toàn bộ cứ điểm. Biết được cứ điểm Mũi Né bị tấn công, lúc 8 giờ ngày 14 tháng 4 địch ở Phan Thiết cho ca nô chở lính ra thăm dò. Bọn này đến nơi chưa kịp lên bờ thì bị lực lượng ta bố trí trên bờ bắn mạnh, chúng phải tháo chạy, một tên lính Pháp rơi xuống nước, bị lực lượng ta bắt sống.

Tiêu diệt cứ điểm Mũi Né gồm hai đồn, 11 tháp canh, ta đã diệt và bắt hai đại đội địch thu một lựu pháo 94 ly, ba súng cối, ba đại liên, 19 trung liên, tiểu liên, 126 súng trường, sáu súng ngắn, hàng ngàn đạn pháo và cối, 400 lựu đạn, 45 ngàn viên đạn các loại và nhiều quân trang quân dụng, làm chủ khu vực này 10 ngày mới rút.

Chiến thắng Mũi Né đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần binh lính địch, nhiều tên chống lệnh cấp trên tái

chiếm mũi né, nhân dân mũi né rất phấn khởi và càng tin tưởng vào bộ đội Việt Minh.

Phản ứng lại trận Mũi Né, ngày 23 tháng 4 năm 1953, địch dùng tám tiểu đoàn, có cả xe tăng, xe lội nước tràn vào khu Lê Hồng Phong và tái chiếm Mũi Né.

Bộ đội và dân quân du kích bám đánh địch gây cho chúng một số thiệt hại, sau đó ta tập kích bọn đóng dã ngoại ở động Bà Hòe diệt hàng chục tên.

Qua hơn nửa năm học tập và vận dụng cách đánh đặc công với cách đánh sở trường của đơn vị đã tạo ra sức mạnh mới và nâng cao hiệu suất chiến đấu của Tiểu đoàn 86 (lúc này chỉ có 3 đại đội). Các Đại đội A, B và xung kích đã cùng lực lượng địa phương đánh tiêu diệt nhiều đồn bót, cứ điểm kiên cố, đánh bại nhiều cuộc tràn và đã góp phần làm thất bại một bước chiến thuật phòng ngự cứ điểm, hệ thống tháp canh và âm mưu dồn dân bình định của địch.

Sau hơn 7 năm trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã lún sâu vào cuộc chiến tranh, lực lượng bị thiệt hại đã trên 30 vạn binh sĩ⁽¹⁾, nhiều kế hoạch quân sự bị phá sản. Ngày 7 tháng 5 năm 1953 với sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp đã cử tướng Na-va (Navarre) - một viên tướng được coi là nhân tài quân sự của nước Pháp sang làm chỉ huy quân viễn chinh pháp ở Đông Dương.

Sau một thời gian nghiên cứu chiến trường, "Nava đề trình lên hội đồng quốc phòng Pháp" một kế hoạch quân sự lớn làm xoay chuyển tình thế, giành thắng lợi,

1. Trung đoàn 812..., trang 170 sđd

kết thúc chiến tranh ở Việt Nam trong vòng 18 tháng⁽¹⁾.

Với kế hoạch đó địch đã điều chỉnh lực lượng ở Bình Thuận còn khoảng 5000 quân, với bốn tiểu đoàn ngự. Trước khi rút bớt quân, địch tập trung 13 tiểu đoàn (có 8 tiểu đoàn Âu Phi) 24 xe tăng bọc thép mở trận tràn qui mô lớn vào khu Tam Giác trong 2 ngày 15 và 16 tháng 8 năm 1953.

Trong tình hình vô cùng khó khăn và quyết liệt, ta vẫn ngoan cường bám trụ để chống tràn. Đại đội A cùng dân quân du kích Hàm Thuận bám đánh địch suốt ngày đêm để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Có tổ lọt vào vòng vây của địch vẫn chiến đấu ngoan cường và anh dũng hy sinh. Trong đợt này Đại đội A bị thương vong nhiều và bị bắt một số, nhưng địch vẫn không thực hiện được âm mưu của chúng, cuối cùng phải rút khỏi Tam Giác.

Trong tháng 8 năm 1953, đại đội xung kích dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng đột nhập vào thị xã Phan Thiết tập kích đồn Bascal, sào huyệt của bọn biệt kích diệt gọn hai trung đội, sát thương 63 tên, bắt một tên, thu một súng ngắn. Sau trận này bọn biệt kích không dám lúng sâu vào vùng tự do của ta như trước nữa.

1. Điểm trung tâm của kế hoạch Na-va: Dựa vào sự viện trợ về vũ khí, tiền bạc của Mỹ, vét quân từ chính quốc và thuộc địa kết hợp với xây dựng nguy quân, rút bỏ những đồn bót không cần thiết để xây dựng một khối tác chiến cơ động mạnh; trên cơ sở đó thực hành tấn công bằng hai giai đoạn; thu đông 1953 và xuân 1954. Giữ thế phòng thủ ở Bắc Bộ, thực hành tấn công chiếm vùng tự do ở Trung Bộ và Nam Bộ. Từ đông xuân 1954-1955: Sau khi bình định xong miền Nam, sẽ tập trung lực lượng thực hành quyết chiến với chủ lực đối phương ở chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định quân sự.

Từ đầu năm 1951 đến gần cuối năm 1953 Tiểu đoàn 86 đã chiến đấu liên tục, đánh địch hàng trăm trận lớn nhỏ, tiêu diệt, tiêu hao rất nhiều sinh lực địch. Tiểu đoàn đã trở thành lực lượng chủ công của Trung đoàn 812 và của chiến trường cực Nam Trung Bộ trong nhiều đợt hoạt động quân sự và nhiều trận đánh lớn có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thành tích chiến đấu của tiểu đoàn đã góp phần quan trọng cùng quân dân Bình Thuận, Ninh Thuận đẩy mạnh cuộc kháng chiến, phát triển chiến tranh du kích, từng bước đánh bại âm mưu của địch ở cực Nam Trung Bộ. Đặc biệt Tiểu đoàn 86 đã góp phần tích cực cùng quân dân Bình Thuận tiêu diệt nhiều cứ điểm, đồn, bốt và đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ vững chắc địa bàn huyện Hàm Thuận - một địa bàn có vị trí hết sức quan trọng. Giữ được địa bàn này là tạo điều kiện thuận lợi để phát triển phong trào chiến tranh du kích, củng cố xây dựng Trung đoàn 812, và huy động được nhân lực, vật lực cho lực lượng kháng chiến cho nhiều tỉnh như: Bình Thuận, Đồng Nai Thượng và Lâm Viên.

3. Tiểu đoàn 86 đẩy mạnh tiến công địch trên địa bàn phía tây và phía bắc tỉnh Bình Thuận, cùng quân và dân cực Nam Trung Bộ và cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (Đông - Xuân 1953-1954)

Tháng 9 năm 1953 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp. Sau khi đánh giá tình hình, phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, Bộ Chính trị chủ trương: mở cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953-1954 với ba đòn tiến công lớn trên các hướng: Tây Bắc,

Đông Bắc, Cam - pu - chia (gồm cả Hạ Lào, Trung Lào và Tây Nguyên). Đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích ở các vùng địch tạm chiếm.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, nhằm đẩy mạnh các hoạt động tác chiến để phối hợp với các chiến trường, theo mệnh lệnh của Bộ tư lệnh Liên khu 5, Ban cán sự cực Nam Trung Bộ quyết định mở đợt hoạt động đông xuân 1953-1954 với mục đích: tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực của địch, mở rộng vùng căn cứ, vùng tự do, đồng thời củng cố xây dựng và phát triển mạnh lực lượng cách mạng.

Căn cứ vào mệnh lệnh, nhiệm vụ mà Bộ Tư lệnh Liên khu 5 giao, tỉnh Bình Thuận chủ trương: "Tích cực tiến công địch nhằm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, bồi dưỡng lực lượng ta, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, mở rộng vùng căn cứ, vùng tự do ở phía tây và phía bắc của tỉnh".

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, Ban chỉ huy Tỉnh đội có ý định: đầu năm 1954 đánh chi khu Hòa Đa, nhưng do chuẩn bị chưa chắc nên chuyển sang đánh đồn Hòa Thuận diệt một trung đội.

Tháng 2 năm 1954 Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định đánh đồn Sông Cạn⁽¹⁾ để mở rộng căn cứ hỗ trợ phong trào chính trị ở Bắc Bình. Lực lượng tham gia gồm: đội đặc công, đại đội xung kích, đại đội 216 (thiếu) và lực lượng địch vận Hòa Đa.

Nhờ cơ sở nội tuyến dẫn đường 0 giờ 5 phút ngày 11 tháng 2 năm 1954, các đơn vị tham gia trận đánh đã áp

(1) Đồn Sông Cạn nằm sát cầu Sông Cạn, địch xây dựng từ năm 1948 do 1 đại đội đóng giữ để bảo vệ giao thông và án ngữ phía tây quận lỵ Hòa Đa.

sát nhà chỉ huy, nhà lính, các lô cốt và nổ súng tấn công. Bị đánh bất ngờ, quân địch bị tê liệt từ phút đầu. Chỉ có số ít bắn trả chống cự. Sau 15 phút chiến đấu, ta diệt 20 tên, bắt sống 20 tên, bắn bị thương nhiều tên, thu 30 súng các loại. Ta làm chủ đồn và dùng cối 81 của địch bắn vào chi khu Hòa Đa diệt và làm bị thương nhiều tên địch.

Tháng 4 năm 1954, Tỉnh ủy chủ trương chuyển hoạt động lên huyện Tánh Linh, địa bàn phía tây của Tỉnh. Lực lượng sử dụng Đại đội đặc công, Đại đội xung kích, Đại đội 225 và đại đội 218 (huyện Tánh Linh). Ban chỉ huy đợt hoạt động gồm: đồng chí Nguyễn Lệnh - chính trị viên Tỉnh đội, Hồ Liên - thường vụ Tỉnh ủy, Lê Triều - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tánh Linh.

Dựa vào kết quả chuẩn bị, ban chỉ huy đợt hoạt động quyết định đánh cùng một lúc ba mục tiêu gồm: Tiểu khu Tánh Linh, yếu khu La Dày, yếu khu Gia Bát.

Tiểu khu Tánh Linh là một cứ điểm mạnh do một đại đội tăng cường đóng giữ, có hệ thống vật cản vững chắc, do tên Lu-y sĩ quan Pháp trực tiếp chỉ huy. Lực lượng đảm nhiệm gồm đội đặc công, Đại đội xung kích (thiếu) dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lê Thành Cộng (cán bộ tiểu đoàn), Lê Văn Khuê - chính trị viên đại đội xung kích. Đánh diệt chi khu Tánh Linh với chiến thuật mật tập bằng cách đánh đặc công.

-Yếu khu La Dày là một cứ điểm nằm sâu trong rừng núi, lực lượng địch có một đại đội người dân tộc. Bọn này thường xuyên lùng sục ra bên ngoài. Nhiệm vụ đánh La Dày giao cho một bộ phận đặc công tỉnh, Đại đội 225 (thiếu) dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Bùi Văn Mỹ

và chính trị viên Phạm Hoài Chương. Đồng chí Võ Dân - ủy viên ban cán sự cục nam trực tiếp chỉ đạo và các đồng chí trong ban cán sự Di Linh giải quyết các vấn đề chính trị và chính sách dân tộc.

-Yếu khu Gia Bát: nằm trên đường 8 cũng là một cứ điểm mạnh, do một đại đội đóng giữ, đây là vị trí đầu cầu giữa Đồng Nai Thượng và Bình Thuận. Nhiệm vụ đánh Gia Bát giao cho một bộ phận đặc công Tỉnh, bộ phận còn lại của Đại đội xung kích và Đại đội 218 do các đồng chí: Quách Tử Hấp - chỉ huy trưởng, Đinh Sĩ Uẩn - chính trị viên. Lê Trọng Vĩnh - chỉ huy phó đảm nhiệm.

-Theo kế hoạch đã hợp đồng, đêm 5 tháng 4 năm 1954 ta đồng loạt tấn công cả 3 mục tiêu.

Ở Gia Bát, sau 30 phút chiến đấu, ta làm chủ đồn, tiêu diệt gọn quân địch thu toàn bộ vũ khí (có 1 lựu pháo 94 ly) và nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng.

Ở La Dày sau nửa giờ, ta làm chủ đồn diệt hết bọn địch trong đồn, thu toàn bộ chiến lợi phẩm. Sáng hôm sau ngày 6 tháng 4 một trung đội địch đi lùng sục ở buôn Prang quay về đến cầu Đàng Sách thì bị dân quân du kích Cà Dòn chặn đánh, diệt và bắt sống cả trung đội, thu 18 súng các loại.

Ở tiểu khu Tánh Linh, trận chiến đấu diễn ra gay go, quyết liệt. Khi ta vừa chiếm được một số lô cốt, lực lượng tiếp chiến đang bước vào chiến đấu thì địch tổ chức phản kích liên tục cố ngăn chặn lực lượng tiếp theo của ta đang ở ngoài thành và trước cổng đồn. Bên trong chúng dựa vào số lô cốt còn lại chống trả cố ngăn chặn lực lượng ta phát triển. Quyết không lùi bước, các chiến sĩ

đặc công và xung kích kết hợp tiến công địch cả bên trong, bên ngoài vào và dùng hỏa lực sát thương địch; đồng thời vượt qua tường phát triển vào tung thâm vừa tấn công các vị trí còn chống cự, vừa gọi hàng. Sau gần một giờ chiến đấu dũng cảm và mưu trí, ta đã làm chủ chi khu, quận lỵ, diệt và bắt hơn 100 tên (trong đó có cả cha con tên Lu-y) thu toàn bộ vũ khí, quân trang quân dụng.

Ngày 6 tháng 4 năm 1954, đơn vị đánh đồn La Dày tiếp tục phát triển lên hướng đường 20. Đêm 7 rạng ngày 8 tháng 4 đơn vị tập kích đồn Lút xe (nằm nam đường 20 trong sở trà Lút - xe tây nam Di Linh). Song địch quá đông ⁽¹⁾ nên ta chỉ tiêu hao một phần quân địch. Tuy không làm chủ được trận địa, tiêu diệt gọn quân địch, nhưng trận tập kích đã gây ảnh hưởng chính trị trong các buôn ấp ven quốc lộ 20 về phía tây nam Di Linh, vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng phá tề trừ gian, xây dựng dân quân du kích khắp vùng tổng Cà Dồn, Nộp, Bao Tuấn; đến cuối tháng 4 năm 1954 mới về lại khu Lê Hồng Phong.

Lực lượng tiến công chi khu Tánh Linh, ngày 6 tháng 4 phát triển lên phía bắc, tập kích đồn Đa Kai nhưng khi ta vừa đến nơi thì quân địch ở đây đã bỏ đồn rút chạy.

Nhằm ngăn chặn và làm chậm việc tái chiếm Tánh Linh của địch, ngày 8 tháng 4 năm 1954, ta tấn công đồn Suối Kiết cách Tánh Linh 18 ki-lô-mét về phía nam. Đây là đồn bảo vệ đường sắt, có một đại đội lính GVF đóng

(1) Chiều ngày 6 tháng 4 năm 1954, một tiểu đoàn địch từ Di Linh kéo đến đây để chuẩn bị tái chiếm La Dày, mà ta không nắm được. Mặc dù vậy, trận tập kích của Đại đội 225 cũng đã bẻ gãy ý định của địch.

giữ do một sĩ quan Pháp chỉ huy; gần đó có một khu công nhân khai thác gỗ khoảng 500 người. Dự đoán khó bảo đảm bí mật khi tiến hành chuẩn bị, điều nghiên nên ban chỉ huy quyết định dùng phương thức cải trang thành công nhân khai thác gỗ tiếp cận tập kích tiêu diệt đồn.

Đúng 15 giờ ngày 8 tháng 4 năm 1954 ta dùng một xe ô tô chở bộ phận đặc công và lực lượng đại đội xung kích cải trang thành công nhân khai thác gỗ, do đồng chí Sênh lái chạy thẳng vào đồn. Nhanh như chớp đồng chí Lê Hạnh Phúc đã đặt bộc phá đánh sập lô cốt mẹ, các chiến sĩ nhanh chóng nhảy xuống xe nổ súng xung phong; đại đội 222 Hàm Tân cũng tràn vào đồn diệt địch. Số địch còn sống sót dồn vào chân lô cốt chống cự, tên đồn trưởng xảo quyệt giả vờ vừa giơ tay hàng vừa lùi lại, rồi nhảy vào lô cốt, dùng đại liên bắn ra gây cho ta một số thương vong. Trận đánh trở nên gay go. Để trả thù cho đồng đội, ta tổ chức kiểm tỏa hỏa điểm địch và cho lực lượng xung kích mang bộc phá xông lên đánh sập lô cốt và diệt luôn tên đồn trưởng. Sau gần 40 phút chiến đấu rất quyết liệt ta diệt toàn bộ quân địch, thu toàn bộ vũ khí và nhiều quân dụng. Ta hy sinh 4, bị thương 6. Tuy có tổn thất, nhưng đây là trận đánh lập công xuất sắc, tỏ rõ tinh thần chiến đấu rất dũng cảm và trình độ “Thiện chiến” của bộ đội ta.

Mở đầu đợt hoạt động từ đêm ngày 5 tháng 4 đến ngày 8 tháng 4 năm 1954, chỉ trong một đêm, ba ngày ta đã tiêu diệt toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch ở phía tây Bình Thuận, giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh nối liền với huyện Hàm Tân thành một vùng giải phóng rộng lớn giáp với Đông Nam Bộ và Đồng Nai Thượng.

Sau thắng lợi của đợt hoạt động ở phía tây, tỉnh Bình Thuận mở tiếp đợt hoạt động quân sự nhằm tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng lên phía bắc của Tỉnh.

—Đêm 6 tháng 5 năm 1954 ta tổ chức tấn công hai cứ điểm: Lương Sơn và Duồng.

Tại cứ điểm Lương Sơn, dưới sự chỉ huy của đồng chí Quách Tử Hấp, các đơn vị đặc công, xung kích, 225, 218, tấn công mãnh liệt, áp đảo quân địch ngay từ đầu. Sau gần một giờ chiến đấu, quân ta làm chủ trận địa, sát thương 39 tên, bắt 126 tên; thu trên 100 súng các loại (có sáu đại liên, hai cối 81 và 61 ly). Phá khu tập trung đưa 1.600 dân sơ tán ra rừng. Quân viện từ Phan Thiết ra bị ta chặn đánh diệt hai xe và một số tên, bọn còn lại hoảng sợ đã quay về Phan Thiết.

Tại tiểu khu Duồng, sau 30 phút chiến đấu quyết liệt ta hoàn toàn làm chủ trận địa, diệt và bắt toàn bộ quân địch, thu hết vũ khí và quân trang quân dụng. Vừa kết thúc trận đánh toàn bộ lực lượng ta đã nhanh chóng triển chống triển khai trận địa đánh địch đến ứng viện tại Thanh Lương cách ngã ba Duồng khoảng 300 mét, diệt hai xe chở lính. Bọn địch mất tinh thần, tháo chạy về Hòa Đa. Như vậy toàn bộ khu vực Duồng, có hơn 6.000 dân được hoàn toàn giải phóng.

Vừa giành thắng lợi ở hai trận đánh tại Lương Sơn và Duồng thì được tin chiều ngày 7 tháng 5 năm 1954 quân chủ lực ta trên chiến trường chính Bắc Bộ đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Phấn khởi trước thắng lợi vô cùng to lớn đó, trong những ngày

của tháng 5, 6 và tháng 7 các Đại đội A, B và lực lượng xung kích cùng quân dân Bình Thuận đã tiến công địch trên khắp địa bàn của tỉnh, diệt nhiều cứ điểm, đồn bót, nhiều trung đội và đại đội địch, vừa diệt ác phá kềm, đánh phá các khu tập trung, mở ra nhiều vùng giải phóng quan trọng cả ở đồng bằng ven biển, trung du và miền núi.

Tính chung từ tháng 1 đến hết tháng 7 năm 1954 các đại đội A, B, xung kích và đội đặc công Tiểu đoàn 86 đã góp phần tích cực cùng quân dân Bình Thuận đánh địch gần trăm trận lớn nhỏ, tiêu diệt hai tiểu khu, 12 cứ điểm, đồn trú, đánh sập rất nhiều tháp canh, loại khỏi vòng chiến đấu trên 2000 tên địch ⁽¹⁾, thu hơn 800 súng các loại (có 2 khẩu pháo 94 ly) và rất nhiều quân trang, quân dụng. Bảo vệ an toàn các khu du kích, khu căn cứ, mở ra vùng giải phóng rộng lớn với hơn 20 ngàn dân... Với thắng lợi to lớn này, quân dân Bình Thuận trong đó có các đại đội của Tiểu đoàn 86 đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của Liên khu 5 và cả nước, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954 hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình được lập lại trên toàn Đông Dương, nhưng nước ta tạm thời chia làm hai miền Nam - Bắc.

Tháng 8 năm 1954 Tiểu đoàn 86 được tổ chức lại và nằm trong đội hình Trung đoàn 812. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm các đồng chí: Lê Thành Cộng - tiểu đoàn trưởng. Lê Bình - chính trị viên, Quách Tử Hấp - tiểu đoàn phó và Phạm Hoài Chương - chính trị viên phó. Trong tháng

(1) Lịch sử Trung đoàn 812, Sđđ... trang 184.

8 và nửa tháng 9 năm 1954 tiểu đoàn ổn định tổ chức, học tập tình hình nhiệm vụ mới, chuẩn bị mọi mặt để cùng Trung đoàn 812 tập kết ra miền Bắc theo tinh thần hiệp định Giơ-ne-vơ.

*

* *

Tiểu đoàn 86 sinh ra và trưởng thành trong cao trào yêu nước và cách mạng của đồng bào các dân tộc ở miền đất cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên. Từ những phân đội, lực lượng nhỏ, được Đảng giáo dục, giác ngộ và tổ chức, cùng với sự đùm bọc nuôi dưỡng của nhân dân đã phát triển thành Đại đội Hoàng Hoa Thám và sau đó là Tiểu đoàn 86. Một tiểu đoàn mạnh, thực sự là lực lượng chủ công của chiến trường cực Nam Trung Bộ nói chung và chiến trường Bình Thuận nói riêng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, nhiều cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn đã bước vào cuộc chiến đấu đánh đuổi bọn Nhật để bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ ở Bình Thuận. Khi Pháp gây chiến ở Nam Bộ rồi mở rộng chiến tranh ra cực Nam Trung Bộ, lên Nam Tây Nguyên, cán bộ chiến sĩ toàn tiểu đoàn đã cùng quân dân cực Nam Trung Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đầy gian khổ, hy sinh để giành thắng lợi vẻ vang.

Vào những ngày đầu của cuộc kháng chiến, lực lượng của tiểu đoàn vừa ít, vừa non trẻ, trang bị vũ khí thô sơ thiếu thốn, lại chưa có nhiều kinh nghiệm. Song càng chiến đấu, càng trưởng thành, tiểu đoàn đã liên tục chiến

đấu, đánh địch hàng trăm trận lớn nhỏ trên các chiến trường Bình Thuận, Ninh Thuận và Đồng Nai Thượng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao phó. Cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn đã dũng cảm, mưu trí và sáng tạo liên tục tiến công địch, tìm nhiều cách đánh hay để diệt địch như: Cải trang, độn thổ tập kích địch⁽¹⁾, chống càn, đặc công v.v... và lập nên nhiều chiến công xuất sắc tiêu biểu như: Lầu Ông Hoàng, Duồng, Căng Êsêpíc, Mương Mán, Ngã Hai, Sông Quao, chống càn ở Hàm Thuận, Tánh Linh, Suối Kiết, Gia Bát và Lương Sơn v.v... Tuy còn có lúc bị động, có một số ít trận đánh chưa dứt điểm, nhưng tiểu đoàn đã đánh địch đạt hiệu suất chiến đấu cao, thu được nhiều vũ khí, quân trang quân dụng để trang bị cho ta, có thể tự hào rằng Tiểu đoàn 86 là một đơn vị "Giỏi đánh đồn" và "Giỏi chống càn" ở chiến trường cực Nam Trung Bộ.

Mặc dù ra đời, hoạt động chiến đấu liên tục ở một chiến trường cực kỳ khó khăn, gian khổ và ác liệt; nhưng nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ; với tinh thần yêu nước nồng nàn và lòng trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ Quốc và nhân dân, cán bộ chiến sĩ của tiểu đoàn đã bền bỉ chiến đấu, kiên trì chịu đựng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, thử thách và hy sinh; nêu cao tinh thần tự lực tự cường để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Suốt 9 năm chiến đấu chống thực dân Pháp, tiểu đoàn vừa chiến đấu vừa xây dựng để không ngừng trưởng thành. Vừa chiến đấu vừa giúp đỡ bồi dưỡng dồi dào lực

(1) Trong thời kỳ chống Pháp, cách đánh cải trang, độn thổ tập kích, phục kích địch gọi là cách đánh kỳ tập.

lượng dân quân du kích chiến đấu tiêu diệt địch phát triển phong trào chiến tranh du kích để bảo vệ làng xóm, bảo vệ căn cứ cách mạng. Khi làm bộ đội chủ lực cũng như lúc làm bộ đội địa phương, tiểu đoàn luôn làm tròn nhiệm vụ, chức năng của mình trên chiến trường cực Nam Trung Bộ, nhất là chiến trường Bình Thuận.

Trong chiến đấu cũng như trong công tác, lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn, thử thách, dù hoàn cảnh nào cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn vẫn nêu cao tinh thần đoàn kết, thương yêu, đùm bọc, đồng cam cộng khổ với nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn luôn tin vào dân, dựa vào nhân dân, hết lòng chiến đấu bảo vệ và phục vụ nhân dân, được nhân dân yêu thương đùm bọc, che chở, nuôi dưỡng. Nhờ vậy nên bất cứ hoàn cảnh nào, tiểu đoàn vẫn trụ vững, lực lượng của tiểu đoàn ngày một phát triển, sức mạnh chiến đấu được tăng cường, bảo đảm cho tiểu đoàn luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao phó.

Những truyền thống và những phẩm chất cao đẹp của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 86 là di sản quý báu cho các thế hệ nối tiếp nhau ở vùng đất cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên. Và đây là cơ sở, là tiền đề tạo nên sức mạnh: "Chiến đấu oanh liệt - thắng lợi vẻ vang" của Tiểu đoàn 186 anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vô cùng vĩ đại của dân tộc ta từ 1954-1975.

Chương hai

TIỂU ĐOÀN 186 TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 5-1975)

I. THAM GIA CÔNG TÁC DÂN VẬN, HỌC TẬP, HUẤN LUYỆN, XÂY DỰNG THEO HƯỚNG CHÍNH QUY VÀ TRỞ VỀ NAM CHIẾN ĐẤU (tháng 9/1954 - 1961)

1. Tập kết ra Bắc và tham gia công tác dân vận (1954 - tháng 9-1955)

Liên tiếp bị thất bại trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chiến và lập lại hòa bình, Pháp phải rút khỏi Việt Nam và Đông Dương trong vòng hai năm. Việc thống nhất nước Việt Nam, phải thông qua hiệp thương và tiến hành tổng tuyển cử để thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956. Trước mắt nước Việt Nam chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời. Thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ Quân đội nhân dân Việt Nam ở phía Nam phải chuyển quân tập kết ra Bắc.

Để thực thi nhiệm vụ trên Trung đoàn 812 tiến hành tổ chức, biên chế lực lượng, chuẩn bị cho việc chuyển quân tập kết ra Bắc. Tiểu đoàn 86 lúc bấy giờ có bốn đại

đội: Đại đội 1, Đại đội 2, Đại đội 216 và Đại đội 4. Cùng với các đơn vị bạn của trung đoàn hành quân tập kết tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa, sau khi tiến hành cuộc mít tinh chia tay người thân và bà con địa phương đưa tiễn, ngày 27 tháng 9 năm 1954 đơn vị xuống tàu ra Bắc. Những niềm vui thắng lợi, cùng với những suy nghĩ lo âu cứ hiện lên và lớn dần trong nỗi niềm sâu thẳm của người lính lên đường xa quê hương.

Nhiều câu hỏi được đặt ra: Tình hình rồi sẽ ra sao, khi chính quyền và quân đội của ta rút đi? Liệu kẻ địch có thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ không? Có chắc là sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử giữa hai miền để thống nhất Tổ quốc không?...Vấn cứ canh cánh bên lòng mà không sao giải đáp nổi.

Ngày 30 tháng 9 năm 1954 tàu đã cập bến Sầm Sơn, Thanh Hóa là một trong những địa điểm đón tiếp cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết, trong khi miền Bắc đã và đang trải qua nạn đói do hậu quả của cuộc chiến tranh để lại; Mặc dù vậy, Đảng, Nhà nước và đồng bào miền Bắc vẫn giành cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam tất cả những tình cảm thân thương, trù mến với sự ưu ái đặc biệt cả về tinh thần lẫn vật chất cho sự đón tiếp đầy tình nghĩa ruột thịt Bắc Nam, đã làm với bớt đi trong cán bộ, chiến sĩ miền Nam nỗi niềm nhớ thương xa cách.

Sau những ngày nghỉ ngơi tĩnh dưỡng ở khu đón tiếp và chờ tập kết đủ đội hình trung đoàn, đến ngày 18 tháng 1 năm 1955 cùng với Trung đoàn, Tiểu đoàn về đóng quân ở một vùng quê huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, trung đoàn bắt đầu triển khai cuộc chỉnh huấn về "Cải cách ruộng đất", từ tháng 2 năm 1955 đến

tháng 4 năm 1955. Thời gian này nạn đói còn đang tiếp diễn ở Thanh Hóa, chấp hành chủ trương của trung đoàn, tất cả cán bộ, chiến sĩ phải nhường cơm, sẻ áo cứu giúp bà con trong cơn hoạn nạn. Hàng ngày mỗi bếp ăn của các đơn vị phải trừ một lượng gạo tiêu chuẩn của mỗi người để giúp dân cứu đói và mỗi tiểu đội phải bớt ra một khẩu phần ăn trong mỗi bữa để nuôi các cháu bé, các cụ già ốm đau nơi đóng quân của đơn vị mình. Ngoài ra các đại đội còn tổ chức các tổ công tác thường xuyên đến từng nhà dân để giải quyết kịp thời việc cứu đau, cứu đói, cứu tai nạn trong nhân dân, nhờ đó mà nhiều người, nhiều gia đình được cứu giúp vượt qua được cơn hoạn nạn.

Một tấm gương điển hình hết lòng vì dân của tiểu đội trưởng Nguyễn Muôn thuộc Đại đội 216 của tiểu đoàn khi đi giúp dân ở một làng công giáo bị địch tuyên truyền, dụ dỗ lôi kéo để theo Chúa vào Nam, đã làm công việc đỡ đỡ cho một phụ nữ cô đơn, chăm sóc giặt giũ quần áo, tã lót, lấy phần ăn của mình nuôi chị hàng tuần lễ, khi được mẹ tròn con vuông đồng chí mới giao lại cho chính quyền địa phương chăm nom giúp đỡ. Tấm gương vì dân phục vụ của đồng chí Muôn đã gây được cảm kích của nhân dân trong vùng và đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba.

Ngoài việc cứu đói, cứu đau, tiểu đoàn còn giúp địa phương đắp đê làm thủy lợi, sản xuất lương thực, chống đói nghèo, xây dựng cuộc sống mới tại nơi đóng quân.

Đầu tháng 5 năm 1955 Tiểu đoàn nhận lệnh hành quân gấp ra tỉnh Thái Bình để làm nhiệm vụ chống cường ép di cư. Quãng đường từ Thanh Hóa đến Thái Bình dài hàng trăm cây số Tiểu đoàn phải hành quân bộ mất hai

ngày, vị trí đóng quân của Tiểu đoàn là huyện Tiền Hải, ở đây nhiều gia đình không cho bộ đội vào nhà, nhiều người già ngăn cấm không cho con em mình tiếp xúc với bộ đội. Số đông cán bộ chiến sĩ của tiểu đoàn phải căng lều ở ngoài vườn, dọc theo bờ tre hoặc đình làng, hàng ngày các trung đội, tiểu đội phân tán tiếp xúc với dân, mặc dù dân vẫn tìm cách lánh mặt, nhưng cán bộ chiến sĩ chúng ta vẫn kiên trì bám dân làm đủ mọi việc như: dọn vệ sinh nhà cửa, vườn tược, xay lúa, giã gạo, cho lợn, gà ăn, cắt tóc, tắm rửa trẻ em, chăm sóc cơn nước thuốc men cho người đau ốm, người già cả neo đơn. Tất cả những việc làm trên dần dần cảm hóa được lòng dân và sau hơn một tuần lễ nhiều gia đình đã mời bộ đội vào nhà, sắp xếp nơi ăn, ở. Ngoài nhiệm vụ giúp dân, các đơn vị trong tiểu đoàn còn bàn bạc với địa phương tiến hành khẩn trương các biện pháp củng cố các tổ chức đoàn thể, xây dựng lực lượng dân quân du kích để bảo vệ xóm làng, phát hiện và ngăn chặn kịp thời một số vụ cưỡng ép di cư của địch, cũng trong năm 1955 Tiểu đoàn đã trực tiếp cùng địa phương tham gia khắc phục hậu quả của cơn bão số 6 gây tổn thất không ít đối với địa phương.

Từ Tiền Hải, Tiểu đoàn lại gấp rút hành quân đến Hưng Nhân, một huyện nằm phía tây của tỉnh Thái Bình nơi có nhiều đoạn đê xung yếu để đắp đê chống lụt bảo vệ mùa màng và tài sản của dân ở đây, trong thời gian này diễn ra một cuộc hội ngộ thật cảm động giữa đồng chí chiến sĩ Trần Hữu Châm của Đại đội 3 với người chị gái của mình ở thôn Việt Thắng, xã Hồng Hà, số là trong khi lợp nhà giúp dân, qua câu chuyện tâm tình của chị chủ nhà bỗng nhớ lại mình cũng có một đứa em trai tên là

Châm theo cha vào nam từ nhỏ, chị lặng lẽ quan sát theo dõi thấy anh Châm bộ đội miền Nam cũng có một vết sẹo ở lưng và một vết sẹo ở cẳng chân đúng như đứa em của mình, không ngần ngại chị chạy lại ôm chầm lấy Châm, tràn đầy nước mắt và thốt lên lời ngẹn ngào “Châm ơi Châm”! Chị là chị ruột của em đây”. Sau giây phút ngỡ ngàng Châm như bừng tỉnh và nhớ lại quãng đời thơ ấu của mình ở quê rồi cũng òa lên khóc. Hơn mười mấy năm xa cách bây giờ chị em mới gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, chuyện nhà, chuyện cửa, chuyện mẹ, chuyện cha, chuyện bà con nội ngoại thân thuộc cứ dài mãi, dài mãi không dứt. Đây không những là niềm vui của đồng chí Châm mà còn là niềm vui chung của cả Tiểu đoàn.

Chưa đầy một năm sống trên đất Bắc, bằng những những việc làm thiết thực của mình đối với nhân dân, nên được dân tin, dân yêu, dân mến như chính con em của họ. Điều đó đã củng cố thêm vững chắc niềm tin của cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn về bản chất của Quân đội nhân dân.

2. Huấn luyện, học tập xây dựng đơn vị theo hướng chính quy từ cuối năm 1955 đến giữa năm 1961.

Tháng 10 năm 1955 Trung đoàn chuyển qua Nam Định để chuẩn bị bước vào huấn luyện. Tiểu đoàn 86 được biên chế lại thành ba đại đội bộ binh, một đại đội trợ chiến. Đại đội ba của Tiểu đoàn chuyển thành Đại đội 13 có 81 và 120 ly của Trung đoàn. Tiểu đoàn bước vào đợt huấn luyện quân sự với nội dung: kỹ thuật, chiến thuật, điều lệnh đội ngũ, điều lệnh nội vụ nhằm đưa đơn vị đi vào ngũ thống, tứ tính theo yêu cầu xây dựng Quân đội

chính quy, hai đợt huấn luyện trong năm 1956, Tiểu đoàn đã hoàn thành tốt chương trình huấn luyện của cấp trên quy định cho bộ binh và binh chủng từ cá nhân đến tiểu đội, khẩu đội và trung đội.

Tháng 4 năm 1957 Trung đoàn 812 chuyển thuộc Quân khu 4 Tiểu đoàn cùng Trung đoàn hành quân vào đóng ở Hà Tĩnh vừa tiếp tục học tập xây dựng đơn vị, vừa sẵn sàng chiến đấu. Để tiếp tục củng cố và nâng cao quan điểm tư tưởng, lập trường chính trị cho cán bộ chiến sĩ, theo sự chỉ đạo của trên, tháng 8 năm 1957 Tiểu đoàn tổ chức chính huấn chính trị. Đợt chính huấn kéo dài 45 ngày, đã giúp cho cán bộ chiến sĩ nhận rõ bản chất của giai cấp tư sản và nguồn gốc nghèo khổ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Qua đó mỗi người đều quyết tâm chống tư tưởng tiểu tư sản, chống chủ nghĩa cá nhân, ra sức học tập, rèn luyện và phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Sau đó tiếp tục tổ chức học tập quân sự theo chương trình huấn luyện trong năm 1957, đồng thời giúp dân đắp đê chống lũ, ngăn mặn ở Đức Thọ và các xã ven biển của tỉnh Hà Tĩnh.

Tháng 5 năm 1958 Trung đoàn 812 chuyển về Nghệ An nằm trong đội hình của Sư đoàn 324 và đổi tên thành Trung đoàn 2. Là một tiểu đoàn của trung đoàn nằm trong đội hình của sư đoàn, tiếp tục học tập chính trị, huấn luyện quân sự theo chương trình huấn luyện diễn tập của Bộ và đã đạt được kết quả tốt. Đi đôi với công tác huấn luyện theo chương trình kế hoạch của trên, Tiểu đoàn còn phải tích cực lao động sản xuất vật liệu để xây

dựng doanh trại, sớm đưa bộ đội ra khỏi nhà dân. Qua mấy mùa huấn luyện và cần cù lao động, đến ngày 5 tháng 12 năm 1961 khu doanh trại của Trung đoàn và Tiểu đoàn đã hoàn tất, đưa vào sử dụng chấm dứt việc ở nhà dân. Đây cũng là một yêu cầu bức xúc để đưa Quân đội đi vào nề nếp chính quy.

Giữa lúc cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn đang náo nức chuẩn bị bước vào mùa huấn luyện năm 1961 cũng là lúc tiểu đoàn chuyển sang nhận nhiệm vụ mới.

3. Trở về Nam chiến đấu

Trở về Nam chiến đấu! Đó là tiếng gọi quê hương, là những ước mơ và tình cảm khát khao cháy bỏng chất chứa bấy lâu của mọi cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn. Bởi vì hai năm tổng tuyển cử để thống nhất Tổ quốc đã qua rồi, máu của đồng bào miền Nam đã chảy, kẻ thù đã triển khai các chiến dịch “tố cộng” đàn áp đẫm máu đồng bào miền Nam, máy chém của Mỹ-Diệm đã lê đi khắp vùng, nhà tù đã mọc lên nhan nhản nhằm tiêu diệt các lực lượng cách mạng miền Nam, mạng lưới kìm kẹp, đàn áp của kẻ thù đã thiết lập đến tận thôn, ấp, buôn làng. Chúng cướp lại ruộng đất của nông dân, chúng khủng bố và đàn áp dã man các cuộc đấu tranh của quần chúng đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước, đòi quyền dân chủ, dân sinh. Hàng vạn những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước đã bị bắt, bị giết hoặc bị tù đầy.

Máu đã chảy, người đã chết, thôn ấp, buôn, làng đã bị đốt phá, nợ máu ắt phải trả bằng máu. “Phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng của kẻ thù”.

Ngay từ trước khi hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương kết thúc, Đảng ta trong hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khoá 2) họp từ ngày 15 đến 17 tháng 7 năm 1954 đã xác định: Đối tượng chính và trước mắt của cách mạng nước ta là đế quốc Mỹ vừa là kẻ thù chính, vừa là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ba nước Đông Dương.

Thất bại thảm hại của thực dân Pháp ở Đông Dương là cơ hội để Mỹ nhảy vào Việt Nam, ngay trong đêm Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ (ngày 7 tháng 5 năm 1954) Tổng thống Mỹ lúc bấy giờ là Ai-xen-hao đã lập tức đề xuất chủ trương hất cẳng Pháp, buộc Pháp phải trao quyền và trao quân nguy cho Mỹ, ngày 16 tháng 6 năm 1954 Mỹ ép Pháp và Bảo Đại phải buộc thủ tướng bù nhìn là Bửu Lộc phải từ chức, để Mỹ đưa Ngô Đình Diệm được đào tạo từ Mỹ về thay thế và cho đến ngày 8 tháng 8 năm 1954 hội đồng an ninh quốc gia Mỹ, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Mỹ họp do tổng thống Ai-xen-hao chủ trì, chính thức quyết định chủ trương Mỹ thay Pháp xâm lược Việt Nam.

Đầu năm 1961 theo chỉ thị của Bộ Quốc phòng "Sư đoàn 324 và các trung đoàn miền Nam" đều tổ chức thành hai bộ phận: bộ phận thứ nhất tiếp tục xây dựng lực lượng thường trực ở phía bắc gồm một số cán bộ từ đại đội đến tiểu đoàn làm nòng cốt, hầu hết cán bộ từ trung đội trở xuống là chiến sĩ nghĩa vụ từ những năm 1959-1960. Bộ phận thứ hai về Nam chiến đấu gồm: cán bộ, chiến sĩ quê ở các tỉnh miền Nam hiện có tại các đơn vị và những đồng chí đã chuyển ngành sang các công-nông trường, xí nghiệp nay tình nguyện trở lại đơn vị. Lực lượng này

được tổ chức thành một tiểu đoàn khung, cán bộ từ tiểu đội đến tiểu đoàn và được mang phiên hiệu truyền thống là Tiểu đoàn 86. Đồng chí Nguyễn Cang - đại úy là tiểu đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Ngọc Châu - đại úy làm chính trị viên tiểu đoàn, đồng chí Lê Trọng Vĩnh - thượng úy làm tiểu đoàn phó, đồng chí Võ Ngọc Đài - thượng úy làm chính trị viên phó tiểu đoàn và đồng chí Đỗ Quang Hưng - thượng úy làm tham mưu trưởng tiểu đoàn.

Hạ tuần tháng 4 năm 1961 Tư lệnh Quân khu 4 - Thiếu tướng Nguyễn Đôn thay mặt Bộ Tổng tham mưu trực tiếp giao nhiệm vụ hành quân trên bản đồ cho Tiểu đoàn 86 và một số đơn vị khác về miền Nam. Một không khí bừng bừng quyết tâm về Nam chiến đấu, giải phóng quê hương đang sôi sục trong cán bộ chiến sĩ của tiểu đoàn.

Đúng 2 giờ ngày 28 tháng 4 năm 1961 tiểu đoàn trưởng hạ mệnh lệnh hành quân, hàng chục xe ô tô vận tải bịt kín chở cán bộ chiến sĩ về Nam lặng lẽ ra đi từ đồi Mậu Long, Yên Thành, Nghệ An, qua phà Bến Thủy vượt đường 15 đến biên giới Việt-Lào vào lúc 8 giờ sáng ngày hôm sau 20 tháng 4 năm 1961.

Tạm biệt miền Bắc thân yêu, tạm biệt hậu phương lớn, tạm biệt những người mẹ và bao anh - chị đã chắt chiu nhường cơm xẻ áo cho đồng bào chiến sĩ miền Nam để hôm nay chúng con trở về với hình hài đáng vóc của: "chàng Phù Đổng đi đánh giặc Ân". Những gì đã học được, đã làm được trong những năm trên đất Bắc sẽ là những hạt giống rất quý của cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn và nhất định nó sẽ đơm hoa kết trái trong những ngày chiến đấu tiếp theo ở miền Nam.

Với đôi chân ngàn dặm của người lính, giờ đây lại tiếp tục:

... “Xê dọc Trường Sơn đi cứu nước;
Mà lòng phơi phới dậy tương lai...”⁽¹⁾

Hơn ba tháng ròng trèo đèo lội suối, đúng vào ngày cách mạng tháng Tám thành công (19.8.1945 – 19.8.1961) Tiểu đoàn đã về đến điểm tập kết khu vực Xóm Cỏ, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa thuộc cực Nam Trung Bộ⁽²⁾

II. THAM GIA ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở CHIẾN TRƯỜNG QUÂN KHU 6 (Từ cuối năm 1961 đến giữa năm 1965)

1. Đứng chân và hoạt động tác chiến ở Đắc Lắc (1961-1963)

Những tháng cuối năm 1960 và đầu năm 1961 phong trào nổi dậy của quần chúng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ngày càng lên mạnh, chính sách xâm lược và thống trị thực dân mới của Mỹ bị thất bại một bước nghiêm trọng. Bọn cầm quyền nước Mỹ âm mưu chuyển hướng thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, chúng đưa ô ạt cố vấn Mỹ và tiền của, vũ khí vào miền Nam giúp cho ngụy quân, ngụy quyền chống lại phong trào cách mạng miền Nam. Được Mỹ tăng cường viện trợ và chỉ huy trực tiếp, ngụy quyền Sài Gòn ra sức dồn quân

(1) Hai câu thơ của nhà thơ Tố Hữu.

(2) Trên đường hành quân về Khánh Hòa, Tiểu đoàn để lại Phú Yên khung của Đại đội 1.

bất lính tăng quân chính quy ngụy lên đến 20 vạn tên. Lực lượng bảo an lên tám vạn tên và dân vệ lên bảy vạn tên. Chúng đóng thêm hàng nghìn đồn bót, mở hàng trăm cuộc hành quân càn quét với quy mô tiểu đoàn đến sư đoàn, nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng. Để khủng bố tinh thần nhân dân, chúng ra sức cướp bóc, đốt phá, bắt giết thực hiện âm mưu “tắt nước bắt cá” tách lực lượng vũ trang cách mạng ra khỏi dân để tiêu diệt và địch cũng đã thực hiện được phần lớn kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược”.

Để phá được âm mưu thâm độc của Mỹ-Ngụy, vấn đề xây dựng bộ đội chủ lực và đẩy mạnh tác chiến tập trung, đánh bại các cuộc hành quân càn quét của quân chủ lực ngụy, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy phá “ấp chiến lược” trở thành một yêu cầu rất cấp thiết của chiến trường.

Khi tiểu đoàn vừa đặt chân đến chiến trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 6 điều tiểu đoàn khung lên đứng chân ở vùng Đức Xuyên nam Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắc Lắc) để làm lực lượng cơ động của Quân khu và chính thức mang phiên hiệu Tiểu đoàn 186⁽¹⁾. Lúc này Quân khu điều đồng chí Nguyễn Cang – tiểu đoàn trưởng và đồng chí Nguyễn Ngọc Châu – chính trị viên tiểu đoàn về tỉnh Bình Thuận nhận công tác.

Về đến địa bàn tháng 1 năm 1962, đứng chân chưa vững nhưng do yêu cầu phải mở rộng địa bàn hoạt động ra hướng đông nam Hồ Lắk giáp đến đường 21 và để nối với vùng giải phóng tây Khánh Hòa, chỉ sau ba ngày Tiểu đoàn phối hợp cùng với lực lượng đặc công của Quân khu

(1) Mật danh Quân khu là 100 lấy số 1 ghép với 86 thành Tiểu đoàn 186.

tập kích tiêu diệt một đại đội bảo an địch đóng ở Buôn Khánh...

Đến đầu tháng 3 năm 1962 Quân khu điều một trung đội của Tiểu đoàn xuống phối hợp với Bình Thuận và giao cho đồng chí Võ Ngọc Đài - chính trị viên phó tiểu đoàn dẫn đường. Trong mùa hè 1962 Tiểu đoàn 186 mà chủ yếu là khung đã liên tục hoạt động tấn công địch như: Diệt đồn Phi Yàn (Đức Trọng tỉnh Tuyên Đức) đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an ở khu dinh điền Kiến Phong, phối hợp với đặc công quân khu đánh quận lỵ Lạc Thiện Lắc (tỉnh Đăk Lăk lần thứ hai) phá khu dinh điền Tham Trạch và phục kích diệt địch từ Lắc đi giải tỏa, mở ra một vùng căn cứ giải phóng đến giáp sông Krông - Knô mở ra vùng đứng chân của Quân khu 6, giáp với mảng giải phóng của tỉnh Tuyên Đức.

Đi đôi với hoạt động quân sự, Tiểu đoàn còn phối hợp chặt chẽ với địa phương và các đội công tác phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, xây dựng dân quân du kích. Đến giữa năm 1962 vùng căn cứ giải phóng của Khu đã đi vào ổn định và đang khẩn trương xây dựng về mọi mặt. Đang lúc Tiểu đoàn rất cần lực lượng thì trung đội phối hợp cho địa phương Bình Thuận đã hoàn thành nhiệm vụ trở về và còn đưa thêm 30 tân binh của tỉnh Bình Thuận bổ sung cho Tiểu đoàn.

Giữa mùa thu năm 1962, địch mở các cuộc hành quân thám sát, với mục đích thăm dò và giữ chân lực lượng ta ở căn cứ tạo thời gian cho chúng xây dựng áp chiến lược ở vùng chúng kiểm soát, đồng thời đây cũng là bước nắm tình hình, khảo sát địa hình, thăm dò lực lượng của ta, chuẩn bị cho những cuộc càn quét đánh phá với quy mô lớn của chúng.

Đúng như ta dự đoán; bắt đầu từ tháng 10 năm 1962 địch tập trung lực lượng, mở các cuộc càn quét lấn chiếm vùng căn cứ của Khu mà đỉnh cao là chiến dịch “An Lạc” càn đi quét lại vùng B5 nơi đứng chân của các cơ quan Khu ủy và Quân khu 6, chúng lập ra hai căn cứ hành quân:

– Căn cứ Phi-đi-da tại Phi Kó trên đường 21 kéo dài.

– Căn cứ Đầm Roòn nằm sát tả ngạn sông Krông Knô.

Lực lượng chốt giữ tại đây có khoảng một tiểu đoàn có pháo 105 ly và cối 106,7 ly; có sở chỉ huy hành quân nhẹ của trung đoàn 44 sư đoàn 23 ngụy. Chiến dịch (An Lạc) tiếp tục càn quét đánh phá với 13 đợt đánh vào vùng căn cứ của ta, mỗi đợt chúng sử dụng lực lượng từ một đến hai tiểu đoàn cộng hòa, cùng với lực lượng thám báo, biệt kích với sự hỗ trợ của phi pháo, chúng tập trung đánh phá trên từng khu vực. Xen kẽ giữa các đợt càn quét, chúng sử dụng từng đại đội biệt kích hoặc biệt động quân đột kích, lùng sục đốt phá kho tàng, phá hoại cơ sở sản xuất, đánh phá hành lang, các trạm giao liên, bắt dân gom về khu tập trung.

Để bảo vệ cơ quan và bảo vệ nhân dân vùng căn cứ, Quân khu điều Tiểu đoàn 186 từ K62 (Đức Xuyên) về Tre Prul Đôn Hát cùng với du kích cơ quan để tổ chức bám đánh địch chống càn bảo vệ căn cứ bảo vệ nhân dân. Lúc này đang thời vụ thu hoạch lúa rẫy, Tiểu đoàn vừa tổ chức lực lượng phối hợp bám đánh địch, vừa hướng dẫn dân quân, du kích các buôn làng bố phòng, canh gác đánh địch bảo vệ dân, bảo vệ mùa, vừa tranh thủ suốt lúa làm ra gạo để có ăn hàng ngày và dự trữ cho chống càn, ở những buôn làng dân quân du kích ít và còn yếu. Tiểu

đoàn bố trí lực lượng bảo vệ dân đưa đi lánh tránh địch, vừa lo tằm bắt gạo, hạt muối cho dân, tình cảm quân dân đó đã làm cho nhiều cụ già ngẩn lẹ, thời kỳ này đói cơm đã là khổ, nhưng đói muối lại càng khổ hơn nhiều, muối mà chiến sĩ chia sẻ cho bà con đâu phải tính từng lon, từng vốc mà tính từng hạt, có gia đình gói và cất kỹ từng hạt muối không dám ăn khi hỏi ra bà con chỉ cười và nói rất chân tình: Nó là cái thuốc đó, để dành cho trẻ con và người đau.

Với việc chăm lo tận tình cho nhân dân, đã tạo ra sự gắn bó máu thịt quân dân, để nhân dân quyết tâm đi theo cách mạng đến cùng và cũng giúp cho cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn có lòng tin vào sức mạnh của nhân dân trong bước đường chiến đấu của mình.

Giữa tháng 1, năm 1962 Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu hạ quyết tâm: Tập trung lực lượng hiện có của Quân khu tiêu diệt căn cứ Đầm Ròn⁽¹⁾. Để bảo đảm thắng lợi của trận đánh, ngoài Tiểu đoàn 186 đủ⁽²⁾ Quân khu điều Tiểu đoàn 120 từ Khánh Hoà lên và đặt phiên hiệu theo lực lượng của tỉnh Tuyên Đức là Tiểu đoàn 840 sử dụng Đại đội 143 Tuyên Đức, Đại đội 111 (đặc công) trung đội trinh sát, trung đội thông tin liên lạc (thiếu) của Quân khu.

(1) Căn cứ Đầm Ròn của địch gồm có: Sở chỉ huy hành quân c44/f123 ngày (có ba tên cố vấn Mỹ chỉ huy) một khu trung tâm chỉ huy, một trận địa pháo có hai khẩu 105 ly, một khẩu 106,7 ly, hai cối 81 ly, một cứ điểm tiền tiêu thường do một đại đội đóng giữ và năm chốt bảo vệ, mỗi chốt thường có từ 1 - 2 trung đội.

(2) Lúc này đại đội biệt phái cho Tỉnh Phú Yên cũng đã về lại đội hình Tiểu đoàn.

Đêm 4 rạng ngày 5 tháng 12 năm 1962 ta đồng loạt tiến công căn cứ Đầm Ròn, sau gần một giờ chiến đấu, ta diệt cứ điểm tiền tiêu, sở chỉ huy hành quân, đại đội thông tin, trận địa pháo 105 ly, 106,7 ly, 81 ly và trên một đại đội bảo vệ, làm chủ khu trung tâm. Địch chết và bị thương trên 300 tên (trong đó có tên trung đoàn trưởng và ba tên cố vấn Mỹ). Ta hy sinh sáu đồng chí và bị thương 26 đồng chí. Chiến thắng Đầm Ròn đã gây tiếng vang lớn đối với miền Nam và cả nước, nó có ảnh hưởng tốt đến phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc vùng Nam Tây Nguyên nhưng do khó khăn về lương thực nên ta không tiếp tục phát triển chiến đấu được, mà phải chuyển lực lượng về đứng chân ở các vùng gần rẫy để bảo vệ mùa màng, thu hoạch lúa, làm kho tàng dự trữ cất dấu lương thực chống cướp phá. Tiểu đoàn đã chấp hành và hoàn thành tốt chủ trương trên, làm tốt nhiệm vụ đánh địch, chống càn, bảo vệ tốt mùa màng và nhân dân mà tiêu biểu là Đại đội 2 của Tiểu đoàn do đồng chí Lương Văn Năm (tức Năm Lao)⁽¹⁾ làm đại đội trưởng, trong nhiều ngày của tháng 12 năm 1962 đã chỉ huy đại đội bám đánh lực lượng càn quét lớn của địch có cả lực lượng cộng hoà và biệt động quân suốt ngày tại khu rẫy lúa Dắc Tréphol, tiêu diệt và làm bị thương 40 tên địch, giải thoát được một số cán bộ bị địch vây ở một hang đá, buộc địch phải rút lui về phía tả ngạn sông Krông Nô. Cũng trong thời gian này Quân khu điều đồng chí Nguyễn Tấn (tức Tấn Vui) về làm tiểu đoàn trưởng và đồng chí Hồ Ngọc Diệp về làm chính trị viên tiểu đoàn.

(1) Đồng chí Năm Lao đã hy sinh và sau này được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau chiến thắng Ấp Bắc tháng 2 năm 1963 của quân dân Mỹ Tho - Quân khu 8 tình hình chung của toàn miền đã bắt đầu chuyển lên cao trào phá ấp chiến lược. Để phối hợp với toàn miền, Quân khu chủ trương phá khu tập trung Buôn Triết thuộc K62 nằm về phía nam thị xã Buôn Ma Thuột. Tiểu đoàn được giao nhiệm vụ phối hợp với đội vũ trang công tác địa phương hoạt động ở vùng này. Lúc này đồng chí Nguyễn Tấn đi công tác, Quân khu điều đồng chí Trần Văn Chúng (tức Hải Chúng) về làm tiểu đoàn trưởng. Qua một thời gian chuẩn bị chiến trường, liên lạc và nắm được cơ sở bên trong, thống nhất kế hoạch tác chiến với địa phương và đội vũ trang công tác, vào một đêm tối trời của tháng 7 năm 1963. Tiểu đoàn sử dụng lực lượng đặc công diệt đồn cấp trung đội của Êna và cùng lúc tổ chức lực lượng đột vào cả ba buôn Êna, Balá, Êdrack.

Tại buôn Êna, nhờ có cơ sở bên trong vững nên khi ta đột nhập vào là tập hợp được dân tuyên truyền chủ trương chính sách của cách mạng, tất cả số dân về đều đem vũ khí ra nộp, ta chỉ bắn vài loạt súng chỉ thiên để tạo cơ đánh vào ấp, rồi huy động dân phá rào, phá bung ấp chiến lược.

Nhưng ở buôn Êdrack cũng như buôn B'Lá do cơ sở yếu, ta nắm chưa chắc tình hình, nên số địch ngoan cố ban đầu có chống cự nổ súng ngăn chặn ta vào ấp, ta không bắn trả mà chỉ dùng loa kêu gọi tuyên truyền giải thích chính sách và cuối cùng bọn dân về và ác ôn cũng đem nộp súng cho ta và cùng quần chúng nhân dân ủa ra nhổ rào phá ấp. Vậy là chỉ trong một đêm ta đã phá banh khu tập trung Buôn Triết, giải trang toàn bộ lực lượng dân vệ thu 150 súng các loại, đưa gần 7000 dân về lại buôn làng cũ. Hôm sau bọn ngụy quân - ngụy quyền và cả

cố vấn Mỹ đến để kiểm tra giải tỏa khu tập trung, trước cảnh hoang vắng và tiêu điều xơ xác của khu tập trung, một tên cố vấn Mỹ buộc phải thốt lời chua chát "một kiểu chiến tranh thật kỳ lạ".

Tiếp đó Tiểu đoàn phát triển hoạt động lên hướng tây nam thị xã Buôn Ma Thuột giáp sông Sé-ré-pók, ở đây là vùng sâu, dân hầu hết bị địch dồn vào khu tập trung, cơ sở lại chưa có. Tiểu đoàn vừa phải phối hợp và hỗ trợ cho đội công tác phát động quần chúng xây dựng và mở cơ sở, vừa phải tự giải quyết lương thực để hoạt động. Cả tháng ròng không có lương thực, nhờ dân mách bảo, anh em phải đi hái lá bép về ăn thay cơm để hoạt động. Việc đi hái lá bép cũng phải tổ chức khảo sát và khoanh chia khu vực cho từng đại đội, vì vậy mà sau này mới có tên là "Tiểu đoàn lá bép".

Đến cuối năm 1963 theo quyết định của trên Quân khu 6 giao 2 tỉnh Đắk Lắk và Khánh Hòa cho Quân khu 5 và nhận các tỉnh Lâm Đồng, Quảng Đức, Phước Long của Khu 10, lúc bấy giờ các lực lượng và cơ quan của Khu ủy cũng như Quân khu chuyển về vùng Cát Tiên ven sông Đồng Nai Thượng. Tiểu đoàn chuyển vào vùng Đức Xuyên - Gia Nghĩa thuộc Quảng Đức hỗ trợ cho địa phương chống địch càn quét lấn chiếm, ở đây Tiểu đoàn diệt đồn Sa - na án ngữ trên đường Đức Xuyên, Gia Nghĩa và sau đó chuyển về Mã Đà thuộc căn cứ Miền Đông Nam Bộ để củng cố lực lượng. Thời gian này đồng chí Trường Sơn đã về làm tiểu đoàn trưởng thay đồng chí Trần Văn Chúng đi nhận công tác khác.

2. Trên chiến trường Đức Linh (Bình Thuận) và tây nam đèo Bảo Lộc đường 20 tỉnh Lâm Đồng (đông 1964 đến hè 1965).

Để tăng cường sức chiến đấu cho Tiểu đoàn, trong thời gian học tập tình hình nhiệm vụ và huấn luyện quân sự, Tiểu đoàn được bổ sung một đại đội bộ binh từ miền Bắc mới vào, đồng thời Quân khu cũng điều chỉnh sắp xếp lại ban chỉ huy tiểu đoàn gồm: Đồng chí Trường Sơn làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Vũ Như Loan làm chính trị viên tiểu đoàn, đồng chí Lê Tịnh - tiểu đoàn phó và đồng chí Trần Thanh Lập - chính trị viên phó tiểu đoàn, các đồng chí Hồ Ngọc Diệp - chính trị viên tiểu đoàn và đồng chí Đỗ Quang Hưng - tiểu đoàn phó được cấp trên điều đi nhận công tác khác.

Vào mùa khô năm 1964, Tiểu đoàn 186 về chiến trường Bình Thuận cùng với lực lượng địa phương mở hoạt động ở hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh ⁽¹⁾. Đây cũng là đợt hoạt động phối hợp với chiến dịch Bình Giã của miền, dưới sự lãnh đạo và chỉ huy của Ban chỉ huy mặt trận do đồng chí Lê Văn Hiến - Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận làm chính ủy, đồng chí Phan Văn Hượi chủ nhiệm chính trị Quân khu 6 làm chỉ huy trưởng, đồng chí Trường Sơn tiểu đoàn trưởng 186 làm chỉ huy phó.

Giữa tháng 10 năm 1964 Tiểu đoàn về đứng chân ở vùng căn cứ huyện Hoài Đức triển khai công tác chuẩn bị.

Do khó khăn chung về lương thực. Tiểu đoàn phải dựa vào các rẫy mỳ trong căn cứ để có cái ăn. Huyện ủy vận động nhân dân bảo đảm cho Tiểu đoàn mỗi ngày có một bữa cơm và làm cơm nắm khi xuất quân.

(1) Hoài Đức, Tánh Linh về ta thuộc tỉnh Bình Thuận, về địch thuộc tỉnh Bình Tuy do khu chiến thuật 33 của vùng 3 chiến thuật nguy hiểm nhận.

Qua nghiên cứu về tình hình địch, địa hình và dân cư, ban chỉ huy mặt trận quyết định:

Vận dụng phương pháp đánh phá áp chiến lược rồi trụ lại trong áp gài thế đánh viện nhiều cấp để tiêu diệt sinh lực địch. Đợt hoạt động chia làm ba bước:

Bước một: Từ ngày 10 tháng 11 năm 1964 đến cuối tháng 12 năm 1964: vào đêm 10 tháng 11 năm 1964 tiểu đoàn sử dụng Trung đội 3 của Đại đội 2 đột vào áp Mê Pu đánh tan trung đội dân vệ ở đây, rồi tổ chức công sự chiến đấu đứng lại trong áp, hỗ trợ và cùng các đội công tác, lực lượng chính trị của huyện Hoài Đức phát động quần chúng bắt bọn tề điệp, kêu gọi dân vệ và thanh niên chiến đấu ra đầu hàng nộp súng; huy động nhân dân phá áp chiến lược.

Đại đội 1 (thiếu một trung đội) được tăng cường hai trung đội của Đại đội 3 và một bộ phận hỏa lực của Đại đội 4 tổ chức phục kích dọc tỉnh lộ 2 (đoạn gần ngã ba Đa B'rim - dinh điền Nghi Đức) chặn đánh quân viện từ chi khu Hoài Đức đến.

Đại đội 3 còn lại làm dự bị.

Cũng trong đêm 10 tháng 11, một bộ phận của Đại đội 486 Bình Thuận cùng với bộ đội địa phương Tánh Linh đột nhập vào các ấp Đá Mài, Sông Phan bắt một số tề điệp, đốt trụ sở ấp. Lực lượng địch ở ấp này bỏ chạy.

Được tin áp chiến lược Mê Pu bị quân giải phóng đánh chiếm, sáng ngày 11 tháng 11 năm 1964, tên quận trưởng Hoài Đức điều đại đội bảo an cơ động của trung đội và một trung đội cận vệ do y trực tiếp chỉ huy theo tỉnh lộ 2 lên chi viện cho Mê Pu. Khi chúng đã lọt vào trận địa phục kích; quân ta nổ súng xung phong, diệt và

bắt sống 63 tên. Tên quận trưởng và số còn sót lại thả chạy về chi khu. Ta thu 28 súng các loại.

Thừa thắng, ta phát triển đánh chiếm dinh điền Nghi Đức. Lực lượng dân vệ ở đây, một số bỏ chạy về chi khu, một số ra đầu hàng và nộp cho ta hàng chục súng.

Đêm 11 tháng 11 năm 1964 Đại đội 2 cùng đội công tác đột áp Bắc Ruộng thượng (sát phía bắc chi khu), tước súng dân vệ và thanh niên chiến đấu, phát động quần chúng phá ranh rào đốt trụ sở ấp.

Cùng thời gian này ta dùng cối 81 ly tập kích chi khu gây hoang mang cho địch, chúng phải kêu cứu lên tiểu khu Bình Tuy.

Sáng ngày 12 tháng 11 ta bao vây bên ngoài chi khu và dùng súng máy bắn vào chi khu, tạo áp lực giữ địch trong chi khu.

Cũng đêm 11 tháng 11 năm 1964 Đại đội 1 tiểu đoàn 186 phối hợp với Đại đội 486 Bình Thuận có một phân đội hỏa lực trực tiếp chi viện dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Cang - Tham mưu trưởng Bình Thuận tổ chức trận địa phục kích đoạn Láng Gòn - suối Đá Mài đón đánh quân viện từ tiểu khu Bình Tuy từ La Gi lên.

Sáng ngày 12 tháng 11 năm 1964 tiểu khu Bình Tuy cho 20 xe quân sự chở một đại đội biệt động quân, một đại đội biệt kích, một trung đội công vụ, hai khẩu pháo 105 ly, có chỉ đội thiết giáp dẫn đầu theo tỉnh lộ 2 chi viện cho Hoài Đức.

8 giờ 12 tháng 11 năm 1964 bộ phận đi đầu đã đến chốt chặn đầu của ta, nhưng phía sau vẫn còn ngoài trận

địa. Lực lượng ta nổ súng chặn đứng địch lại và nhanh chóng xung phong, bao vây chia cắt tiêu diệt quân địch. Đại đội 1, Tiểu đoàn 186 diệt ngay chiếc xe bọc thép đi đầu và cùng với 486 tiếp tục diệt từng xe, từng tốp địch. Bọn địch còn bên ngoài trận địa tổ chức đánh vào sườn quân ta hồng giải vây cho bọn đang bị đánh. Đại đội 486 tổ chức một bộ phận ngăn chặn bọn này. Sau khi giải quyết bọn địch ở đoạn đầu xong, Đại đội 1 liên vận động tiếp cận đánh mạnh vào sườn phải quân địch tiếp sức cho Đại đội 486 đẩy lùi và tiêu diệt quân địch.

Sau 30 phút chiến đấu quyết liệt, ta đã diệt đại đội biệt kích bảo an 387, hai trung đội biệt động quân, một trung đội công vụ, một chi đội xe bọc thép. Bọn còn sống rút chạy về La Gi. Kết quả ta đã loại khỏi vòng chiến đấu: 130 tên, có 2 cố vấn Mỹ, phá hủy 10 xe quân sự (có 4 xe bọc thép); thu 57 súng các loại (có bốn đại liên, một cối 60 ly) cùng nhiều đồ dùng quân sự.

Để cứu vãn tình hình, chiều 12 tháng 11 năm 1964 địch dùng trực thăng chở một tiểu đoàn (thiếu) cộng hòa của vùng 3 chiến thuật đổ xuống giữ chi khu Hoài Đức và cho máy bay oanh tạc vùng phụ cận chi khu để đẩy lực lượng ta ra xa, giải tỏa áp lực cho chi khu.

Lúc này, Tiểu đoàn 186 chỉ để lại một bộ phận nhỏ tiếp tục vây lỏng chi khu Hoài Đức, đại bộ phận lực lượng phân tán từng trung đội phối hợp với lực lượng vũ trang Bình Thuận, đội công tác tấn công các ấp, các dinh điền còn lại ở phía bắc và phía nam chi khu như: Sùng Nhơn 1, Sùng Nhơn 2, Tà Pao, Huy Khiêm... Nhân dân trong các dinh điền là những người bị gom, xúc từ các vùng tự do Liên khu 5 trong thời kỳ chống Pháp nên bà con nhanh

chống nổi dậy phối hợp cùng bộ đội để tự giải phóng mình, kêu gọi dân vệ, thanh niên chiến đấu ra nộp súng đầu hàng cách mạng. Nhờ đó, chỉ trong vài ba ngày Tiểu đoàn và nhân dân đã hầu hết làm chủ các ấp, các dinh điền phía bắc sông La Ngà.

Do đó, khi lực lượng cộng hòa bung ra giải tỏa thì không còn chỗ dựa, bị ta bằm đánh tiêu hao, bị nhân dân hù dọa, nên chúng chỉ lướt qua một số ấp rồi bí mật cắt rừng về lại chi khu.

Sau khi hỗ trợ cho nhân dân giành quyền làm chủ các ấp, các dinh điền, Tiểu đoàn cùng địa phương tiếp tục phát động quần chúng xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng dân quân du kích, các đoàn thể trong từng ấp, từng dinh điền và chuyển lên thế bố trí phòng chống địch.

Cũng trong thời gian này, các lực lượng vũ trang Bình Thuận đẩy mạnh tấn công vào một loạt các ấp chiến lược ở huyện Tánh Linh: Đá Mài, Sông Phan, Bà Tá hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

Đến ngày 12 tháng 12 năm 1964 ta kết thúc bước một đợt hoạt động. Trong vòng một tháng hoạt động, ta đã xoay chuyển được tình hình trên một vùng rộng lớn có lợi cho cách mạng, đẩy địch vào thế bị động đối phó. Ngoài hai trận phục kích đánh hai cánh quân tiếp viện của chi khu Hoài Đức và tiểu khu Bình Tuy, diệt và bắt sống 193 tên, thu 85 súng các loại, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch; trong hoạt động nhỏ lẻ tiếp theo ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 85 tên địch, đánh tan bốn trung đội dân vệ, thu 48 súng và hai máy PCR10.

Hàng trăm nam nữ thanh niên đã thoát ly tham gia cách mạng và gia nhập Quân đội. Hai huyện Hoài Đức - Tánh Linh mỗi nơi đã phát triển được một trung đội bộ đội địa phương, lực lượng dân quân du kích cũng được phát triển đều ở các ấp, dinh điền ta mới giải phóng.

Ta mua được nhiều lương thực trong dân vừa có ăn vừa có dự trữ. Riêng Tiểu đoàn 186 đã dự trữ được một tháng lương thực, đây là một kết quả mới rất quan trọng. Ngoài ra, ta còn giữ được quan hệ kinh tế giữa vùng mới giải phóng và vùng tạm chiếm. Các xe tải, xe khách từ Sài Gòn, Phan Thiết, La Gi vẫn đi lại bình thường ở vùng mới giải phóng, nên địa phương đã mua được các nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ cho đời sống nhân dân, các cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang.

Tóm lại: Bước một ta đã giành được thắng lợi dòn dả và tương đối toàn diện cả về quân sự, chính trị và kinh tế tạo đà thuận lợi cho bước hai.

*

* *

Bước hai: (Từ đầu năm 1965 đến trung tuần tháng 2 năm 1965) Chuẩn bị cho bước hai, ngày 15 tháng 12 năm 1964, Tiểu đoàn được lệnh rút về căn cứ để học tập củng cố. Trước khi rút, Tiểu đoàn để lại một bộ phận nhỏ cùng với lực lượng địa phương, đội công tác giữ vững vùng giải phóng và đẩy thế tranh chấp ở các ấp còn lại trong cả hai huyện.

Để chuẩn bị cho việc chiếm lại các ấp và dinh điền đã mất, địch tiếp tục tăng cường lực lượng cho chi khu Hoài Đức. Do đó sau một thời gian ngắn Tiểu đoàn lại

phải rời căn cứ xuống đứng chân ở Mê Pu kinh để chủ động đối phó địch phản kích, hỗ trợ việc xây dựng vùng giải phóng và chuẩn bị cho bước hai.

Mở đầu bước hai, đêm 4 tháng 1 năm 1965 Tiểu đoàn sử dụng Đại đội 1 tập kích ấp chiến lược Đồng Kho thuộc huyện Tánh Linh, diệt một trung đội bảo an, đánh tan một trung đội bảo an khác, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá ấp chiến lược. Chiến thắng Đồng Kho đã nhanh chóng lan rộng vùng nam sông. Tiếp đó ta vừa đánh vừa mở vùng, vừa cùng đội công tác phát động quần chúng lên phá kềm, làm cho chủ thôn ấp. Trong vòng một tuần lễ, hàng ngàn lượt người đã tham gia học tập chính sách của mặt trận; các tổ chức đoàn thể được hình thành và đưa vào hoạt động; khí thế nhân dân rất phấn khởi và tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng.

Vùng địch kiểm soát bị thu hẹp và ngày càng bị bao vây cô lập, ngày 17 tháng 1 năm 1965, quân địch ở chi khu Hoài Đức huy động đại đội bảo an 515 và bốn trung đội dân vệ, một đoàn binh định nông thôn, một toán tâm lý chiến, tất cả gồm 300 tên do tên quận trưởng, cùng hai cố vấn Mỹ chỉ huy hành quân tái chiếm Mê Pu-Sùng Nhơn. Để đánh đòn bất ngờ vào lực lượng ta, chúng bí mật cắt rừng từ Nghi Đức (Dạ B'rim) lên ngã tư B'Sar, rồi tiến vào xóm (10 nhà) ở Mê Pu.

Nắm được ý định của địch, Tiểu đoàn đã vận dụng cách đánh "chốt chặt nhử địch vào tròng với vận động bao vây tiến công tiêu diệt". Ta sử dụng Trung đội 1 của Đại đội 3 cùng với tiểu đội du kích Mê Pu chốt chặn tại cổng chào xã cách xóm 10 nhà khoảng 30 mét để nhử

địch. Đại đội 1 ém phục ở khu Lò Than cách lộ hai (đường 336) khoảng 700 mét để hình thành thế bao vây trước và chặn đường lui của địch. Các đại đội còn lại và vị trí chỉ huy tiểu đoàn bố trí ở con suối phía sau thôn 2; bộ phận hỏa lực bố trí hướng tây bắc cách xóm 10 nhà khoảng 600 mét. Chỉ huy trận đánh do đồng chí Vũ Như Loan - chính trị viên tiểu đoàn và đồng chí Đỗ Sĩ Quý - phái viên của Quân khu đảm nhiệm ⁽¹⁾. Tất cả đều sẵn sàng xuất kích khi quân địch lọt vào xóm 10 nhà.

Lúc 6 giờ 30 phút ngày 17 tháng 1 năm 1965 bọn địch bắt đầu vừa đến cổng chào đã bị hỏa lực của ta chốt chặn lại; sau ba đợt tiến công không thành, bị thương vong nhiều, địch lùi ra, gọi trực thăng đến bắn phá.

9 giờ tiểu khu Bình Tuy cho hai trực thăng chở tên tiểu khu phó và một số sĩ quan tùy tùng lên thị sát tình hình, động viên binh lính và lấy thương, lấy tử. Bọn này vừa bay đến nơi, chưa kịp bắn phá thì bị hỏa lực của ta chốt bắn trúng một chiếc, hoảng sợ trước hỏa lực của ta cả hai chiếc trực thăng hoảng hốt bay về tiểu khu.

Để nhử địch vào khu vực ta đã chọn, chỉ huy trưởng trận đánh và chính trị viên tiểu đoàn thống nhất cho lực lượng chốt bí mật rút lui, thả cổng cho địch vào.

Gần 10 giờ địch mới mon men vào xóm 10 nhà, tên quận trưởng Lâm Thanh Liêm lập tức báo ngay về tiểu khu là đã chiếm được Mê Pu và cho lính ăn trưa.

Giữa lúc bọn địch đang ăn uống nghỉ ngơi trên đường và trong nhà dân thì Tiểu đoàn đã tổ chức ba mũi vận động tiếp cận địch.

(1) Trận đánh này đồng chí Trương Sơn về họp ở quân khu nên, đồng chí Quý tạm quyền chỉ huy.

Đúng 11 giờ cối 82 của tiểu đoàn bắn dồn dập vào đội hình địch và diệt sở chỉ huy địch ngay loạt đạn đầu, địch rối loạn, các mũi xung kích của Tiểu đoàn tấn công mạnh vào cả chính diện và hai bên sườn thành thế bao vây. Đại bộ phận địch bị diệt, bị thương và bị bắt; một số sống sót cùng tên quận trưởng cất rừng chạy về chi khu, quân ta làm chủ trận địa.

Kết quả: ta diệt đại đội 515, một đoàn bình định, một toán chiến tranh tâm lý và gần hết bốn trung đội dân vệ. Địch chết 101 tên (có hai cố vấn Mỹ), bị thương 109 tên, bị bắt 29 tên. Ta thu 93 súng các loại (có một đại liên, sáu trung liên, một cối 60 ly và sáu súng ngắn), bốn máy PRC10, nhiều đạn dược, quân trang quân dụng. Bắn hỏng một trục thắng, giết chết tên tiểu khu phó Bình Tuy.

Ta hy sinh bảy (có đồng chí Quý chỉ huy trưởng, khi khảo sát chiến trường bị một tên còn sống sót bắn lén), bị thương 10 đồng chí.

Thấy bộ đội anh dũng chiến đấu diệt địch giữa ban ngày, nhân dân vô cùng sung sướng. Trận đánh vừa kết thúc, già trẻ, gái trai đều ra giúp bộ đội thu dọn chiến trường, khiêng thương binh tử sĩ về phía sau và dẫn đường cho bộ đội truy bắt tàn binh.

Trận “10 nhà” (tên nhân dân quen gọi) là một trận quyết chiến, có ý nghĩa quyết định đối với toàn đợt hoạt động trên địa bàn Hoài Đức và nhân dân coi đây là một sự kiện lịch sử của địa phương Mê Pu.

Phát huy thắng lợi Tiểu đoàn tổ chức một bộ phận cùng với địa phương làm công tác tuyên truyền phát huy chiến thắng, tiếp tục truy quét bọn tề điệp ác ôn còn lẫn

trốn. Trong vòng 10 ngày tại các ấp Mê Pu, Dạ B'rim, Sùng Nhơn ta đã bắt cải tạo 169 tề điệp và 22 tù binh; vận động nhiều thanh niên gia nhập quân giải phóng; xây dựng cho huyện một đại đội địa phương với 182 cán bộ, chiến sĩ.

Phối hợp với Tiểu đoàn 186, ở mảng nam sông đêm ngày 7 tháng 2 năm 1965 các Đại đội 481 và đặc công của Bình Thuận tập kích cứ điểm Lỗ Ô, một điểm cao bảo vệ chi khu Tánh Linh, diệt một đại đội biệt kích, đồng thời ta dùng hỏa lực tập kích đánh thiệt hại nặng chi khu Tánh Linh. Cùng đêm bộ đội địa phương Tánh Linh đột áp Đồng Mê đánh tan một trung đội dân vệ, phá banh ấp chiến lược, đưa hơn một ngàn dân về buôn làng cũ và giải phóng ấp Đồng Kho; một bộ phận của Tiểu đoàn 186 phối hợp với địa phương đột áp Bà Tá và Gia An đánh tan một trung đội dân vệ, giải phóng luôn hai ấp này.

Sau khi ổn định tình hình các ấp vừa giải phóng ngày 22 tháng 2 năm 1965, Tiểu đoàn phát triển về phía nam chi khu Hoài Đức đánh hai ấp chiến lược lớn: Tà Pao và Bắc Núi giải trang năm trung đội dân vệ, thu thêm 100 súng các loại, làm chủ toàn bộ khu vực này, đẩy quận lỵ Hoài Đức vào thế bị bao vây uy hiếp, chúng liên tục kêu cứu lên cấp trên. Tiểu khu Bình Tuy không có khả năng chi viện, khu chiến thuật 33 của vùng chiến thuật 3 phải điều một tiểu đoàn từ Suối Râm bằng trục thắng vận lên tăng cường cho Hoài Đức. Vừa đặt chân xuống đất, chúng đã sử dụng thêm bốn trung đội dân vệ và ngay chiều 22 tháng 2 năm 1965 mở cuộc tấn công vào Bắc Núi để giải tỏa cho chi khu. Chúng vừa lần mò đến Bắc Núi thì bị quân ta chặn đánh quyết liệt, diệt 65 tên, số còn lại vội vã rút chạy về chi khu.

Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 2 năm 1965, chi khu Hoài Đức và tiểu đoàn cộng hòa phải bỏ chi khu quận lỵ băng đồng chạy qua nam sông La Ngà về Võ Đắc.

Sáng ngày 23 tháng 2 năm 1965 quân ta tiến vào chi khu, quận lỵ, thu toàn bộ kho tàng của địch.

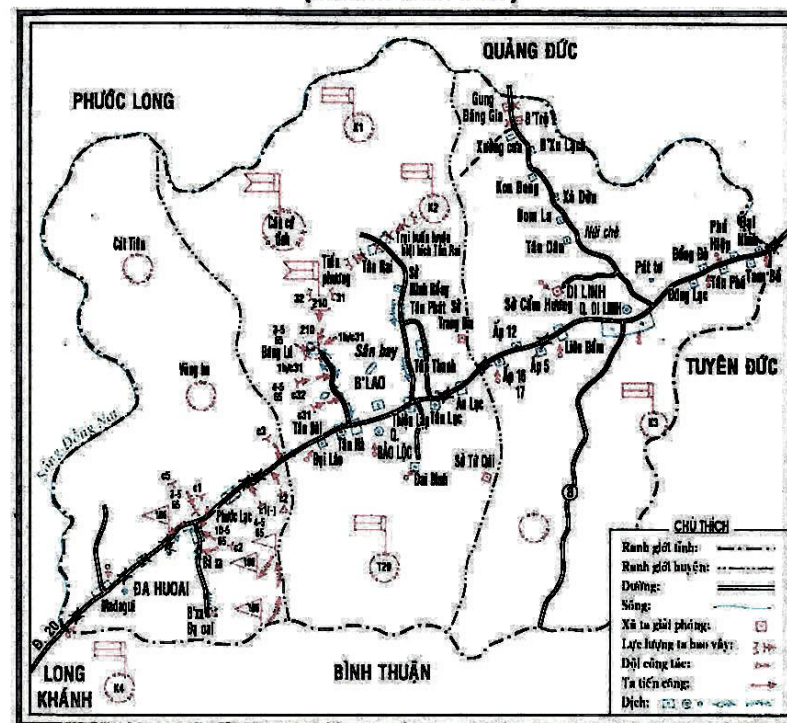
Quận Hoài Đức được giải phóng kết thúc đợt hoạt động. Thừa thắng, Tiểu đoàn 186 phát triển qua phía nam sông đánh chiếm và làm chủ ấp Võ Xu với hơn 5000 dân. Tiếp đến giải phóng ấp Chính Đức, cùng đội công tác vũ trang tuyên truyền vào Võ Đắc, đưa lên thế tranh chấp với địch ở khu vực này.

Trong những ngày tiếp theo, Tiểu đoàn đánh Trà Tân 1, Trà Tân 2, địch tan rã, chạy trốn, ta hướng dẫn nhân dân phá banh hai ấp chiến lược này. Đội công tác Suối Kiết cùng du kích phối hợp tấn công các ấp Suối Kiết, Sông Dinh, Sông Phan làm rã lực lượng dân vệ thu 18 súng, giải phóng ba ấp. Cùng thời gian một bộ phận của Tiểu đoàn xuống Tánh Linh, đánh diệt một trung đội dân vệ, giải phóng ấp Đồng Kho lần hai.

Đến lúc này chiến dịch Bình Giả của Miền phát triển qua hướng Hàm Tân, diệt hai đại đội bảo an kết thúc thắng lợi chiến dịch.

Sau gần 4 tháng hoạt động liên tục (từ đầu tháng 11 năm 1964 đến cuối tháng 2 năm 1965) Tiểu đoàn 186 đã phối hợp cùng lực lượng địa phương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Sau trận quyết chiến ở Mê Pu và trận Núi Bắc đã giải phóng huyện Hoài Đức và cùng với địa phương giải phóng phần lớn huyện Tánh Linh, nối liền căn cứ nam Lâm Đồng với phía tây Bình Thuận, mở

TIỂU ĐOÀN 186 TÁC CHIẾN Ở NAM ĐÈO BẢO LỘC (Mùa hè năm 1965)



ra một vùng rộng lớn với hơn ba vạn dân; phối hợp tốt với chiến dịch Bình Giã của Miền, kéo một phần lực lượng cơ động của khu chiến thuật 33 về Hoài Đức; Đồng thời còn góp phần thực hiện ý định của Quân ủy Miền về mở rộng hành lang xuống phía đông miền Đông Nam Bộ.

Bước vào hè 1965 theo lệnh của Quân khu, Tiểu đoàn 186 để lại một đại đội cùng với lực lượng vũ trang địa phương bảo vệ vùng giải phóng Hoài Đức, chuyển đại bộ phận lên đánh cắt đường 20 từ nam đèo Bảo Lộc đến Thọ Lâm để phối hợp với Lâm Đồng hoạt động ở đông bắc B'Lao và bắc Di Linh, phối hợp với chiến dịch Phước Long, Đồng Xoài của miền.

Từ đêm mồng 3 tháng 5 năm 1965 đến ngày 12 tháng 5 năm 1965 Tiểu đoàn đã đánh 5 trận, diệt một đồn, bức rút hai đồn, hai bót, tiêu diệt hai đại đội và hai trung đội bảo an, đánh thiệt hại nặng một đại đội thám kích, phá hủy hàng chục xe quân sự, đánh sập hai cầu trên quốc lộ 20, thu hàng trăm súng các loại giải phóng nhân dân các ấp hai bên quốc lộ 20 từ nam đèo Bảo Lộc đến đèo Chuối và phát triển tấn công địch giải phóng đến Thọ Lâm. Nối liền vùng giải phóng huyện Hoài Đức với vùng bắc đường 20 của Lâm Đồng; Mở rộng hành lang đông tây qua quốc lộ 20 và tạo điều kiện thuận lợi cho Lâm Đồng mở cửa khẩu thu thuế, thu mua lương thực, nhu yếu phẩm dự trữ cho cuộc kháng chiến ở địa phương.

Việc đánh cắt quốc lộ 20 phía nam đèo Bảo Lộc đã gây cho địch nhiều khó khăn, thu hút một phần lực lượng, đã thực hiện tốt sự phối hợp với lực lượng địa phương tỉnh Lâm Đồng mở rộng vùng giải phóng ở đông bắc

B'Laos và đường 8 bắc Di Linh; góp phần cùng với tỉnh Lâm Đồng hoàn thành tốt nhiệm vụ của hướng phối hợp trong chiến dịch tấn công Phước Long, Đồng Xoài mùa hè 1965 của Bộ chỉ huy Miền.

Trải qua ba năm rưỡi kể từ ngày về tới chiến trường Quân khu 6 và tham gia chiến đấu trên hai tỉnh Đắk Lắk, Bình Thuận, tuy gặp nhiều gian khổ thiếu thốn nhưng với tinh thần vì quê hương, vì miền Nam, vì nhân dân mà chiến đấu, nên Tiểu đoàn đã tìm cách vượt qua mọi khó khăn gian khổ, biết dựa vào dân, giác ngộ nhân dân và cùng dân đánh giặc, liên tục tấn công địch, phá ấp, phá kèm giành quyền làm chủ: Đã làm tròn nhiệm vụ của Quân khu giao và góp phần cùng Quân khu và toàn miền Nam làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

III. CÙNG VỚI CÁC LỰC LƯỢNG CỦA QUÂN KHU ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

(Từ giữa năm 1965 đến cuối năm 1968)

1. Trở lại Hoài Đức, Tánh Linh chống địch lấn chiếm, bảo vệ vùng giải phóng.

Mùa hè năm 1965 tình hình miền Nam - Việt Nam ngày càng trở nên nóng bỏng đối với giới cầm quyền nước Mỹ, đội quân nguy do Mỹ xây dựng, trang bị huấn luyện và chỉ huy bị thất bại liên tiếp trên chiến trường có nguy cơ sụp đổ. Nguy quyền Sài Gòn trong cơn khủng hoảng

ngghiêm trọng. Hệ thống ấp chiến lược tan rã từng mảng lớn. Phong trào đấu tranh của nhân dân ở các đô thị ngày càng lên cao. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đang đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn.

Trước tình thế ngày càng nguy khốn như vậy buộc tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải thay đổi chiến lược, ô ạt đưa quân Mỹ và quân một số nước chư hầu vào tham chiến ở miền Nam - Việt Nam, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” với quy mô lớn ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 8 tháng 3 năm 1965 những đơn vị đầu tiên của lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng. Ngày 5 tháng 5 năm 1965 lữ đoàn 173 cơ động đường không của Mỹ nhảy vào Vũng Tàu rồi lên Biên Hòa. Đến cuối năm 1965 đội quân viễn chinh Mỹ xâm lược miền Nam đã lên tới con số 184.000 tên cùng với 378 khẩu pháo cỡ lớn, 582 xe tăng và xe bọc thép, 350 máy bay chiến đấu phản lực, trên 1000 máy bay lên thẳng, 47 tàu chiến cùng với đội quân của một số nước chư hầu và cũng từ đó mà chiến lược “tìm và diệt” của tướng Oét-mo-len - tư lệnh của quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam ra đời, mà mục tiêu của nó là: Tiêu diệt khối chủ lực Miền “bẻ gãy xương sống Việt Cộng” và tiêu diệt bộ máy chỉ đạo, chỉ huy miền Nam làm tê liệt bộ máy của cuộc chiến tranh... Mục tiêu chính của chiến lược này là Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, miền Đông Nam Bộ là chiến trường chủ yếu để thực hiện chiến lược “tìm và diệt”.

Với Quân khu 6 lúc bấy giờ không phải là chiến trường chính, nhưng trước những thất bại nặng nề của quân ngụy, buộc chúng phải đưa quân Mỹ và tăng cường quân chủ lực ngụy để giữ những vùng còn lại của “lá chắn” cửa ngõ miền Đông và Sài Gòn.

Ngày 9 tháng 12 năm 1965 lần đầu tiên quân Mỹ đổ hai tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 173 và một số quân đội lính Úc cùng với sư đoàn 18 ngụy, mở cuộc càn quét ở vùng giải phóng hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh trong 20 ngày hòng đánh bật lực lượng ta ra khỏi vùng này.

Chấp hành mệnh lệnh của Tư lệnh Quân khu 6 giữa tháng 5 năm 1965 Tiểu đoàn 186 phải chuyển quân gấp từ Thọ Lâm tỉnh Lâm Đồng về Hoài Đức - Tánh Linh tỉnh Bình Thuận để phối hợp với lực lượng địa phương chống địch càn quét lấn chiếm vùng giải phóng. Về đến địa bàn Tiểu đoàn triển khai ngay đi nắm địch, lúc này địch đang gấp rút chuẩn bị đóng chốt ở ấp Võ Xu huyện Hoài Đức. Đêm 17 tháng 5 năm 1965 Tiểu đoàn tổ chức tập kích và diệt gọn đại đội bảo an 510 đang chốt giữ ở đây. Sau đó cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích quần bám chống càn, liên tục đánh địch cả quân Mỹ lẫn quân ngụy, tiêu hao và tiêu diệt trên 300 tên địch. Do khả năng ta có hạn, địch đông dựa vào sức mạnh phi pháo yểm trợ nên chúng lấn chiếm được vùng giải phóng Tánh Linh và gom được gần 10 ngàn dân phía bắc sông La Ngà của huyện Hoài Đức đưa về phía nam sông.

2. Đánh cắt quốc lộ 20 mở mảng, mở vùng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (đầu năm 1966 đến cuối năm 1967)

Đầu năm 1966 Tư lệnh Quân khu tăng cường Tiểu đoàn 186 cho tỉnh Lâm Đồng với nhiệm vụ được giao là: phải đánh, cắt và làm ngừng trệ giao thông trên quốc lộ 20 và phối hợp hỗ trợ cho địa phương mở mảng, mở vùng, giành quyền làm chủ dọc hai bên quốc lộ 20.

Quốc lộ 20 là con đường chiến lược rất quan trọng đối với địch, với chiều dài hơn 200 ki-lô-mét giữa Sài Gòn với Đà Lạt qua vùng cao nguyên cực Nam Trung Bộ qua miền Đông Nam Bộ là cửa ngõ phía đông bắc Sài Gòn, mất con đường này thì Đà Lạt - hậu phương chiến lược của địch sẽ bị cô lập, cửa ngõ đông bắc Sài Gòn sẽ bị uy hiếp. Vì vậy mà trên trục lộ chiến lược này địch đã cày dân, xây dựng hệ thống ấp chiến lược xen kẽ với những tiểu khu, chi khu và các đồn bót thành hệ thống phòng thủ dày đặc, để vừa ngăn chặn hành lang chiến lược giữa miền Đông và các tỉnh đồng bằng Khu 6, vừa đánh phá quyết liệt phong trào cách mạng ở đây nhằm đảm bảo an toàn cho việc lưu thông con đường huyết mạch này.

Vào trung tuần tháng 3 năm 1966 địch tung tiểu đoàn 23 biệt động quân mở rộng trận càn quét vùng phía tây, tây bắc quận lỵ Di Linh để thăm dò lực lượng ta, chúng tổ chức đóng quân dã ngoại ở phía tây bắc núi Xà Lùng.

Để giáng đòn phủ đầu cuộc càn của địch, đêm 15 tháng 3 năm 1966 Tiểu đoàn 186 phối hợp với Đại đội 210 của tỉnh Lâm Đồng tập kích vào nơi đóng quân của địch, diệt 50 tên buộc địch phải bỏ cuộc càn rút quân về Di Linh. Sau trận tập kích này địch co lại, Tiểu đoàn phối hợp với lực lượng địa phương đẩy mạnh các hoạt động đánh nhỏ vào vùng ven, vùng sâu quanh thị xã B’Lao, hỗ

trợ cho các đội công tác đột áp, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở mở rộng phong trào.

Vào hoạt động hè năm 1966 Tiểu đoàn được Quân khu bổ sung quân số, mỗi đại đội bộ binh có quân số từ 100 đến 110 người, đại đội trợ chiến đủ ba phân đội: Phân đội cối 81, 82 có ba khẩu đội; phân đội ĐKZ 75, 57 có ba khẩu đội; phân đội súng máy cao xạ 12,7 ly và đại liên cũng có 3 khẩu đội; một đại đội đặc công gồm ba đội, 65 đồng chí; một trung đội thông tin; một trung đội trinh sát; một trung đội phẫu thuật bệnh xá; một trung đội vận tải bộ và một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần cho Tiểu đoàn; đồng thời điều chỉnh cán bộ chỉ huy tiểu đoàn, rút đồng chí Trường Sơn - tiểu đoàn trưởng, Vũ Như Loan - chính trị viên, Trần Thành Lập - chính trị viên phó về Quân khu nhận công tác khác và đi học. Đưa các đồng chí: Nguyễn Thông về làm tiểu đoàn trưởng, Trần Văn Nguyễn làm chính trị viên, Phạm Ty - tiểu đoàn phó. Quân số toàn Tiểu đoàn lúc này lên đến 650 người. Đợt hoạt động này được Quân khu theo dõi chỉ đạo chặt chẽ.

Theo phương án tác chiến được Quân khu phê duyệt, đêm 20 tháng 6 năm 1966, đại đội đặc công cùng Đại đội 1 (thiếu một trung đội) của Tiểu đoàn tập kích diệt gọn một đại đội bảo an đóng giữ đồn Quỳnh Hoa và đánh sập cầu Đại Nga. Đại bộ phận của Tiểu đoàn được phối thuộc một trung đội địa phương T29 bố trí phục kích đoạn từ ấp Tân Hóa đến tây cầu Đa Ròn 600 mét đón đánh quân viện từ B'Lao đến.

6 giờ ngày 21 tháng 6 năm 1966, một trung đội thám kích đi nắm tình hình bị bộ phận của Đại đội 1 ở cầu Đại Nga đánh thiệt hại, tháo chạy về B'Lao.

Đến 9 giờ ngày 21 tháng 6 tiểu đoàn cộng hòa đóng ở B'Lao đi giải tỏa, khi chiếc xe bọc thép đi đầu đến cách đồi Nhà Thiếc (đối diện ấp Tân Hóa) 100 mét, bị hỏa lực chặn đầu của ta bắn cháy, cả đoàn xe địch bị ùn lại. Chỉ huy Tiểu đoàn hạ lệnh xung phong, các bộ phận chính diện chặn đầu nhanh chóng xông thẳng vào đoàn xe của địch đánh chiếm ngay các xe bọc thép và dùng hỏa lực trên xe địch diệt địch ở các xe GMC; bộ phận khóa đuôi đã bịt chặt đường rút của địch và đánh dọc theo đường từ phía sau tới. Bị đánh cả hai đầu và bên sườn, địch còn trên các xe vội nhảy xuống mép đường phía ấp Tân Hóa chống trả, các chiến sĩ ta sử dụng súng máy trên xe địch vừa chiếm, bắn dọc theo mép đường và dùng M79, lựu đạn tiêu diệt địch. Một số khác đánh giáp lá cà với địch, cuộc chiến đấu kéo dài đến 9 giờ thì quân ta làm chủ được chiến trường.

Trận này nổi lên nhiều gương chiến đấu linh hoạt, dũng cảm, đặc biệt có đồng chí Mẫn - tiểu đội phó thuộc Đại đội 3, một mình sử dụng ba loại hỏa khí đánh địch, khi được lệnh xung phong đồng chí đã nhanh chóng chiếm xe bọc thép địch, phát hiện địch ở các xe còn lại chống cự quyết liệt đồng chí liền dùng đại liên trên xe bọc thép địch bắn dọc theo đường và dùng lựu đạn với M79 ném thẳng xuống đường sát thương địch. Đồng chí đã được cấp trên tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Kết quả: Ta diệt gần hết một tiểu đoàn cộng hòa, bắn cháy 14 xe quân sự (trong đó có ba xe bọc thép, thu trên 100 súng các loại, nhiều đạn dược và quân trang, quân dụng).

Ta hy sinh 24 đồng chí (đa số bị pháo ở bến sông Đại Nga), bị thương 15 đồng chí.

Đây là trận đầu tiên của chiến trường Khu 6, Tiểu đoàn 186 diệt một đồn cấp đại đội và một tiểu đoàn địch. Trận đánh đã được Bộ chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba.

Sau trận này, Tiểu đoàn phân tán phối hợp với lực lượng địa phương hỗ trợ đội công tác phá kim trong nhiều ấp chiến lược ở đông thị xã B' Lao đưa nhân dân lên thế tranh chấp làm chủ.

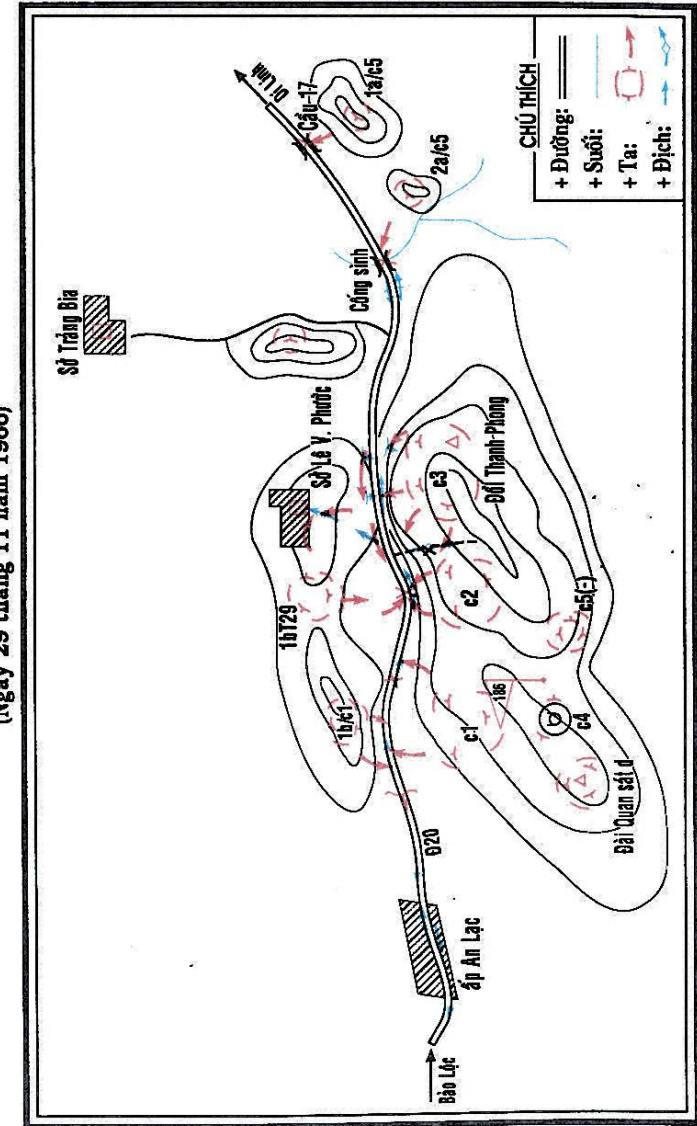
Vào đông xuân năm 1966-1967, Tiểu đoàn được giao nhiệm vụ đánh cắt đường 20, mở mương đoạn từ đông B' Lao đến tây Di Linh.

Qua một thời gian nghiên cứu, theo dõi quy luật đối phó của địch và chuẩn bị chiến trường, đêm 28 tháng 11 năm 1966 Tiểu đoàn được phối thuộc một trung đội địa phương T29, tổ chức một bộ phận đánh sập cầu 17 và Cống Sinh phía tây cầu, cắt giao thông trên quốc lộ 20; dùng một bộ phận nhỏ chốt giữ hai đầu cầu và cống, đánh bọn công binh đi sửa đường, buộc địch phải đưa lực lượng đi giải tỏa.

Tiểu đoàn bố trí trận địa diệt địch từ đồi bác sĩ Phong (còn gọi là đồi Tiêu) đến phía nam ấp An Lạc dài khoảng 1600 mét quyết chiến điểm trước sở trà Lê Văn Phước.

Sáng ngày 29 tháng 11 năm 1966 xe hành khách bị nghẽn ở phía tây Cống Sinh và phía đông cầu 17 hàng ki-lô-mét.

DIỄN BIẾN
TRẬN PHỤC KÍCH ĐỘI THANH PHONG - SỞ TRÀ LÊ VĂN PHƯỚC
CỦA TIỂU ĐOÀN 186 QUÂN KHU 6
(Ngày 29 tháng 11 năm 1966)



Địch cho một trung đội thám kích đi bảo vệ và lực lượng công binh cùng vật liệu đến sửa cống, bắc cầu. Chúng vừa đến Cống Sinh đã bị chốt ta đánh thiệt hại phải rút chạy trở lại.

9 giờ, một đại đội bảo an, một chi đội xe bọc thép và một tiểu đoàn cộng hòa được máy bay, pháo binh yểm trợ theo quốc lộ 20 đi giải tỏa đến ấp An Lạc. tiểu đoàn cộng hòa dừng lại triển khai tại chỗ. Lúc này một đại đội cộng hòa cùng với đại đội bảo an có xe bọc thép hỗ trợ tiến quân lên đồi Tiêu. Đến Sở trà Lê Văn Phước địch cho xe bọc thép và đại đội bảo an lên chiếm đồi Tiêu để đánh vào phía sau bộ phận chốt, cho trung đội thám kích đưa công binh lên sửa cầu, còn đại đội cộng hòa tiếp chiến. Khi chiếc xe bọc thép đi đầu đến chân đồi Tiêu, vừa tầm lựu đạn, theo lệnh của tiểu đoàn trưởng, bộ phận chốt của Đại đội 3 do đại đội phó Lương Đình Cần chỉ huy đã nổ súng, ném lựu đạn và xung phong chiếm ngay xe đầu, đại đội phó Cần đã dùng súng đại liên trên xe địch yểm trợ cho bộ binh xuất kích tiêu diệt các xe bọc thép còn lại; đồng thời đã bắn rơi tại chỗ một máy bay L19 và ghìm đầu quân địch yểm trợ cho lực lượng ta thực hành bao vây, thọc sâu chia cắt tiêu diệt từng bộ phận đến tiêu diệt toàn bộ quân địch trong trận địa. Cùng lúc trận địa hỏa lực tiểu đoàn bắn dồn dập vào đội hình địch ở An Lạc, địch hoảng sợ tháo chạy, bỏ lại nhiều xe quân sự.

Sau 45 phút chiến đấu, ta làm chủ trận địa diệt gọn trung đội thám kích, chi đội xe bọc thép, đại đội bảo an 544, Đại đội 3 tiểu đoàn cộng hòa; bắn rơi tại chỗ một L19, phá hủy 3 xe bọc thép, 14 xe GMC, thu trên 30 súng các loại. Ta hy sinh ba, bị thương 24 đồng chí.

Trận đánh đã có tiếng vang trong nhân dân và gây thối động trong hàng ngũ địch, nhân dân vui mừng vì ta đã diệt được đại đội bảo an 544 khét tiếng gian ác ở Lâm Đồng.

Phát huy thắng lợi, Tiểu đoàn phân tán cùng với địa phương hoạt động trên đường 20 và vùng đông, đông bắc B'Laô. Các đại đội của Tiểu đoàn phối hợp chặt chẽ với từng đội công tác trên từng địa bàn bám ấp, bám dân tuyên truyền phát động quần chúng xây dựng thực lực cách mạng.

Trong thời gian này Đại đội 3 của tiểu đoàn đã cùng đội công tác của thị trấn sâu mở cơ sở trong các ấp công giáo di cư từ ấp Tân Hóa, Tân Thanh đến ấp Minh Rồng, hỗ trợ cho bộ phận kinh tài thu thuế các sở trà, cà phê của người Hoa, người Pháp và người Việt. Trên quốc lộ 20 ta đã phá vỡ hệ thống kìm của địch từ cầu Đại Nga đến ấp 16 Di Linh. Ta làm chủ đoạn đường này vào ban đêm, nên bọn địch và xe cộ không dám đi qua.

Tết Đinh Mùi 1966-1967 trên quốc lộ 20 từ cầu Đại Nga đến ấp 16. Nhân dân vùng này đã đón tết, vui xuân cùng quân giải phóng và tặng cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 186 nhiều quà, bánh. Mặt trận Giải phóng địa phương đã tổ chức hai cổng chào ở hai đầu do bộ đội địa phương luân phiên trực gác để đón những người còn trong hàng ngũ địch đã tuân theo các quy định của chính phủ cách mạng lâm thời qua lại khu vực này để thăm gia đình và đón tết.

Bước vào xuân 1967, Tư lệnh Quân khu giao cho tiểu đoàn tổ chức trận đánh tạo thế diệt cho được nhiều cấp quân địch từ địa phương, quân cộng hòa đến quân Mỹ.

Theo kế hoạch được Quân khu thông qua; đêm 23 tháng 2 năm 1967, Tiểu đoàn 186 sử dụng Đại đội 2 phối hợp với trung đội địa phương 742 của Di Linh phá ấp chiến lược số 5 (tây thị trấn Di Linh 5 ki-lô-mét) bố trí vật cản trên quốc lộ 20 chặn giao thông và phục đánh diệt quân địch từ đồn 12 đi giải tỏa. Sau khi diệt xong quân địch Đại đội 2 lui về đồn Nhà Mồ ấp Bô Bla chuẩn bị sẵn sàng đón đánh quân địch ở chi khu Di Linh đi theo đường Cẩm Hương - Kim Lệ, không để chúng vòng ra quốc lộ 20; đồng thời làm nhiệm vụ ở hướng đối diện, sẵn sàng tấn công địch từ bên sườn và phía sau

Trung đội 742 Di Linh sau khi hoàn thành nhiệm vụ đánh địch mở đường lui về chốt phía nam quốc lộ 20 gần ngã ba từ quốc lộ 20 đi trắng B'Rui để phối hợp với Đại đội 2 đánh địch khi chúng tạt qua phía nam quốc lộ.

Đại bộ phận của Tiểu đoàn bố trí từ ki-lô-mét số 3 đến đồn Nguyễn Khánh (nay là đồn nghĩa trang liệt sĩ huyện Di Linh). Do bộ phận bảo vệ vật cản sơ xuất, địch lén phá gỡ được, quốc lộ 20 lưu thông bình thường, cả ngày 24 tháng 2 năm 1967 toàn Tiểu đoàn nằm chờ căng thẳng có nơi dân vào làm trà đã phát hiện công sự ta, Tiểu đoàn cử người đến giáo dục và giữ họ lại đến tối mới cho về nên trận địa chưa bị lộ.

Tối 24 tháng 2 năm 1967, Tiểu đoàn chỉ huy đột áp số 5 lần hai, bắt tề cảnh cáo, phá rào ấp và tổ chức vật cản chắc chắn hơn, kết hợp với gài mìn, lựu đạn và bố trí lực lượng chốt giữ đánh địch phá gỡ. Lúc 5 giờ ngày 25 tháng 2 năm 1967 bộ phận địch đi mở đường bị mìn và lực lượng chốt của ta đánh chặn.

Đến 6 giờ ngày 25 tháng 2 năm 1967 đại đội bảo an ở đồn 12 đi giải tỏa bị Đại đội 2 ở đồi Bô Bla và trung đội 742 vây đánh tiêu diệt.

10 giờ cùng ngày, một đại đội bảo an từ Di Linh đi theo quốc lộ 20 đến ngã ba đồi Nguyễn Khánh đi Đạ Riam (bìa vườn mít) dừng lại ăn cơm.

Nơi địch dừng lại ở chính giữa hai bộ phận chặn đầu và chính diện; nếu cho bộ binh tiếp cận tấn công địch thì không tạo được sự bất ngờ và địch dễ co cụm đối phó. Lúc này tiểu đoàn trưởng hạ lệnh cho trận địa cối 82 ở nam đồi Nguyễn Khánh bắn vào đội hình địch, lệnh cho Đại đội 1 xung phong. Sau 10 phút xuất kích đánh thẳng vào đội hình địch kết hợp với bao vây chặn đường chạy về Di Linh, Đại đội 1 đã tiêu diệt gọn quân địch và nhanh chóng lui về vị trí cũ.

Lúc đó phía Cẩm Hương - Kim Lệ xuất hiện hai đại đội địch đang tiến về đồi Bô Bla. Tiểu đoàn trưởng lệnh cho Đại đội 2 sẵn sàng đón đánh địch, sát thương địch trước đôi, không cho địch rút chạy, Tiểu đoàn sẽ cho Đại đội 1 phối hợp đánh từ phía sau chặn đường rút của địch.

11 giờ tiếng súng các cỡ ở đồi Bô Bla nổ dòn, địch triển khai chống cự.

Đại đội 1 vừa về tới vị trí cũ, đã khẩn trương vận động qua đầu nguồn suối Sinh đánh vào sườn và phía sau quân địch.

Sau một giờ chiến đấu, quân ta đã dồn địch vào thế hai đầu, đều bị đánh. Ta tổ chức thọc sâu chia cắt đội hình địch kết hợp với bao vây nhỏ tiêu diệt và làm chủ chiến trường, tiểu trừ bọn còn ngoan cố chống cự trong

đó có tên quận trưởng Di Linh bị tiêu diệt. Lúc này máy bay và pháo binh địch thả bom, bắn phá vào trận địa ta. Quyết đánh trả lại địch, các khẩu cối 81 của Đại đội 4 đã bắn phá vào trận địa pháo ở Di Linh bị được hòng pháo địch. Súng máy phòng không đã bắn cháy một máy bay B57. Cả trận địa vang tiếng reo hò. Thị trấn Di Linh rối loạn khi được tin quận trưởng tử trận. Sợ bị lực lượng ta tấn công, địch kêu cứu khẩn cấp, máy bay địch hết tốp này đến tốp khác liên tục dội bom sát thương, bom cháy vào trận địa ta. Cả trận địa mịt mù khói lửa. Đến 14 giờ từng tốp trực thăng từ hướng tây nam qua trận địa ta đổ quân và pháo xuống bắc Di Linh, khu vực núi Chẻ, thành lập cụm pháo mới bắn phá vào trận địa ta.

Phán đoán có khả năng địch tổ chức viện binh từ B'Lao đến, tiểu đoàn trưởng bố trí lại đội hình đón đánh địch từ hướng tây. Đại đội 2, 3 và Trung đội 742, trận địa hỏa lực, đài quan sát vẫn nguyên vị trí, chú ý theo dõi địch hướng B'Lao đến. Hỏa lực cối tập trung; một: trước đồi Nguyễn Khánh, hai: trước đồi Kim Hòa; Đại đội 1 chuyển lên phía sau giữa đồi Nguyễn Khánh và đồi Kim Hòa. Vị trí chỉ huy chuyển về phía sau đồi đài quan sát.

15 giờ cùng ngày, các đơn vị về đến vị trí mới đang tiến hành làm công sự thì đài quan sát báo là khoảng một tiểu đoàn biệt động quân từ hướng B'Lao đến và đại đội đi đầu dừng lại trước Sở Kim Hòa. Tiểu đoàn thông báo cho Đại đội 3 sẵn sàng đánh địch, các đơn vị khác sẵn sàng xuất kích.

15 giờ 10 phút đại đội đi đầu của địch triển khai thành nhiều mũi tiến lên đồi Nguyễn Khánh.

Đại đội 3 sẵn sàng chờ địch đến cách công sự tiền duyên khoảng 15 mét, tiểu đoàn trưởng hạ lệnh khai hỏa. Các cỡ súng, lựu đạn nổ đồng loạt, ghìm đầu quân địch tại chỗ; các bộ phận chính diện, đối diện cùng được lệnh xuất kích thành thế bao vây tấn công địch. Trận địch cối bắn tập trung trước đồi Nguyễn Khánh và trên quốc lộ 20. Bị thiệt hại nặng, địch rút lui, quân ta truy kích tiêu diệt.

Ở Kim Hòa địch tổ chức tấn công vào bên sườn đội hình ta để giải thoát cho đồng bọn, trận địa cối đã bắn tập trung vào đội hình địch trước đồi Kim Hòa. Lúc này Đại đội 1 và phần lớn Đại đội 3 đã diệt xong đại đội đi đầu của địch, đang phát triển qua đồi Kim Hòa cùng Đại đội 2 diệt địch ở đây. Bị hỏa lực cối sát thương và bị ta vây đánh ráo riết, địch yếu thế gọi máy bay chi viện; trực thăng địch rà sát cố phân tuyến để giải thoát cho đồng bọn, rồi dùng hỏa lực tiêu diệt ta. Theo lệnh tiểu đoàn trưởng quân ta phân công từng tổ bắn trực thăng và tổ chức bám sát địch, đánh giáp lá cà với địch. Bị thiệt hại nặng nề, đến 18 giờ cùng ngày bọn địch còn lại vội vã chạy về B'Lao.

Ta thu dọn chiến trường, chuyển binh tử sĩ về phía sau và lần lượt di chuyển về vị trí tập kết thì trời sáng.

Tiểu đoàn trưởng triển khai đơn vị sẵn sàng đánh địch tiếp, tổ chức phân đội trực chiến đấu và cho đơn vị nghỉ ngơi tại chiến hào.

Máy bay địch tiếp tục quần lượn thả pháo sáng suốt đêm trên bầu trời Di Linh, đổ thêm quân và một cụm pháo xuống chi khu Di Linh.

13 giờ ngày 26 tháng 2 năm 1967, một tốp máy bay địch đến bắn phá, tập kích hóa học vào một đoạn chiến hào tiền duyên gây cho Tiểu đoàn một số tổn thất. Hai tiểu đội bị hóa học mất sức chiến đấu phải về phía sau.

Dọn bãi xong, địch đổ quân Mỹ xuống trảng B'Rui, cách trận địa ta 500 mét và phát triển về hướng trận địa ta. Sau khi điều chỉnh lại đội hình, lực lượng ta ở tuyến trước đã dựa chiến hào (được cấu trúc trước khi xuất quân), nổ súng đánh địch, diệt bộ phận đi đầu; tốp trước gục ngã tốp sau tiếp tục xông lên; hỏa lực các loại của địch dồn dập dội vào trận địa ta để chi viện cho bộ binh đánh chiếm tiền duyên. Nhiều đợt tổ chức tiến công, bị ta đẩy lùi bọn địch đã do dự. Nhận rõ thời cơ, tiểu đoàn trưởng tổ chức lực lượng phía sau xuất kích ngăn tiêu diệt địch rồi nhanh chóng lùi vào công sự.

Phi, pháo địch lại dội lửa đạn vào trận địa ta. Cuộc chiến đấu kéo dài đến 18 giờ, địch bị thương vong nhiều mà không chiếm được trận địa của ta, chúng dùng phi pháo kèm chặt ta và cho trực thăng đến hốt quân về Di Linh.

Như vậy là hai ngày 25-26 tháng 2 năm 1967 Tiểu đoàn 186 đã đánh liên bốn trận, diệt và đánh thiệt hại nặng bốn đại đội bảo an, hai đại đội biệt động quân, một đại đội Mỹ, thu hàng trăm súng các loại; bắn rơi, bắn cháy 13 máy bay. Ta hy sinh , bị thương 13 và hai tiểu đội bị mất sức chiến đấu.

Đây là trận đánh thực hiện đúng yêu cầu đánh bồi, đánh nhồi, đánh trụ lại để diệt địch mà Tư lệnh Quân khu đã chỉ đạo . Với thành tích trên, Tiểu đoàn được Bộ

Chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba lần thứ hai.

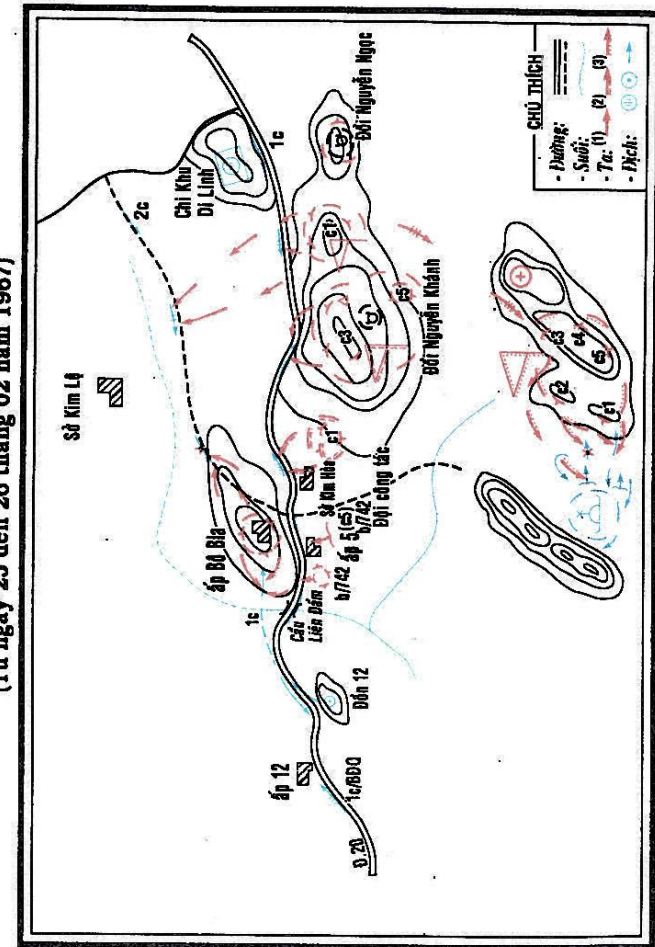
Sau một tuần giải quyết hậu quả của trận đánh và chuẩn bị lương thực, Tiểu đoàn phân tán từng đại đội kết hợp với công tác phá mìn ấp chiến lược xung quanh Di Linh, lấn sâu vào thị trấn, đưa một loạt ấp: Klong Trao, Hàng Ủng, Hàng Làng trên đường 8, nam thị trấn, ấp số 5 Bô Bla, Liêm Đầm, nam bắc quốc lộ 20 tây Di Linh... lên thế tranh chấp và làm chủ.

Phản ứng hoạt động của ta và để củng cố tinh thần
ngụy quân, ngụy quyền, tháng 3 năm 1967, quân Mỹ và
chư hầu càn quét vùng căn cứ của tỉnh ở phía bắc Đại đội
210 của tỉnh và du kích bám đánh diệt gần 100 tên, bắn
cháy 8 máy bay và bẻ gãy cuộc càn.

Tháng 4 năm 1967 Quân khu chỉ thị cho Tiểu đoàn chuẩn bị chiến trường hoạt động ở phía đông Di Linh. Do khó khăn về lương thực chưa chuyển đơn vị qua được phía đông, Tiểu đoàn cho lực lượng hậu cần đi lo lương thực thì bị biệt kích địch phục đánh.

Ngày 15 tháng 5 năm 1967 tiểu đoàn trưởng cùng một tổ trinh sát về căn cứ T29 để gặp ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng bàn việc chuẩn bị lương thực cho đơn vị. Vừa đến suối Konté – Srédiơng phát hiện có lực lượng biệt kích đang hoạt động ở vùng này, có khả năng tới 15 tháng 5 chúng sẽ trú quân tại khu vực này. Tiểu đoàn trưởng liền cho hai trinh sát trở về báo với chính trị viên Tiểu đoàn cho đơn vị khẩn trương chuẩn bị và hành quân đến khu vực để đánh diệt bọn biệt kích. Bộ phận ở lại tiếp tục theo dõi địch và nghiên cứu thêm địa hình.

DIỄN BIẾN
TRẬN PHỤC KÍCH TÂY DI LINH TỈNH LÂM ĐỒNG
CỦA TIỂU ĐOÀN 186 QUÂN KHU 6
(Từ ngày 25 đến 26 tháng 02 năm 1967)



17 giờ cùng ngày đơn vị đã đến địa điểm quy định, tiểu đoàn trưởng hội ý sơ bộ với chính trị viên cùng tiểu đoàn phó, rồi tiến hành tổ chức chiến đấu, phổ biến tình hình địch, địa hình, dự kiến nơi địch đóng dã ngoại và giao nhiệm vụ đánh địch cho từng bộ phận; trinh sát tiếp tục bám sát theo dõi địch.

19 giờ các bộ phận do trinh sát dẫn đường tiếp cận nơi trú quân dã ngoại của địch.

23 giờ bộ phận chính đã triển khai đội hình bí mật áp sát địch, quân địch chưa hay biết gì. Lúc này bộ phận đánh chiếm điểm cao phía bắc suối chưa đến kịp; nhưng để bất ngờ tấn công địch, tiểu đoàn trưởng ra lệnh nổ súng.

23 giờ 10 phút, tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ liên hồi vào đội hình địch. Bộ phận đánh mồm bắc suối, nghe tiếng súng nổ, nhanh chóng xông lên đỡ nhưng không có địch, bộ phận này chuyển thành lực lượng bao vây chặn đường rút của địch.

Bộ phận chính sau gần một giờ xung phong, thọc sâu cắt địch ra hai mảnh, thực hiện đánh gần giáp lá cà với địch. Lực lượng ta đã tiêu diệt đại bộ phận quân địch. Số còn sống sót có tên cố vấn Mỹ cố chạy qua suối định chiếm điểm cao chống cự liền bị bộ phận án ngữ tại đây đánh dạt xuống suối và bị tiêu diệt.

Kết quả: ta diệt gọn hai đại đội biệt kích và hai trung đội thám báo, có ba tên cố vấn Mỹ. Địch chết và bị thương khoảng 300 tên. Ta thu 30 súng, ba máy PRC25. Trận này ta hy sinh (có một trung đội trưởng), bị thương đồng chí.

Trận đánh đã phá kế hoạch chuẩn bị càn quét vùng căn cứ phía nam tỉnh Lâm Đồng của địch, gây hoang

mang dao động cho bọn biệt kích còn đang huấn luyện ở Tân Rai và bọn tề điệp ở các ấp còn lại trong vùng.

Từ mùa khô năm 1966 đến mùa hè năm 1967, trên địa bàn Lâm Đồng địch đã dồn lực lượng bình định vùng ven thị trấn, thị xã, cố xóa vùng mới giải phóng và gây không ổn định vùng căn cứ cả phía bắc và phía nam tỉnh, nhưng kế hoạch đó đã thất bại. Trái lại, quốc lộ 20 một trục lộ quan trọng giữa Sài Gòn - Đà Lạt liên tục bị ta chặn cắt, nhiều ấp, sở, lực lượng cách mạng đã làm chủ cả ngày đêm.

Bước vào mùa mưa năm 1967 do thiếu lương thực và tỉnh Lâm Đồng chưa giải quyết được nên Tiểu đoàn phải di chuyển về căn cứ K2 ở phía bắc tỉnh để dựa vào “rẫy mì chống Mỹ” của dân để ăn. Tại đây đơn vị tổ chức học tập chính trị, huấn luyện quân sự theo sự chỉ đạo của Quân khu.

Trung tuần tháng 8, Tiểu đoàn chuyển sang phía đông Di Linh, tiếp tục hoạt động phân tán hỗ trợ đội công tác mở đợt tấn công chính trị chống phá âm mưu bầu cử bịp bợm của trò độc diễn Thiệu - Kỳ.

Trong thời gian này các phân đội đã cùng đội công tác đợt áp diệt ác phá kìm, tuyên truyền mít tinh vạch tội giặc Mỹ và tay sai Thiệu - Kỳ, kêu gọi nhân dân tẩy chay không đi bỏ phiếu; đi đôi với xây dựng cơ sở phong trào vào một loạt ấp ven trục 20 như: Cao R’Thi, Cao Quin, K’Rọt, sở Bảo Nam, Gia Lành, Lò Gạch Tam Bó... Tổ chức bám dân đi làm ăn, đón đánh tiêu diệt hàng chục toán thám báo, biệt kích, dân vệ, bảo an bung xia, bắt gom dân đi làm về các ấp để chuẩn bị cho bầu cử; đồng

thời cùng với lực lượng vũ trang địa phương tập kích vào các khu vực bầu cử cả trong thị trấn và vùng phụ cận cả trước và trong ngày bầu cử. Tính chung trong đợt hoạt động phân tán này Tiểu đoàn đã diệt 100 tên địch, thu hàng chục súng.

Vào mùa khô 1967, theo sự chỉ huy của Quân khu, Tiểu đoàn được tỉnh Lâm Đồng phối thuộc đại đội 210 của tỉnh để đánh địch mở mang từ đông Di Linh đến giáp tỉnh Tuyên Đức và K67 huyện Đơn Dương – tỉnh Tuyên Đức.

Phát huy lối đánh sở trường của đơn vị, qua nghiên cứu địa hình và quy luật hoạt động của địch trong khu vực. Đảng ủy và Ban chỉ huy tiểu đoàn thống nhất; dùng một bộ phận đánh sập cầu Dak Le, đông ấp Tam Bó 1 ki-lô-mét cắt giao thông quốc lộ 20, chốt giữ đánh địch đến sửa chữa. Sử dụng một đại đội phục kích gần cổng ấp đánh đại đội bảo an ở Phú Hiệp đi mở đường. Nếu địch chạy về Phú Hiệp thì phối hợp với đại đội đặc công đánh thẳng vào ấp, uy hiếp mạnh khu vực này, buộc chi khu Di Linh đến cứu viện.

Lực lượng còn lại và đại đội 210 phục kích khu vực sở Bảo Nam đón đánh quân từ Di Linh đến, nếu ta tiêu diệt được quân chi khu và cầu Dak Le ta còn khống chế, địch sẽ tiếp tục đi giải tỏa và có nhiều khả năng địch sử dụng lực lượng đổ bộ đường không, chứ không dám liều lĩnh hành quân đường bộ. Vì vậy ta phải cơ động đón đánh quân bộ đường không vào phía sau chốt cầu Dak Le.

Theo phương án tác chiến đêm 15 tháng 11 năm 1967 một tổ của Đại đội đặc công đánh sập cầu Dak Le và tổ chức chốt giữ đánh bọn địch đến sửa chữa.

Sáng ngày 16 tháng 11 năm 1967 Đại đội 2 và đại đội đặc công (thiếu) đánh thiệt hại nặng đại đội bảo an và chiếm nửa ấp Phú Hiệp.

Để cứu nguy cho Phú Hiệp, khôi phục giao thông trên quốc lộ 20, chi khu Di Linh tổ chức hai đội bảo an, một trung đội thám kích, một trung đội pháo 105: hai khẩu, có một chi đội xe bọc thép dẫn đầu kéo đi giải tỏa.

14 giờ cùng ngày chi đội xe bọc thép vừa đến cách bộ phận chặn đầu 100m thì bị cối 82 của tiểu đoàn ⁽¹⁾ bắn trúng bốc cháy, cả đoàn xe dừng lại trong trận địa. Các bộ phận nhanh chóng bao vây tiêu diệt gọn quân địch, phá hủy hai pháo 105 ly, hai xe kéo pháo, sáu xe GMC, ba xe bọc thép thu hàng trăm súng và nhiều quân trang quân dụng. Ta bị thương ba, hy sinh một đồng chí.

Theo dự kiến trước, về đến vị trí tạm dừng, tiểu đoàn trưởng cho bổ sung đạn dược, chuyển thương binh về bệnh xá ngay trong đêm và cho nuôi quân chuẩn bị cơm nước.

5 giờ ngày 17 tháng 11 năm 1967 tiểu đoàn hành quân về khu vực bắc Tà Mon, Sáu Kim ở vùng Suối Tôm ⁽²⁾. Nơi đây có con đường mòn dân ấp Tam Bố thường ra vào làm ăn. 18 giờ cùng ngày đến nơi, tiểu đoàn triển khai đội hình chiến đấu, cho bộ đội làm công sự.

(1) Từ 8 giờ - 12 giờ chi khu Di Linh đã cho 1 đại đội bảo an và 1 chi đội xe bọc thép chi viện cho Phú Hiệp 2 lần nhưng tốc độ xe chạy nhanh, lại đi rất thưa, đơn vị ra chặn không kịp. Tiểu đoàn trưởng cho trận địa cối tính toán và làm nhiệm vụ chặn đầu.

(2) Suối Tôm: một địa danh do ta đặt, vì suối này rất nhiều tôm, nó nằm ở phía tây đường Tam Bố - Tà Môn khoảng 3km, khu vực đồi núi úp vung, mấp mủi, có cây dầu thưa thớt.

7 giờ ngày 18 tháng 11 năm 1967 tiểu đoàn trưởng cùng các cán bộ tiểu đoàn, đại đội đang họp bàn kế hoạch tác chiến thì địch cho máy bay đến dọn bãi đứng vào khu vực gần Đại đội 3 và đại đội trợ chiến làm cho 2/3 lực lượng của hai đại đội này phải tạt lên triển núi Braian để tránh bom đạn địch. Tiếp đó trực thăng đến đổ một tiểu đoàn xuống khu vực này. Tiểu đoàn trưởng tổ chức tập kích ngay quân địch nơi đổ bộ. Khi các đại đội trưởng đang trên đường chỉ huy đơn vị đến nơi đánh địch thì bộ phận trinh sát bám địch, báo cáo địch đang tiến quân theo hướng ra Tam Bố.

Để đánh chắc thắng, tiểu đoàn trưởng hạ lệnh cho Đại đội 1, Đại đội 210 nhanh chóng quay về chiếm lại trận địa cũ, chốt giữ khu ngã ba, bịt chặt đường ra Tam Bố. Lúc này trực thăng hộ tống đoàn quân địch phát hiện được quân ta đã rà theo bắn vào đội hình. Ta vẫn hành quân cấp tốc và tổ chức từng tổ bắn trực thăng. Ba chiếc trực thăng bị ta bắn cháy, số còn lại hoảng sợ phải bay lên cao.

Hai đại đội về đến vị trí vừa triển khai xong đội hình chiến đấu, thì bộ phận đi đầu của địch cũng đã mò tới. Đại đội 1 và Đại đội 210 có tiểu đoàn phó "Sáu Cột" đi cùng chỉ huy đã bịt cứng đường tiến và đẩy lùi quân địch về phía sau. Tiểu đoàn trưởng lệnh cho Đại đội 2 tổ chức từng tổ 3-5 người nhanh chóng chiếm giữ các cao điểm, lực lượng còn lại đánh từ phía sau tới.

Đại đội 3 còn lại làm đội dự bị sẵn sàng tiếp sức với Đại đội 2. Bị đánh cả trước mặt và sau lưng, địch cụm lại chống cự. Đại đội 1 đã vận dụng thủ đoạn vu hồi đánh vào sườn cắt địch ra thành hai mảnh để tiêu diệt; chúng

đạt qua hai bên định chiếm điểm cao để chống trả. Nhưng quân ta đã chiếm giữ trước, dùng hỏa lực dồn chúng xuống các khe và thung lũng. Cuộc chiến đấu kéo dài đến 13 giờ thì quân ta làm chủ chiến trường. Dịch cho máy bay đến bắn phá thả bom vào trận địa ta. Một toán địch đang luồn theo suối tìm đường trốn thoát đã bị chiến sĩ trinh sát, liên lạc chặn đánh và bắt sống.

Kết quả: sau 4 giờ chiến đấu dũng cảm và mưu trí Tiểu đoàn đã diệt một tiểu đoàn (thiếu một đại đội) địch gồm tiểu đoàn bộ và ba đại đội bộ binh⁽¹⁾; bắt sống 16 tên, bắn rơi 3 trực thăng, thu hàng trăm súng (có một đại liên, một cối 81), một máy vô tuyến điện 15 ốt, ba PRC25 và nhiều đồ dùng quân sự. Ta hy sinh ba đồng chí, bị thương năm đồng chí.

Xác quân địch chết bị bom chúng vùi dập và chìm ngập dưới suối lâu ngày, còn lại xương, đầu lâu, nên nhân dân địa phương vào làm ăn khu vực này phát hiện đặt tên là suối Đầu Lâu.

Phối hợp với đòn tấn công quân sự, các đội vũ trang công tác đột vào các ấp từ Đồng Đò - Đồng Lạc đến Tam Bó vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, đánh bọn bình định mở ra một mảng tranh chấp dọc hai bên quốc lộ 20 ở đông Di Linh.

Tiếp theo, Tiểu đoàn được lệnh của Quân khu chuyển qua K67, giải phóng vùng này, tạo bàn đạp lên Tuyên Đức để sẵn sàng làm nhiệm vụ mới.

Ngày 5 tháng 12 năm 1967 Tiểu đoàn tập kích đồn cấp đại đội Tà In, đây là đồn bảo an được xây dựng từ

(1) Theo biên chế của địch, 1 tiểu đoàn có 4 đại đội và tiểu đoàn bộ.

thời Pháp, khổng chế phần lớn K67 (đây là xã La Hoang của quận Đơn Dương).

Sau 30 phút tấn công ta diệt gọn đại đội bảo an trên 100 tên, bắt sống 6 tù binh, thu toàn bộ vũ khí, thiếu hủy, san bằng đồn, rồi tổ chức ém quân lại đánh viện binh địch.

16 giờ ngày 6 tháng 12 năm 1967, một đoàn trực thăng 7 chiếc chở sĩ quan và quân ở tiểu khu Tuyên Đức đến chi viện, bọn cố vấn Mỹ và một trung đội trinh sát đổ xuống đồng ruộng trước đồn Tà In.

Cả nguy lẫn Mỹ vừa đặt chân xuống đất chưa vững thì từ ba mặt các bộ phận của Tiểu đoàn đã giáng đòn phủ đầu và bao vây tiêu diệt chỉ còn hai trinh sát cưỡi ngựa của dân gần đó chạy thoát.

Lực lượng ta bắn rơi tại chỗ trực thăng, thu toàn bộ vũ khí. Cả hai trận ta chỉ bị thương nhẹ đồng chí. Những ngày sau đó, tiểu đoàn phân tán bám dân các ấp: Tà In, Là Hoan, Ma Âm, Ma Sợp tuyên truyền phát động xây dựng vùng giải phóng.

Phản ứng Tà In bị ta tiêu diệt, Mỹ đổ quân càn quét vùng Núi Pô, Tiểu đoàn đón đánh gây thiệt hại nặng một đại đội Mỹ, bắn cháy bốn trực thăng. Địch dùng chất độc hóa học tập kích vào khu trú quân của ta, nhưng Tiểu đoàn đã kịp thời di chuyển không bị tổn thất.

Sau khi liên lạc được với bộ phận lãnh đạo K67 chuyển giao vùng mới giải phóng cho địa phương quản lý. Ngày 24 tháng 1 năm 1968, Tiểu đoàn tập kích đồn cấp trung đội Tú Lâm (cách đông nam thị trấn Tùng Nghĩa 7 ki-lô-mét). Sau 10 phút tấn công ta tiêu diệt gọn đồn này, giải phóng hoàn toàn K67, tạo thuận lợi về hành lang, tiếp tế giữa Khu 6 và tỉnh Tuyên Đức.

giờ phút lịch sử giải phóng dân tộc sắp đến. Sau khi nhận lệnh chuyển đạt trực tiếp của đồng chí Phó tư lệnh Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam, Thường vụ Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu hạ quyết tâm: vào xuân Mậu Thân 1968 Quân khu tập trung lực lượng đánh dứt điểm và làm chủ hai thị xã Phan Thiết và Đà Lạt; Phan Thiết là trọng điểm 1. Đà Lạt là trọng điểm 2 và thành lập Bộ Chỉ huy của từng trọng điểm.

Tại trọng điểm 2 Đà Lạt, Quân khu sử dụng Tiểu đoàn 186, Tiểu đoàn 145 (thiếu một đại đội) đều từ Lâm Đồng lên và các đơn vị của tỉnh Tuyên Đức đồng loạt tấn công vào các mục tiêu quan trọng trong thị xã Đà Lạt đêm 30 rạng ngày 31 tháng 1 năm 1968.

Nhưng do trở ngại về thông tin liên lạc, Bộ Tư lệnh Quân khu theo phân công đều trực tiếp xuống chiến trường; nên đến 17 giờ chiều ngày 30 tết (31 tháng 1 năm 1968) Tiểu đoàn mới nhận được lệnh lên Đà Lạt. Tiểu đoàn tổ chức hành quân lên Đơn Dương nắm tình hình, vượt đường 24 bis, vượt quốc lộ 20, mãi đến 6 giờ sáng ngày 3 tháng 2 năm 1968 mới đến sở chỉ huy tiền phương của Quân khu để nhận nhiệm vụ cụ thể và làm công tác tổ chức chiến đấu.

Theo nhiệm vụ của Bộ chỉ huy tiền phương giao và nghiên cứu trên bản đồ, đến 4 tháng 2 năm 1968 Tiểu đoàn 186 tấn công vào tiểu khu và một số ty, sở của địch. Song tình hình địch và sự phòng thủ ở các mục tiêu này đã khác trước. Khu 23 chiến thuật đã tăng cường cho Đà Lạt liên đoàn biệt động quân số 2, Sài Gòn phái đến một biệt đoàn cảnh sát dã chiến để giữ các mục tiêu then chốt.

Do đó, khi tiến hành đột phá vào tiểu khu, các đơn vị đã vấp phải từng bãi mìn bố trí xen kẽ với vật cản ở ngoại vi gây không ít thương vong cho ta và khi phát triển vào tung thâm đã gặp sự chống trả quyết liệt. Với quyết tâm cao của các cán bộ chiến sĩ, Tiểu đoàn đã đánh chiếm ba phần tư tiểu khu và một số ty sở; khi trời vừa mờ sáng thì lực lượng địch tăng viện từ trường võ bị đến phản kích. Các bộ phận của Tiểu đoàn đã liên tục chiến đấu đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Đến 10 giờ địch dùng phi pháo đánh vào các khu vực ta chiếm giữ và rút lui lực lượng phản kích ra ngoài. Chỉ huy sở và hỏa lực Tiểu đoàn rời về Pát-xơ. 11 giờ địch dùng bom cháy ném xuống Viện Pát-xơ và vùng xung quanh. Để tránh tổn thất Tiểu đoàn cho từng đơn vị lần lượt di chuyển và đưa thương binh tử sĩ về phía sau ấp Nam-Thiên.

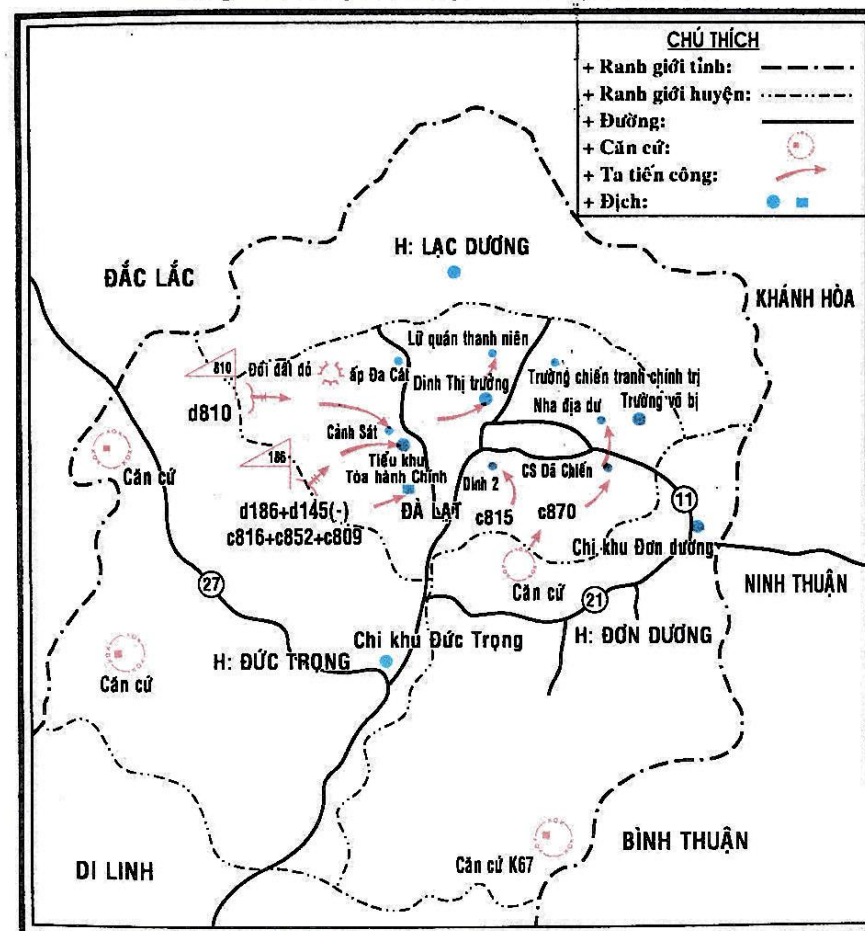
Để chuẩn bị cho đợt tấn công tiếp theo, ngày 6 tháng 2 năm 1968, theo sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy tiền phương, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn (thiếu) 145 rút ra ngoài củng cố. Để bổ sung quân số kịp thời cho nhiệm vụ chiến đấu tới, Tiểu đoàn cử cán bộ qua huyện Đơn Dương nhận hơn 100 tân binh ⁽¹⁾ về bổ sung cho đơn vị.

Tiến công hướng tây bắc Đà Lạt lần thứ 2 xuân Mậu Thân 1968.

Sau khi huấn luyện cấp tốc những vấn đề cơ bản cho tân binh và tổ chức biên chế vào các đơn vị chiến đấu để

(1) Khi tiểu đoàn hành quân qua Ka Đô (Đơn Dương) nhân dân mang quà bánh cho và nhiều thanh niên xin theo bộ đội đánh giặc. Tiểu đoàn hứa: anh em cứ chuẩn bị sẵn sàng, khi đến nơi ổn định Tiểu đoàn sẽ cho người về đón, vì vậy mới có số lượng hàng trăm người như vậy.

TIỂU ĐOÀN 186 TRONG TẾT MẬU THÂN NĂM 1968 TẤN CÔNG VÀO THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT (Từ ngày 04 tháng 02 đến ngày 11 tháng 02 năm 1968)



kèm cặp (mỗi tổ ba người có hai cũ, một mới), đêm 17 tháng 2 năm 1968 Tiểu đoàn 186 được tăng cường đội biệt động 850 của thị xã, Đại đội 810 của tỉnh Tuyên Đức tấn công vào hướng tây bắc - hướng chủ yếu trong tấn công lần thứ hai của Xuân Mậu Thân vào Đà Lạt.

Lực lượng đặc công Tiểu đoàn và biệt động thị xã đánh vào trường chiến tranh chính trị, diệt bớt tiền tiêu của trường, đánh dây nhà ở khu tây bắc trường, một mũi đi chệch hướng về phía ấp Mỹ Lộc, gặp và đánh địch ở khu vực này, sau đó rút ra hướng Mả Thánh, chốt ở ngã ba đường Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Hoàng (nay là đường Xô Viết Nghệ Tĩnh).

Lực lượng chính của Tiểu đoàn và đại đội 810 tấn công theo hướng Đa Thành - Đà Lạt; vừa đến trường Bạch Đằng gặp một chốt địch, Tiểu đoàn sử dụng Đại đội 810 đánh diệt và trụ lại ở Đa Thành; Đại bộ phận đến Đa Cát và đường Ngô Quyền thì gặp một đơn vị biệt động quân án ngữ ở khu vực này. Ta triển khai tấn công, diệt một bộ phận đẩy địch đến đường Hai Bà Trưng và đầu đường Phan Đình Phùng. Sau đó Tiểu đoàn chiếm giữ Đa Cát và cao điểm 1503. Hỏa lực của Tiểu đoàn bắn trận địa pháo 105 của địch ở sân bay Cam Ly, gây thiệt hại nặng cho địch và kiểm chế có hiệu quả trận địa pháo này trong nhiều ngày.

Sáng ngày 18 tháng 2 năm 1968 địch cho một đại đội thọc vào Đa Cát để thăm dò, bị ta đánh thiệt hại nặng phải vội vã tháo lui. Lúc này một tiểu đoàn biệt động quân từ phía sau đại đội vừa tháo lui vừa tổ chức tấn công hai mũi vào Đa Cát dưới sự yểm trợ của phi pháo. Dựa vào công sự chiến đấu vừa cấu trúc trong đêm, quân

ta bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch; Tiểu đoàn tổ chức Đại đội 810 từ Đa Thành ra phản kích tiêu diệt một bộ phận địch. Gần ba giờ độ sức, sau nhiều đợt xung phong bị tổn thất khá nặng, tiểu đoàn biệt động phải lùi lại điểm xuất phát, gọi phi pháo đánh vào trận địa ta. Địch tăng cường lực lượng và tổ chức đánh lên điểm cao 1503 nhằm tạo thế khống chế phía tây nam, yểm trợ đồng bọn đánh chiếm Đa Cát. Cánh quân này đã bị lực lượng chốt giữ ở đây chặn đứng từ lưng chừng đồi, nhiều tên chết và bị thương, buộc địch phải lùi sâu bên trong đường Ngô Quyền để củng cố. 13 giờ địch tăng cường biệt đoàn cảnh sát dã chiến đến tổ chức nhiều mũi tấn công lên cao điểm 1503 cố đánh bật ta; nhưng với kinh nghiệm được kịp thời rút ra từ các lần đánh trước, lực lượng chốt của ta đã gây tổn thất nặng nề đối với bọn biệt đoàn cảnh sát. Cuối cùng địch dùng phi pháo dội bom đạn vào trận địa ta, để kéo thương tử và lui quân.

Sau một ngày chiến đấu quyết liệt dưới phi pháo địch quân ta đã đánh lui hàng chục lần tấn công của 3 tiểu đoàn địch và gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Đêm 18 tháng 2 năm 1968 ta vừa củng cố trận địa, công sự ở các khu vực chiếm giữ trong ngày, vừa tổ chức một lực lượng nhỏ luồn sâu đánh địch ở đường Hai Bà Trưng và đường Phan Đình Phùng.

Sáng ngày 19 tháng 2 năm 1968 địch tổ chức tấn công ta ở Đa Cát theo hai hướng.

- Một cánh, khoảng 1 tiểu đoàn từ hồ Vạn Kiếp đánh vòng lên.

- Một cánh, từ đường Trần Bình Trọng đánh ra.

Trước thế tấn công của địch, ta tổ chức kiểm chế cánh quân hướng Trần Bình Trọng; tập trung lực lượng cơ động vây đánh diệt hơn 100 tên thuộc cánh quân từ hồ Vạn Kiếp đến, địch phải rút chạy.

Thấy dùng bộ binh không đánh bật được lực lượng ta ở các chốt mà còn bị tổn thất nặng, địch chuyển sang dùng phi pháo liên tục đánh vào cao điểm 1503 và sở chỉ huy, gây cho ta một số tổn thất, cao điểm 1503 từ một đồi cây lúp xúp, đã bị bom đạn địch cày xới thành một đồi đất đỏ (tên đồi đất đỏ có từ đây và trở thành một địa danh ghi nhận chiến công của quân Đà Lạt trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968).

Đêm 19 tháng 2 năm 1968 ta tổ chức lực lượng chuyển qua hướng Nguyễn Siêu (hướng bắc) để đánh thẳng vào thị xã thì được lệnh của Bộ chỉ huy tiền phương cho chuyển lực lượng ra chuẩn bị tấn công theo hướng mới là: đánh địch giải phóng nông thôn, trọng điểm là huyện Đức Trọng; chỉ để lại đại đội 810, lực lượng biệt động tiếp tục hoạt động tìm chân địch trong thị xã (do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức kiêm Phó bí thư Đảng ủy tiền phương truyền đạt).

Qua hai ngày đêm trên hướng tấn công tây bắc thị xã Đà Lạt, Tiểu đoàn đã đánh thiệt hại nặng liên đoàn biệt động quân số 2, một biệt đoàn cảnh sát dã chiến, diệt 2 trung đội dân vệ. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 300 tên địch.

Tiểu đoàn hy sinh một tiểu đội trinh sát (do bom địch) bị thương 13 người, Tỉnh đội bị thương đồng chí Tham mưu phó và ba đồng chí khác.

Theo chủ trương của Bộ Chỉ huy Tiền phương, Tiểu đoàn 186 tổ chức một bộ phận đi trước cùng với bộ phận của Tiểu đoàn 145 làm nhiệm vụ tiền trạm và chuẩn bị chiến trường. Tiểu đoàn 186 chuẩn bị đánh thị trấn Tùng Nghĩa; Tiểu đoàn 145 chuẩn bị đánh xã Phú Hội.

Ngày 21 tháng 2 năm 1968 đại bộ phận lực lượng của hai tiểu đoàn do các đồng chí tiểu đoàn phó chỉ huy hành quân về vị trí tập kết buôn La Bá ở bắc núi Chai 3 ki-lô-mét (nay là xã Tân Hội huyện Đức Trọng) để làm công tác tổ chức chiến đấu.

Đêm 25 tháng 2 năm 1968 Tiểu đoàn 145 đánh đồn dân vệ ở Phú Hội. Sau 15 phút ta làm chủ đồn, lực lượng dân vệ đã tháo chạy thoát thân, ta bắt hai tề ấp, phá nhà giam giải thoát 25 người có quan hệ với cách mạng bị địch bắt giam giữ ở đây. Tiếp đó đơn vị tổ chức trận địa phục kích ở phía nam xã, đón quân địch từ hướng cầu Đại Ninh lên. Cùng thời gian tiểu đoàn 186 tập kích yếu khu Tùng Nghĩa nằm trên quốc lộ 20 phía bắc xã Phú Hội. Sau 10 phút chiến đấu, Tiểu đoàn đã chiếm được yếu khu và thị trấn Tùng Nghĩa, diệt gọn một trung đội bảo an và yếu khu cảnh sát, làm chủ thị trấn. Tiếp đó tiểu đoàn trưởng tổ chức hai đại đội chiếm ngay ấp phía bắc thị trấn triển khai sẵn sàng đánh địch phản kích từ chi khu Đức Trọng đến. Sở chỉ huy tiểu đoàn ở tại trung tâm thị trấn.

Sáng ngày 26 tháng 2 năm 1968 địch từ chi khu Đức Trọng đến tổ chức nhiều đợt phản kích giải tỏa, nhưng đều bị lực lượng ta chặn đánh, thiệt hại nặng phải rút chạy về chi khu. Đến 10 giờ chúng dùng pháo đánh vào ấp.

Trong thị trấn số địch lần trốn và số thanh niên

chiến đấu có vũ trang nghe pháo bắn, tướng quân chi viện đang tấn công vào thị trấn, ngóc đầu dậy quậy phá. Tiểu đoàn tổ chức truy quét, tiêu trừ, diệt và bắt nhiều tên, thu một số súng.

Tối 26 tháng 2, Tiểu đoàn tổ chức họp dân để tuyên truyền chính sách của mặt trận và tổ chức thu mua lương thực, một số nhu yếu phẩm, sau đó cả hai tiểu đoàn di chuyển về vị trí tập kết.

Kết quả: Tiểu đoàn đã diệt một trung đội bảo an, đánh thiệt hại nặng hai đại đội bảo an đến phản kích, diệt một yếu khu cảnh sát, bắt năm tên tề ấp, thu một số súng và chiến lợi phẩm; hậu cần mua của dân tám tấn bột mì, trưng dụng một xe vận tải chở ra vùng Núi Chai cung cấp cho hai tiểu đoàn có lương thực để hoạt động.

Thượng tuần tháng 3 năm 1968 cả hai tiểu đoàn chuyển sang đánh địch ở trên đường 21 kéo dài.

Đêm 5 tháng 3 năm 1968 Tiểu đoàn 186 sử dụng đặc công diệt đồn Kim Phát do một trung đội bảo an đóng giữ. Cùng lúc một bộ phận Đại đội 1 Tiểu đoàn 186 phối hợp với đại đội địa phương Đức Trọng và đội vũ trang công tác đột áp Thanh Bình, một ấp công giáo di cư, cải trang lực lượng thanh niên chiến đấu, bắt tề để giáo dục và tổ chức mít tinh quần chúng tuyên truyền chủ trương chính sách của mặt trận. Sau đó để đại đội địa phương và đội công tác đứng lại tiếp tục hoạt động ở các khu trong ấp (Thanh Bình có 8 khu) để kéo viện chi khu đến giải tỏa.

Hai tiểu đoàn triển khai mặt trận phục kích đón địch từ Núi Chẻ bắc ấp Đa Me 400m đến cổng ấp Thanh Bình. Lực lượng chính ém ở dãy đồi lúp xúp phía nam

đường vận động qua cánh đồng trống hàng ki-lô-mét thả trống ấp Đa Me cho địch yên tâm.

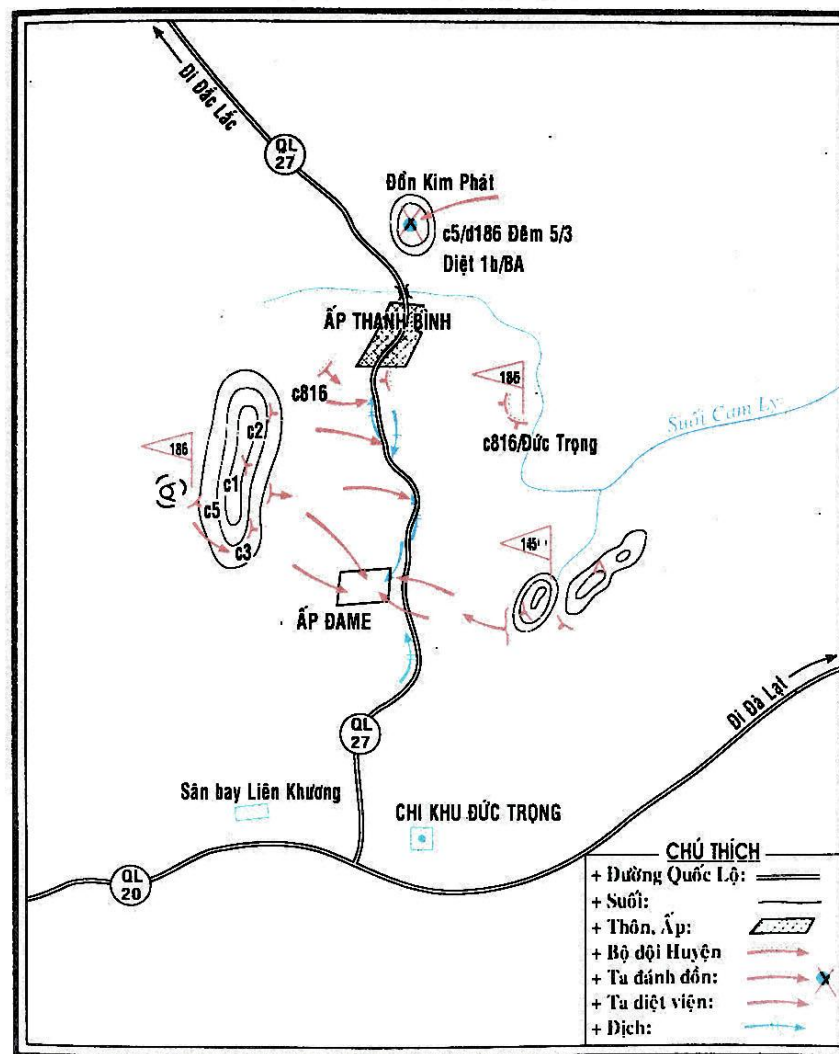
8 giờ ngày 6 tháng 3 năm 1968, sau các loạt pháo dọn đường, hai đại đội bảo an từ chi khu Đức Trọng kéo nhau đi giải tỏa sau khi bọn thám báo cải trang thường dân đi nắm tình hình ở Thanh Bình trở về báo tin. Địch cho lực lượng đi theo đường 21 kéo dài đến ấp Đa Me ⁽¹⁾ chúng rẽ vào nắm tình hình, sau đó tiếp tục hành quân đến Thanh Bình. Vừa đến đầu cổng gác, bộ phận chốt của ta đã nổ súng chặn lại, cối 82, 60 ly của ta bắn áp chế vào giữa đội hình địch, các bộ phận chính diện, đối diện vận động tiếp cận địch; nhưng phạm vi trận địa rộng, đất vừa cày ải rất gồ ghề nên tốc độ các bộ phận bị hạn chế, địch bị đánh bất ngờ hoảng hốt chạy thực mạng vào ấp Đa Me. Quân ta truy theo đến bìa ấp gặp hệ thống rào ấp khá vững chắc chặn lại. Chỉ huy trưởng trận đánh cho lực lượng 186 dừng lại triển khai đội hình đột phá vào ấp, nhưng thiếu hỏa khí nên đơn vị loay hoay chưa đột phá được. Chỉ huy trưởng cho đội dự bị (đại đội đặc công) bước vào chiến đấu. Được lệnh đội dự bị đưa bộc phá lên mở cửa mở.

Lúc này Tiểu đoàn 145 cơ động theo trục đường đánh thẳng vào cổng chính của ấp, đang giằng co quyết liệt với địch để mở rộng cửa cho lực lượng vào phát triển chiến đấu.

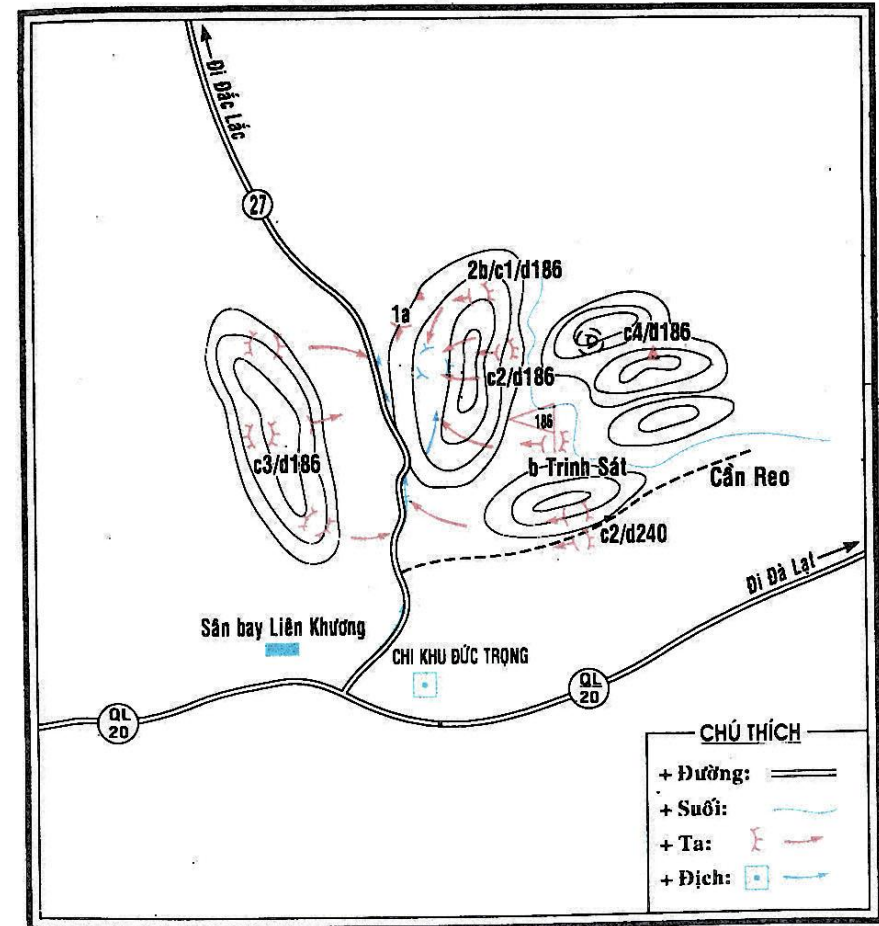
Trong lúc địch đang dồn sức đối phó ta ở hướng cổng chính, thì ở hướng tây nam ta đã mở được rào, lực

(1) Ấp Đa Me, một ấp chiến lược kiểu mẫu người dân tộc theo đạo Tin lành có 2 trung đội dân vệ ác ôn, cách ấp Thanh Bình 2 ki-lô-mét.

TRẬN CÔNG ĐỒN DIỆT VIỆN Ở BÌNH THẠNH - ĐÀME
CỦA TIỂU ĐOÀN 186 VÀ 145(-)
(Ngày 06 tháng 03 năm 1968)



TRẦN PHỤC KÍCH KẾT HỢP CHỐT CHẶN VÀ VẬN ĐỘNG
TẤN CÔNG ĐỊCH TRÊN QUỐC LỘ 27
CỦA TIỂU ĐOÀN 186
(Ngày 16 tháng 03 năm 1968)



lượng xung kích tràn vào đánh diệt từng ổ dễ kháng địch, có bộ phận đánh giáp lá cà với chúng. Địch dựa vào hầm hào công sự được cấu trúc sẵn để chống cự, quân ta một bộ phận phát triển theo chiến hào, một bộ phận vận động trên mặt đất phối hợp chia cắt địch để tiêu diệt. Cuộc chiến đấu diễn ra trong 3 giờ liền mới kết thúc. Địch đã cho pháo ở Đức Trọng và máy bay bắn phá ném bom vào ấp Đa Me, giết hại cả dân thường.

Kết quả: ta diệt gọn hai đại đội bảo an, hai trung đội dân vệ thu nhiều vũ khí. Trận đánh thực hiện được ý định kéo địch đến để tiêu diệt và còn tạo thời cơ tiến công ấp Đa Me (một ấp chiến lược kiểu mẫu có lực lượng dân vệ hung ác, có nhiều nợ máu với nhân dân).

Cũng tại ấp Thanh Bình, ấp Kim Phát vào ngày 16 tháng 3, trong vòng nửa tháng, Tiểu đoàn 186 lại tập kích diệt đồn cấp đại đội Kim Phát vừa mới xây dựng lại. Đồn đại đội bảo an đóng giữ để bảo vệ khu vực này. Lực lượng ta uy hiếp ấp Thanh Bình nhử dụ địch tiếp viện, đã diệt tiếp 4 đại đội bảo an gần bìa sân bay Liên Khương cách quận lỵ Đức Trọng 3 ki - lô - mét và diệt một tiểu đoàn biệt động quân số 11 cùng một đại đội trinh sát tại khu 8 ấp Thanh Bình.

Trong trận tiêu diệt tiểu đoàn biệt động quân ngày 4 tháng 4 năm 1968 ở khu 8 ấp Thanh Bình, Tiểu đoàn được tặng thưởng huân chương Quân công hạng ba lần thứ 3.

Ngày 14 tháng 4 năm 1968 Tiểu đoàn tấn công khu ấp chiến lược Khóut – một khu ấp nằm sâu trong vùng ta cách xã Phú Sơn trên đường 21 kéo dài ba ki-lô-mét về phía đông nam do hai trung đội đóng giữ. Với nhiều lớp

rào vững chắc. Sau 20 phút chiến đấu Tiểu đoàn đã đánh tan lực lượng dân vệ và bộ máy kèm, tổ chức trụ lại trong ấp và các cao điểm xung quanh đón đánh địch giải tỏa.

Trong ba ngày liên lực lượng đến phản kích giải tỏa bị đánh thiệt hại nặng, đến ngày thứ tư, địch cho máy bay đến ném bom hủy diệt khu ấp.

Kết quả: Ta đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn cộng hòa, hai đại đội bảo an và đánh tan cả hai trung đội dân vệ.

Bước vào hoạt động hè, Quân khu ra lệnh cho Tiểu đoàn tiếp tục tấn công và Đà Lạt bắt đầu từ ngày 5 tháng 5 năm 1968.

Lần này Tiểu đoàn đánh sân bay Cam Ly phá hủy một L19, một C47, đốt cháy một bãi xe quân sự hàng mấy chục chiếc; sau đó phát triển về hướng đường Trần Bình Trọng liên lạc với Tiểu đoàn 810 tấn công từ xóm Kim Thạch vào. Đến khu vực này địch tung cả liên đoàn biệt động quân cùng một tiểu đoàn Cộng Hòa ra phản kích dưới sự yểm trợ của máy bay và hai cụm pháo ở Võ Bị và Tân Lạc. Lực lượng ta chuyển sang lâm thời phòng ngự, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, gây thương vong nặng nề cho chúng.

Sau hai ngày đánh trả địch, tối ngày 7 tháng 5 năm 1968 theo mệnh lệnh của Bộ chỉ huy tiền phương, lực lượng ta lui ra đứng ở bắc sân bay Cam Ly một ki-lô-mét.

Địch cho tiểu đoàn biệt động quân nóng ra thăm dò gặp đại đội 1, Tiểu đoàn 810 đánh chặn⁽¹⁾. Tại sở chỉ

(1) Sau khi rút ra ở sân bay Cam Ly, mỗi tiểu đoàn để một đại đội chốt giữ khu vực này, lực lượng còn lại di vận chuyển lương thực. Tiểu đoàn trưởng 186 đã tổ chức đại đội khảo sát địa hình và bàn kế hoạch đánh địch nóng ra cho từng đại đội.

huy, đồng chí tiểu đoàn trưởng 186 và đồng chí chính trị viên Tỉnh đội thống nhất phương án đánh địch là:

Đại đội 1 Tiểu đoàn 810 giữ chân địch tại chỗ; Đại đội 3 Tiểu đoàn 186 vu hồi đánh vào sườn bên phải và phía sau quân địch, chặn đường rút của chúng.

Phân công đồng chí tham mưu phó tỉnh đội Tuyên Đức xuống chỉ huy Đại đội 2 Tiểu đoàn 240 vận động tấn công vào sườn trái quân địch.

Đại đội biệt động 860 thị xã Đà Lạt lên chiếm cao điểm 1.600 mét dùng hỏa lực khống chế đường rút lui của địch.

Sau nhiều lần xung phong không thành công và bị tổn thất, quân địch phải lùi lại phía sau. Nắm được tình hình Sở Chỉ huy hạ lệnh cho Đại đội 1 Tiểu đoàn 810 xuất kích đánh mạnh vào chính diện quân địch, phối hợp với các đại đội bạn phối hợp vây tiêu diệt chúng. Trước thế tấn công từ ba mặt, quân địch núng thế, cụm lại chống cự và gọi máy bay chi viện. Từng tổ trực thăng vũ trang đến quần lượn và cố phân tuyến các lực lượng ra để dùng hỏa lực sát thương. Các đại đội bám sát địch dùng thủ đoạn đánh gần tiêu diệt chúng, không để địch có thời cơ giãn xa lực lượng và tổ chức từng tổ bắn trực thăng. Sau gần hai giờ chiến đấu quyết liệt, quân ta đã diệt gần hết tiểu đoàn biệt động quân số 23.

Trận đánh được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng huân chương Quân công hạng ba.

Cuối tháng 5 năm 1968 địch tăng cường đến Đà Lạt một tiểu đoàn cộng hòa và một bộ phận của lữ đoàn 173 Mỹ. Tại sân bay Cam Ly thường có một phi đội trực thăng vũ trang trực chiến.

Tháng 6 năm 1968 địch nổ ra cần quét đánh phá vùng ven, vùng nông thôn và đường 21 kéo dài. Quân khu triệu tập cán bộ lãnh đạo, chỉ huy về họp để triển khai nhiệm vụ cho đợt hoạt động mới. Các đơn vị của ta vừa chống địch cần quét, vừa đi mang tải vũ khí đạn dược và lương thực.

Chuẩn bị cho cuộc tấn công trong mùa thu, tiểu đoàn 186 được Quân khu giao cho nhiệm vụ phối hợp với Tiểu đoàn 145 và lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Lâm Đồng đánh chi khu, quận lỵ Di Linh.

Tiểu đoàn tổ chức một đoàn đi tiền trạm lo chuẩn bị chiến trường, đại bộ phận hành quân tiếp theo. Do thiếu lương thực nên Tiểu đoàn chỉ chuẩn bị được cho đơn vị mỗi người hai ngày lương thực. Đoàn tiền trạm đến bờ đông Đạ Dung đối diện ấp Bà Trộ thì gặp phái viên của Lâm Đồng thông báo: quân Mỹ đang càn ở đường 8 bắc Di Linh, lực lượng tiền phương của Quân khu và Lâm Đồng chưa đến được nơi quy định, Tiểu đoàn tạm dừng lại ở Tuyên Đức. Tiểu đoàn quay về Kon-pang căn cứ của Tuyên Đức. Ngày thứ hai địch chuyển phi pháo và một phần lực lượng qua cần quét phía Tuyên Đức. Do không còn lương thực nên Tiểu đoàn chỉ tổ chức trinh sát bám theo dõi tình hình địch và cho chuyển đơn vị về tây Phú Mỹ dựa vào vườn mít của dân bị địch dồn xuống Phú Sơn, để tạm giải quyết cái ăn cho bộ đội, hàng ngày bộ đội ăn mít thay cơm và để giành hạt mít làm lương khô khi hành quân.

Đến ngày thứ tư quân Mỹ chuyển hết từ đường 8 Lâm Đồng qua Tuyên Đức.

Lúc này tiểu đoàn cắt đường hành quân qua Lâm Đồng với tình hình hết sức khó khăn về lương thực. Mỗi ngày hành quân, mỗi người chỉ được phát 16 hạt mít, vừa đi vừa lấy măng ăn thay cơm. Khi gặp bộ phận hậu cần nuôi thương binh của tỉnh Tuyên Đức thì bộ phận này cho mỗi người một lon bắp rang.

Đến vị trí quy định, được Bộ Tư lệnh tiền phương giao nhiệm vụ:

Tiểu đoàn 186 phối hợp với lực lượng đặc công tỉnh Lâm Đồng đánh khu công binh Mỹ và chi khu Di Linh ⁽¹⁾

Tiểu đoàn 145 đánh trận địa pháo.

Lực lượng Tỉnh và địa phương đánh quận lỵ.

Đánh xong trụ lại đánh phản kích hỗ trợ quân chúng phá kim giành quyền làm chủ.

Theo thời gian chung phối hợp chiến trường, nên tuy chưa chuẩn bị xong, đêm 28 tháng 8 năm 1968 cả hai tiểu đoàn phải triển khai trận đánh.

Tiểu đoàn 186 đánh chiếm được chi khu Di Linh, lực lượng đặc công đánh chiếm ba phần tư, khu công binh Mỹ ở đồi Patx-tơ, diệt gần hết chi đội xe M113, còn một chiếc chạy thoát ra ngoài và dùng súng máy trên xe chặn đường tiến công của ta.

(1) Chi khu Di Linh là một chi khu lớn, từ thời chống Pháp nơi đây là tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng, đến khi thành lập tỉnh Lâm Đồng, tỉnh lỵ chuyển về B'Lao. Tại chi khu có một đại đội bảo an và hai trung đội dân vệ đóng giữ. Cách chi khu 250m là khu hành chính quận; phía đông nam cách 300m là khu Pát-xơ do lực lượng công binh Mỹ đóng có 1 chi đội M113, phía tây nam khoảng 300m là trận địa pháo 105, 155 ly có một trung đội dân vệ bảo vệ.

Tiểu đoàn 145 đánh chiếm được hai phần ba trận địa pháo nhưng địch vẫn tổ chức chống cự. Lực lượng địa phương bị địch ngăn chặn ở phía nam khu hành chính không phát triển lên được nhà lầu, nên hỏa lực trên lầu cùng với xe 113 khống chế hướng phát triển của ta. Cuộc chiến đấu giằng co kéo dài đến sáng, theo lệnh của Sở chỉ huy tiền phương và tỉnh Lâm Đồng, cho chuyển thương binh, tử sĩ và lui ra ngoài.

Tuy trận đánh chưa dứt điểm và làm chủ trận địa, nhưng ta cũng đã diệt gần 340 tên địch (cả ngụy lẫn Mỹ) đánh hỏng 4 pháo 105 và 155 ly, phá hủy hai xe M113, và chín xe quân sự. Địch phải điều hai tiểu đoàn cộng hòa ở Tuyên Đức đến và tới ba ngày sau mới ổn định được tình hình trong khu vực.

Sau trận này, Tiểu đoàn được lệnh của Quân khu đưa cả thương binh chuyển về K67 để củng cố.

Tháng 10 năm 1968, Tiểu đoàn về đứng chân ở Đơn Dương, và báo cáo tình hình với Bộ chỉ huy tiền phương. Theo đề nghị của huyện Đơn Dương và sự chỉ đạo của tiền phương, Tiểu đoàn nghiên cứu diệt đồn Quảng Hiệp, một đồn địch mới xây dựng ở vùng giải phóng của ta, do một đại đội tăng cường đóng giữ, thường xuyên uy hiếp vào căn cứ của huyện và uy hiếp hàng lang từ Tuyên Đức về Khu 6 ở địa bàn huyện Đơn Dương. Sau một thời gian chuẩn bị, hạ tuần tháng 10 năm 1968 Tiểu đoàn tổ chức tập kích đồn Quảng Hiệp. Sau 1 giờ 30 phút mở cửa và đánh tung thâm, Tiểu đoàn đã làm chủ đồn, diệt gọn một đại đội bảo an, một trung đội thám kích, thu toàn bộ vũ khí, trang dụng và sang bằng đồn này. Trong trận này ta hy sinh ba (có một trung đội trưởng), bị thương năm đồng chí.

Phản ứng khi đồn Quảng Hiệp bị diệt, đầu tháng 11 năm 1968 Mỹ đổ một chiến đoàn, thiết lập hai trận địa pháo đánh vào căn cứ huyện Đơn Dương. Tiểu đoàn tổ chức bám đánh gây thiệt hại nặng một cánh quân Mỹ càn từ đông nam ấp Ka Đô vào phía bắc căn cứ.

Do không còn lương thực và có ba thương binh nên ngày thứ ba tiểu đoàn rút xuống hướng Lung Bá kiếm măng rừng cho đơn vị ăn. Ngày thứ tư đơn vị đến Ma Nhông. Chỉ huy tiểu đoàn đã đến gặp đồng chí bí thư huyện ủy Đơn Dương nhờ địa phương giúp đỡ đơn vị giải quyết khó khăn về lương thực.

Lúc này quân Mỹ đã rút, theo chỉ đạo của tiền phương, Tiểu đoàn tổ chức học tập chính trị và chuẩn bị hành quân về Bình Thuận vào hạ tuần tháng 12 năm 1968 theo mệnh lệnh của Tư lệnh Quân khu.

*

* *

Trong suốt ba năm hoạt động và chiến đấu trên chiến trường Lâm Đồng - Tuyên Đức, được sự giúp đỡ về mọi mặt cả về tinh thần và vật chất cho đơn vị của các địa phương, nhưng do hoàn cảnh đặc thù của chiến trường, nên thường gặp không ít khó khăn nhất là về mặt lương thực, nhiều lần sau một trận đánh là đơn vị không còn lương thực, thực phẩm, nhưng với truyền thống chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tự lực tự cường, cán bộ chiến sỹ phải ăn rau, ăn mít, ăn lá rừng thay cơm để tiếp tục chiến đấu và công tác.

Vượt qua mọi khó khăn Tiểu đoàn đã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của Quân khu giao cho là: đánh cắt quốc

lộ 20 ở Lâm Đồng, giải phóng K67 và trong đội hình “tiến công và nổi dậy” năm 1968 ở Đà Lạt – Tuyên Đức; Tiểu đoàn đã góp phần cùng Quân khu và toàn miền đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và thay đổi chiến lược chiến tranh mới.

IV. THAM GIA LÀM PHÁ SẴN CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BÌNH THUẬN VÀ BÌNH TUY

(từ đầu năm 1969 đến tháng 5 năm 1974).

1. Phối hợp với Tiểu đoàn 840, 240 và các lực lượng vũ trang địa phương đánh phá kế hoạch “bình định đặc biệt” và “bình định cấp tốc” của địch.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam trong Tết Mậu Thân 1968 và tiếp sau đó đã làm chấn động dư luận thế giới và nước Mỹ, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, đòi rút quân Mỹ về nước bùng lên mạnh mẽ trong lòng nước Mỹ, giới cầm quyền Mỹ bị phân hóa sâu sắc và mâu thuẫn gay gắt về cách giải quyết vấn đề Việt Nam. Trong nội bộ nước Mỹ vốn đã phức tạp nay lại còn phức tạp hơn. Tình hình đó buộc tổng thống Giôn-xơn phải rút lui khỏi nhà trắng. Ních-xơn lên thay làm tổng thống, nhưng vẫn ngoan cố tiếp tục mục tiêu chiến lược “*Duy trì sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, giữ vững vị trí của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á*”, nhưng trước sự thúc ép của chiến lược toàn cầu của Mỹ và sự lên án mạnh mẽ của dư luận thế giới cũng như nước Mỹ, Ních-xơn buộc

phải tuyên bố rút dần quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” con đẻ của học thuyết Ních-xơn bắt nguồn và ra đời từ đó.

Để thực thi học thuyết, chúng huy động tối đa sức mạnh quân sự “*trừ vũ khí hạt nhân*” cùng với những thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt, thực hành cùng một lúc trên quy mô lớn với mức độ quyết liệt ba biện pháp chiến lược.

– Chiến tranh giành dân: Bằng bình định cấp tốc.

– Chiến tranh hủy diệt: Bằng bom đạn, chất độc hóa học nhằm hủy diệt và ngăn chặn mọi nguồn lực đối với cách mạng miền Nam.

– Chiến tranh bóp nghẹt: Nhằm bao vây cô lập cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta, cả ba biện pháp chiến lược này đều nhằm mục tiêu là mất chỗ dựa, mất nguồn lực của chiến tranh nhân dân. Đẩy lùi cuộc chiến tranh về trạng thái “*du kích đơn thuần*” và “*tàn lụi dần*” và Mỹ sẽ rút được đội quân viễn chinh về nước mà vẫn giành thắng lợi quân sự. Đó chính là ảo tưởng mà Ních-xơn và Lầu năm góc đã tính toán kỹ. Vì vậy mà Mỹ chơi hết mình với những binh khí, kỹ thuật mà Mỹ có trong tay ở chiến trường miền Nam, điều đó cũng làm cho quân nguy yên lòng, tin tưởng vào chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ.

Đối với các lực lượng vũ trang Quân khu nói chung và Tiểu đoàn 186 nói riêng, sau những hoạt động liên tục từ Mậu Thân năm 1968, tình hình quân số, trang bị vật chất bị tiêu hao khá lớn. Lúc này ở nông thôn, đồng bằng địch đang ra sức thực thi các kế hoạch bình định, đang gây cho ta không ít khó khăn. Tiểu đoàn nhận nhiệm vụ

trở về hoạt động trên chiến trường đồng bằng tỉnh Bình Thuận trong bối cảnh đó.

Để thực hiện nhiệm vụ trên giao, điểm đứng chân của Tiểu đoàn là căn cứ khu Lê Hồng Phong, một địa danh nổi tiếng của chiến trường cực Nam Trung Bộ trong hai cuộc kháng chiến, nó được khái quát trong hai câu ca dao mà kẻ địch lưu truyền ở Bình Thuận:

"Khu Lê đi dễ khó về

Quân đi mất mạng, quan về mất lon".

Đầu tháng 1 năm 1969 tiểu đoàn về đến chiến trường Bình Thuận một mặt tiến hành chuẩn mọi công tác chuẩn bị để qua địa bàn Khu Lê Hồng Phong, mặt khác triển khai ngay công tác chuẩn bị chiến trường để đánh địch, mà đối tượng địch trước hết cần phải diệt là bọn biệt kích Lương Sơn.

Bọn biệt kích Lương Sơn có căn cứ đóng tại xã Lương Sơn thuộc huyện Hòa Đa trên quốc lộ 1, cách thị xã Phan Thiết 40 ki-lô-mét về phía bắc. Đây là trại biệt kích nguy có lực lượng tương đương một tiểu đoàn do những tên cố vấn Mỹ vốn là những tên biệt kích mũ nổi xanh khét tiếng tàn ác huấn luyện, chỉ huy và điều hành trại này. Bọn biệt kích ở đây phần đông là người thiểu số và một số người Kinh gốc Bình Thuận có hận thù với cách mạng và có nhiều nợ máu với nhân dân, bọn chúng khét tiếng là ác ôn trong vùng. Ngoài việc chúng cùng với bọn bảo an, dân vệ và bọn tề ấp thực hành các kế hoạch bình định, kìm kẹp nhân dân trong áp chiến lược ven trục lộ số 1 phía bắc thị xã Phan Thiết. Nhiệm vụ và đối tượng chủ yếu của chúng là đánh phá căn cứ cách mạng Lê Hồng Phong ở ngay sát nách của chúng, ở vùng này lâu

nay đối với chúng là gần như "bất khả". Việc đánh đòn phủ đầu và tiêu diệt bọn biệt kích này vừa là nhiệm vụ chính trị và kinh tế rất quan trọng đối với Tiểu đoàn.

Trận địa phục kích được chọn là phía bắc cầu Bằng Lăng đến ngã ba cây Táo trên quốc lộ số 1 thuộc xã Hồng Liêm cách thị xã Phan Thiết về phía Bắc trên 30 ki-lô-mét. Hình thức chiến thuật là chốt chặn kết hợp với vận động tấn công, lực lượng tham gia trận đánh ngoài Tiểu đoàn 186 ra còn có đại đội 3 Tiểu đoàn 240 vừa mới được tăng cường cho tiểu đoàn và một tiểu đội du kích xã Hồng Liêm 10 đồng chí.

Đêm 8 rạng ngày 9 tháng 1 năm 1969 tiểu đội du kích xã Hồng Liêm đắp ụ chắn trên quốc lộ số 1 tại ngã ba Cây Táo và chốt giữ ở đây không cho xe cộ qua lại làm ách tắc giao thông nhằm buộc địch phải đi giải tỏa. Đại đội 3 Tiểu đoàn 240 chốt chặn địch cách cầu Bằng Lăng 70 mét về phía bắc có nhiệm vụ chặn đánh và diệt bọn địch tại chỗ đi giải tỏa từ đồn Tà Nung lên nhằm buộc cho được bọn kiệt kích Lương Sơn phải vào giải tỏa. Toàn bộ lực lượng Tiểu đoàn phục kích cách đường từ 800-1000 mét cả hai hướng đông và tây đường để khi vận động tấn công tạo thành thế bao vây không cho kẻ địch chạy thoát. Đây là hình thức chiến thuật mang tính sở trường của Tiểu đoàn 186.

Đúng 8 giờ ngày 9 tháng 1 năm 1969 đại đội Bảo An ở đồn Tà Nung cách chốt trận địa phục kích của ta chưa đầy ba ki-lô-mét xuất phát đi giải tỏa, được pháo ở chi khu Thiện Giáo hỗ trợ, chúng mò mẫm cho đến 9 giờ 30 phút mới chạm súng với chốt Đại đội 3 và kết cục cũng phải rút chạy bỏ xác lại trận địa. Chúng bám lại nam cầu Bằng Lăng xin lực lượng cứu viện tiểu khu Bình Thuận

dùng pháo chi viện và ra lệnh cho bọn này tấn công nhờ chốt của ta đưa xác của đồng bọn về phía sau và mở thông đường, nhưng bọn này chỉ nằm chờ và án binh bất động. Đến nước này buộc tiểu khu Bình Thuận phải lệnh cho bọn biệt kích Lương Sơn đưa hai đại đội đến giải tỏa và mở đường.

Cho mãi đến 15 giờ trong ngày bọn biệt kích Lương Sơn cũng dò dẫm đến được khu vực trận địa gần ụ đất chắn đường của du kích Hồng Liêm, chúng triển khai lực lượng và tổ chức hiệp đồng với đại đội bảo an ở đầu phía nam trận địa để tổ chức đánh vào trận địa ta, đến 15 giờ 30 phút bọn bảo an bắt đầu nổ súng vào chốt Đại đội 3, anh em đánh trả quyết liệt chặn đứng chúng lại trước chốt. Vốn tính hung hăng và háo thắng, khi nghe súng nổ bọn biệt kích Lương Sơn cho một đại đội đi đầu tràn lên, nhưng không ngờ lại lọt vào chính diện của trận địa ta. Từ hai hướng bất thần quân ta ào ạt tấn công và tạo thành thế bao vây cả ba mặt, cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt gần một giờ đồng hồ, đại đội đi đầu bị tiêu diệt, đại đội đi sau bị đánh thiệt hại nặng, số địch sống sót chạy thực mạng về hướng Lương Sơn, quân ta truy kích đuổi theo đến gần Núi Ách cách trận địa hai ki-lô-mét.

Kết quả: Ta diệt một đại đội đánh thiệt hại nặng đại đội còn lại diệt trên 100 tên, làm chủ đận địa, thu vũ khí quân trang quân dụng. Ta hy sinh hai đồng chí và bị thương ba đồng chí. Trận đầu ở đồng bằng ra quân thắng lợi gây niềm tin đối với địa phương và tạo khí thế cho tiểu đoàn, còn đối với kẻ địch vốn lâu nay hung hăng qua trận này chúng kinh hoàng, số còn sống sót chạy về, theo bà con kể lại chúng rất khiếp sợ, chúng kháo nhau “không hiểu lực lượng nào? Và từ đâu đến mà chúng đánh ác và cao bồi dữ vậy”.

Sau trận này Tiểu đoàn rút về và đứng chân ở dốc Lá tổ chức rút kinh nghiệm trận đánh và tiến hành công tác chuẩn bị mọi mặt cho việc hành quân di chuyển sang địa bàn khu Lê Hồng Phong. Về công tác tổ chức các bộ lúc bấy giờ cũng có điều chỉnh của Quân khu. Đồng chí Nguyễn Thông - Tiểu đoàn trưởng được điều về công tác ở tỉnh Tuyên Đức, đưa đồng chí Phạm Ty - Tiểu đoàn phó lên làm tiểu đoàn trưởng. Điều đồng chí Trương Văn Ngộ - nguyên tiểu đoàn phó chính trị tiểu đoàn 810 Tuyên Đức về thay đồng chí Trần Văn Nguyễn chính trị viên Tiểu đoàn về làm Trưởng ban Tuyên huấn Quân khu. Công tác chuẩn bị về mọi mặt cho Tiểu đoàn đang được khẩn trương tiến hành, nhất là công tác chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ yên tâm, bám trụ lâu dài ở một căn cứ đồng bằng ven biển trống trải mà bao bọc xung quanh đều là đồn bốt địch, nằm trong tọa độ pháo và cả cối của địch là một yêu cầu rất cao của việc củng cố, xây dựng đơn vị.

Khu căn cứ cách mạng Lê Hồng Phong được hình thành từ những năm 1950 của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với diện tích khoảng 25.000 ha gồm 12 xã với số dân khoảng 17.000 người, cuộc chiến giành dân, giữ dân, giành đất, giữ đất diễn ra quyết liệt hàng chục năm liền giữa địch và ta, đến nay căn cứ Khu Lê Hồng Phong chỉ còn lại vài ngàn dân với các xã: Hồng Liêm, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh và Hồng Sơn ở phía nam Hồng Lâm, Hồng Chính và Hồng Thắng ở phía bắc. Thiên nhiên cấu tạo cho vùng cát này cái thế đặc biệt với những trảng cát trống, rộng và dài đến mướt mắt, xen lẫn với những mảng rừng thưa, thấp nối với những cánh rừng ô-rô chằng chịt, dày kín đan xen nhau như những lũy thép, xe tăng địch đụng đầu vào đây cũng

phải dừng bước, chất độc hóa học phun xuống cũng chỉ là cho lá cây héo rũ và năm ba ngày sau thì chồi non nhú lên và cây lại tiếp tục đâm chồi phát triển. Còn với con người nếu không phải là dân bản địa đi lạc vào đây khó mà tìm được lối ra. Trong thời kỳ chiến tranh đặc biệt đã có lần du kích tuần tra trong rừng ô-rô bắt gặp xác những tên thám báo nguy chết khô bên gốc ô-rô. Khi bọn Mỹ nhảy vào chúng ý vào phương tiện chiến tranh hiện đại xua quân càn quét vào rừng ô-rô, cuối cùng không tìm được lối ra đành gọi trực thăng đến xóc đi tại chỗ.

Giữa một vùng mênh mông trắng cát này thiên nhiên chỉ ban cho Khu Lê Hồng Phong nguồn nước ngọt chủ yếu ở hai bầu: Bầu Trắng ở phía bắc và Bầu Thiêu ở phía nam. Cuộc hành quân về khu Lê Hồng Phong của Tiểu đoàn là một chuyến vận tải đầy ắp những hành trang khá nặng nề cho cuộc sống và chiến đấu của người lính trên vùng cát, ngoài súng đạn, thuốc men, lương thực, thực phẩm mỗi cán bộ chiến sỹ còn phải vác những bó tre nứa đã được chặt vế, chẻ chuốt cẩn thận theo kích cỡ để làm vật che chắn cho mọi loại công sự ở vùng cát.

Về đến địa bàn Khu Lê Hồng Phong ngày 8 tháng 2 năm 1969, một mặt Tiểu đoàn bắt tay vào việc chuẩn bị căn cứ cho khu vực đóng quân, mặt khác đi nghiên cứu địa hình, địch tình và dân cư trong vùng và triển khai ngay công tác đi chuẩn bị chiến trường. Đến ngày 12 tháng 2 năm 1969 Tiểu đoàn phối hợp với Tiểu đoàn 840 và lực lượng địa phương huyện Thuận Phong tập kích địch ở bót động - Bà Hòe, chốt chặn địch ở đầu ấp Tuy Hòa và bố trí trận địa đánh viện của địch từ Phú Long, Phan Thiết đến đoạn quốc lộ số 1 cách thị xã Phan Thiết về phía bắc chín ki-lô-mét. Kết quả ta đánh thiệt hại

nặng hai đại đội bảo an từ Phú Long đến tiếp viện và diệt đại đội Mỹ đổ quân thẳng đứng ngay trước tiền duyên của chốt ở đầu ấp Tuy Hòa do Đại đội 1 của Tiểu đoàn 186 đảm nhận. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra khá quyết liệt từ 08 giờ sáng cho đến 6 giờ chiều. Bọn Mỹ dùng trực thăng đổ từng đợt quân ngay trước trận địa kết hợp với phi pháo và xe tăng phản kích hồng hỏ chốt của ta, khói, lửa và cát bụi phủ kín cả một vùng. Nhưng chiến sỹ Đại đội 1 bám trụ kiên cường, đánh trả quyết liệt và giữ vững trận địa chốt. Trong trận chiến đấu này đặc biệt nổi lên vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ đại đội, trung đội, các đồng chí kiên cường dũng cảm bám chắc chiến sỹ, chỉ huy linh hoạt từng tổ chiến đấu, từng khẩu đội hỏa lực nên hiệu quả diệt địch chính xác. Tiêu biểu cho những tấm gương đó là đồng chí Huỳnh Tân Nê đại đội phó trong quá trình diễn biến chiến đấu đồng chí luôn có mặt ở những điểm quyết chiến và tự mình sử dụng tất cả các loại hỏa lực của đại đội để diệt địch và đồng chí đã anh dũng hy sinh ngay trên trận địa chốt. Suốt một ngày chiến đấu đại đội đã thương vong gần hết những lũy thép ở đầu ấp Tuy Hòa vẫn vững vàng và hiên ngang chống trả quân địch và buộc địch chỉ còn con đường là cố sống, cố chết nhặt xác đồng bọn và rút chạy về Phan Thiết.

Kết quả: Trận đánh ta diệt hơn 300 tên địch trong đó có hàng chục tên Mỹ, bắn rơi sáu máy bay trực thăng, bắn cháy hai xe tăng M41. Sau trận đánh này nhiều cán bộ chiến sỹ Đại đội 1 được tặng thưởng huân chương chiến công các loại.

Kết thúc trận đánh tiểu đoàn tập trung về căn cứ rút kinh nghiệm và chuẩn bị ăn tết, cái tết đầu tiên ở đồng bằng mang hương vị màu sắc quê hương. Những

món quà tình nghĩa từ khắp nơi trong Tỉnh gửi đến, đặc biệt là những hộp cơm nếp sản phẩm truyền thống của quê hương Bình Thuận rất có ý nghĩa đối với Tiểu đoàn, bởi vì tiểu đoàn 186 rất đông cán bộ chiến sỹ nhất là các chiến sỹ gái là con em của Bình Thuận.

Sau Tết ta tiến hành hoạt động mạnh ở phía nam Bình Thuận cùng với các đơn vị bạn và lực lượng địa phương hoạt động mạnh ở khu vực Bình Lâm và kéo quân nguy từ sông Mao vào để tiêu diệt. Tiểu đoàn 186 phối hợp với tiểu đoàn 240 bố trí trận địa phục kích ở khu vực Bàu Sen, Núi Ách trên quốc lộ số 1 cách thị xã Phan Thiết về phía bắc 30 ki-lô-mét để đánh viện binh địch từ sông Mao vào, đây là trận phục kích kiên nhẫn, bền bỉ, đầy tự tin và gan dạ nhất của Tiểu đoàn từ trước đến nay, bởi vì năm chờ địch ngay trên quốc lộ số 1 đã đến ngày thứ tư, nhưng điều gì đến nó cũng đã đến, chiều ngày 22 tháng 2 năm 1969 địch điều tiểu đoàn 22 trung đoàn 44 và một chi đoàn thiết kỵ bốn phần tám từ sông Mao vào ứng viện cho Bình Lâm và cuộc chiến đấu quyết liệt mới diễn ra trong khu vực Bàu Sen, Núi Ách. Đúng như kế hoạch tác chiến dự kiến: Khi địch lọt vào trận địa phục kích, bộ phận chặn đầu đã chặn đứng địch, các bộ phận khác xung phong dũng mãnh, kết hợp giữa bao vây và chia cắt địch ra từng mảng, tách bộ binh với thiết kỵ và diệt gọn từng tốp địch, hết tốp này đến tốp khác.

Kết quả: ta đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 22 sư đoàn 44 và chi đội thiết kỵ 4/8 nguy. Địch chết và bị thương khoảng 400 tên, bắn cháy và hỏng 33 xe quân sự, trong đó có năm xe tăng, bắn cháy hai máy bay trực thăng.

Trận này Tiểu đoàn 186 được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng huân chương quân công hạng ba. Đây là huân chương quân công thứ 5 tiểu đoàn được tặng thưởng.

Cũng trên quốc lộ 1 để mở đầu cho hoạt động hè năm 1969 tiểu đoàn tiếp tục chuẩn bị cho trận đánh phục kích vận động ở khu vực Núi Ách. Bằng hình thức vây ép, bắn tỉa bọn địch ở đồn Bàu Ốc buộc địch phải đi giải tỏa và đúng như dự kiến của ta ngày 14 tháng 4 năm 1969 địch từ yếu khu sông Lũy vào giải tỏa cho Bàu Ốc lọt vào trận địa phục kích của ta, đoàn xe địch đã bị hỏa lực và bộ binh ta chặn đứng, lập tức lực lượng chủ yếu vận động tấn công thọc sâu chia cắt không cho địch có thời gian co cụm, các mũi bao vây địch trong khu vực dự kiến để tiêu diệt địch. Sau hơn 1 giờ chiến đấu quyết liệt ta phá hủy 30 xe quân sự có 3 xe tăng M41 và 8 xe bọc thép M113, bắn rơi một trực thăng, loại khỏi vòng chiến đấu 200 tên địch. Trong trận này Tiểu đoàn bị tổn thất khá nặng tám đồng chí hy sinh, 10 đồng chí bị thương.

Phát huy thắng lợi mở màn hè 1969, ngày 16 tháng 5 năm 1969 Tiểu đoàn sử dụng Đại đội 4 trợ chiến dùng hỏa lực ĐKZ75 và cối 82 tập kích vào căn cứ Sông Mao và bố trí trận địa đánh quân địch giải tỏa ở khu vực Trường Bĩa sát hậu cứ sông Mao.

Kết quả: ta đánh thiệt hại nặng đại đội 3 tiểu đoàn 2 trung đoàn 44 nguy nổ ra giải tỏa, thực hiện ý đồ chỉ đạo của Quân khu là phải đánh vào sào huyệt của bọn biệt kích Lương Sơn nhằm tiêu diệt chỗ dựa của địch trong kế hoạch bình định ở vùng này. Sau trận ta diệt 2 đội biệt kích Lương Sơn ở Bằng Lăng và ngã ba Cây Táo xã Hồng Liêm địch tăng cường cho trại biệt kích Lương

Sơn một chi đoàn thiết vận xa nhằm tăng cường sức cơ động trên quốc lộ 1 giữa thị xã Phan Thiết và bắc Bình Thuận.

Đêm 6 tháng 7 năm 1969 tiểu đoàn 186 phối hợp với tiểu đoàn 840 dùng đặc công phối hợp với bộ binh tập kích căn cứ Lương Sơn. *Kết quả:* sau 35 phút chiến đấu ta đánh thiệt hại nặng căn cứ này, diệt 350 tên (có 30 tên Mỹ), phá hủy 12 xe bọc thép (có 4 xe tăng M41), một pháo 105 ly và bắn rơi 1 trực thăng.

Tiếp tục đà tiến công đêm ngày 11 tháng 8 năm 1969 Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn phối hợp với đặc công tiểu đoàn 840 và đặc công tỉnh Bình Thuận tập kích vào cứ điểm Sông Mao lần ba gây thiệt hại nặng cho ba đại đội và sở chỉ huy trung đoàn 44 ngụy, diệt và làm bị thương 450 tên địch, đánh sập sáu lô cốt, ba hầm ngầm, phá hai pháo 105 ly, đánh hỏng nặng 3 xe quân sự, ta hy sinh ba đồng chí, bị thương sáu đồng chí và mất ba khẩu súng AK.

Tiếp đến ngày 15 tháng 8 năm 1969 Tiểu đoàn phối hợp với tiểu đoàn 240 tiến hành vây ép đồn Bàu Ốc, nhằm kéo viện địch từ Sông Mao đến giải tỏa, đồng thời bố trí trận địa phục kích trên quốc lộ 1 đoạn từ giữa Bàu Ốc và Sông Lũy. Đúng như dự kiến, ngày 16 tháng 8 năm 1969 địch từ Sông Mao vào tiếp viện đã lọt vào trận địa phục kích của ta. *Kết quả:* ta đánh thiệt hại nặng hai đại đội biệt kích và chi đoàn xe bọc thép hai phần tám, diệt 100 tên, phá hủy 11 xe bọc thép (trong đó có 4 xe tăng M41).

Ngày 21 tháng 8 năm 1969 tiểu đoàn sử dụng Đại đội 5 đặc công phối hợp với đặc công Tiểu đoàn 840 và đặc công

tỉnh Bình Thuận đánh bồi vào cứ điểm Sông Mao lần thứ tư gây thiệt hại nặng cho hai đại đội và trận địa pháo diệt 150 tên địch.

Giữa lúc đợt tiến công hè 1969 ở Bình Thuận đang liên tục phát triển, thì ngày 3 tháng 9 được tin “Bác Hồ đã qua đời”. Ngay sau đó Đảng ủy và Ban chỉ huy Tiểu đoàn tổ chức buổi lễ trọng thể để tang Bác Hồ dưới chân Núi Lát, mọi người đều thề hứa với Bác là quyết đem lá cờ bách chiến bách thắng của Bác đến đích và sẽ trọn đời đi theo con đường mà Bác và Đảng đã vạch ra.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng, biến đau thương thành hành động cách mạng, đêm 6 tháng 9 năm 1969 Tiểu đoàn tập kích diệt yếu khu Sông Lũy, thu toàn bộ vũ khí và triển khai lực lượng phối hợp hỗ trợ cho các đội mũi công tác đánh phá kế hoạch “Bình định cấp tốc” của địch.

Trong khi ta đang hoạt động mạnh trên quốc lộ 1 thì vào cuối tháng 7 năm 1969 địch lại mở cuộc càn với quy mô tương đối lớn và dài ngày vào phía bắc khu Lê Hồng Phong. Chúng sử dụng thiết đoàn 8 tăng và thiết giáp Mỹ có cả bộ binh Mỹ - ngụy đi cùng đánh phá căn cứ bắc Khu Lê Hồng Phong, chúng cày ủi rừng thành những đường trống với chiều rộng từ 20 – 30 mét từ khu vực xã Lương Sơn, Hồng Thái ở hướng bắc Bàu Trắng đến giáp bờ biển phía nam. Tiếp đến là Hồng Trung, Hồng Thịnh phía tây nam Bàu Trắng tạo thành các ô vuông chia cắt các xã trong vùng mà chúng cho là căn cứ của ta. Sau đó chúng dùng máy bay và pháo binh, kể cả pháo biển liên tục đánh phá ngày đêm vào từng cụm rồi dùng bộ binh Mỹ ngụy bắt thần đổ chụp

đánh phá trong ngày rồi rút đi. Chúng không dám đóng quân lại ban đêm trong căn cứ Khu Lê Hồng Phong kể cả bộ binh cơ giới. Bởi vì đã có nhiều bài học bị ăn đòn do du kích Khu Lê Hồng Phong dạy cho chúng trước đó, nên thường các cuộc càn vào Khu Lê ban ngày, đêm chúng rút về căn cứ Sông Mao hoặc Lương Sơn hay Tà Zon, Phan Thiết co cụm. Cũng với kiểu cách đó đêm tháng 11 năm 1969, sau khi đi càn quét giải tỏa, tối chúng rút về ấp Tà Nung co cụm (ấp Tà Nung nay là nghĩa trang liệt sỹ của tỉnh Bình Thuận) ở đây là bãi trống, rộng, bằng phẳng sát quốc lộ 1 cách căn cứ Mỹ Tà Zôn chừng 4 ki-lô-mét và cách Phan Thiết hơn 20 ki-lô-mét về phía bắc. Năm được thời cơ trên, Tiểu đoàn lập tức tổ chức tập kích bằng hỏa lực ĐKZ75, cối 82, B40, B41, kết quả ta bắn cháy 17 xe tăng và xe bọc thép của Mỹ.

Nhằm phân tán và căng kéo đánh địch trên diện rộng, trung tuần tháng 11 và cả tháng 12 năm 1969 Tiểu đoàn cơ động hướng ra Bắc Bình, Hòa Đa, Tuy Phong, cùng với tiểu đoàn 240 và lực lượng địa phương hoạt động đánh phá các kế hoạch bình định của địch trên các ấp ven đường 1 và khống chế quốc lộ 1 gây cho địch nhiều thiệt hại.

Bước vào những năm 70 yêu cầu nhiệm vụ của Quân khu giao Tiểu đoàn vừa nặng nề, vừa cấp bách là “*đánh phá kế hoạch bình định cấp tốc*” của địch. Trong năm 1969 địch đã ra sức thực hiện kế hoạch bình định, nhất là ở vùng đồng bằng chúng ráo riết càn quét lấn chiếm vùng giải phóng, vùng tranh chấp, xúc bắt dân đưa về vùng chúng kiểm soát. Nhiệm vụ của Tiểu đoàn là phối hợp cả ba thứ quân, đẩy mạnh ba mũi giáp công, liên tục đánh

phá hậu cứ kho tàng, cơ quan đầu não của địch, đánh phá các trục giao thông quan trọng, tiêu diệt một bộ phận sinh lực cao cấp và phương tiện chiến tranh của chúng, kết hợp chặt chẽ với việc phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm làm tan rã phần lớn các lực lượng phòng vệ dân sự và bộ máy kìm kẹp ở thôn ấp, tạo thế mới, lực lượng mới nhằm đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, mở ra “*cục diện mới để giành thắng lợi to lớn trong thời gian tới*”.

Trong hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 18 tháng 1 năm 1970 trong phần đánh giá về địch đã chỉ rõ: “*Trong năm 1969 tuy địch có đạt được một số kết quả trong kế hoạch bình định của chúng, song không phải vì thế mà chúng mạnh, mà do ta chưa chuyển kịp cách đối phó của tình hình, nên bước đầu có gặp một số khó khăn lúng túng, hiệu suất chiến đấu chưa cao...*”

Về phía Tiểu đoàn: bước vào năm 1970 đang có những khó khăn, do những hoạt động liên tục của năm 1969, thương vong, bệnh tật quân số có giảm. Công tác bảo đảm đạn dược, thuốc men bị hạn chế nhất là bảo đảm lương thực vô cùng khó khăn. Bởi vì nguồn lương thực chủ yếu của Tiểu đoàn chỉ dựa vào dân trong các ấp ven quốc lộ số 1, địch biết điều đó nên chúng khống chế và kiểm soát rất gắt gao nguồn tiếp tế này. Thời kỳ này cũng là thời kỳ mà địch phát triển ở đỉnh cao về kỹ thuật gài và giăng bẫy mìn Claym ven ấp, ven đường hướng ta đột nhập, những hoạt động đó của địch một mặt đã gây cho ta không ít thương vong, mặt khác cũng gây ra trong cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn một số tư tưởng dao động, ngại đột ấp. Tình hình trên dẫn đến một thực trạng là nhiều bữa

nhều ngày không có gạo, cơm ăn, có chăng cũng chỉ dành cho đội phẫu để có cho anh em thương bệnh binh có cháo qua ngày. Do tính chất độc lập của tiểu đoàn, lại ở xa hậu cứ của Tỉnh, của Khu, nên nhiệm vụ đội phẫu thuật của tiểu đoàn không những chỉ là sơ phẫu mà còn kiêm cả hậu phẫu, nuôi dưỡng thương bệnh binh như là một trạm xá để đến khi có đợt, có khi hàng tháng mới đưa được anh em về tuyến sau.

Khi nói đến đội phẫu của tiểu đoàn không ai không biết và thương tiếc đồng chí bác sỹ đội trưởng Hoàng Hữu Biển, một đồng chí bác sỹ tuy tuổi đã cao nhưng trình độ chuyên môn được cán bộ chiến sỹ trong tiểu đoàn tuyệt đối tin tưởng và yên tâm. Đồng chí còn là người rất tận tình nuôi dưỡng và chăm sóc thương bệnh binh. Đồng chí vinh biệt tiểu đoàn trên đường công tác bị địch phục kích. Những cán bộ chiến sỹ lương y của đội phẫu tiểu đoàn thực sự là những người từ máu mà cán bộ chiến sỹ trong tiểu đoàn đều yêu mến và đặt cả niềm tin của mình ở đó, họ không chỉ đơn thuần tay dao, tay kéo, mà còn là tay súng dũng cảm khi đối mặt với kẻ thù, kiên cường bảo vệ tính mạng của thương bệnh binh. Tấm gương tiêu biểu của nữ y tá liệt sỹ Nguyễn Thị Thanh mãi mãi là hình ảnh không phai mờ trong ký ức của cán bộ chiến sỹ tiểu đoàn. Hôm đó ở căn cứ Hồng Trung, tiểu đoàn đi hoạt động, đội phẫu ở nhà, đo sơ xuất tối đi mang nước về không xóa kỹ dấu vết, sáng ra bọn biệt kích Lương Sơn phát hiện và theo dấu cho mãi đến 12 giờ trưa thì bọn địch cũng mò đến nơi đội phẫu trú quân và bất ngờ tiến công, anh em nổ súng chống trả, vừa đánh địch vừa gom đồ đạc, vừa di chuyển thương bệnh binh, ở hướng giáp

mặt với kẻ địch, một mình với khẩu AK, nữ đồng chí Thanh đã chiến đấu ngăn chặn địch để đồng đội đưa thương bệnh binh di chuyển an toàn và cuối cùng đồng chí hy sinh anh dũng ngay trên công sự chiến đấu.

Những ai đã từng sống ở căn cứ khu Lê Hồng Phong những năm tháng chiến tranh mới thấu hiểu những vần thơ trong bài trường ca “*Người lính cực nam*” của Tô Hải:

*“...Rừng khu Lê có những đêm tắm lửa
và củ nân, lá bép thay cơm...”*

Tắm lửa vì sáu tháng mùa khô không có một hạt mưa, tắm lửa vì mỗi khi giặc càn quét, giặc khổng chế các bầu nước ngọt thì phải dè xén từng giọt nước cho ăn, cho uống, có nước đâu mà rửa, mà tắm và thế là “Cái khó ló ra cái khôn” đêm đến lính ta đào hố cát đốt lửa để tắm hơi.

Có một câu chuyện diễn ra giữa cái sống và cái chết về nước mà còn lưu truyền mãi. Đó là một chiều nọ chiếc máy bay “đầm già” cứ bay lượn xung quanh khu vực Bàu Thiêu, sau đó nghe tiếng róc két nổ đầu nòng nhưng không có tiếng nổ lại dưới mặt đất. Hiện tượng đó báo cho ta biết là kẻ địch đã phóng cây (nhiệt đới) tức (máy vô tuyến định vị thu phát tiếng động) tiểu đoàn giao cho phân đội trinh sát cử người đi lùng sục tháo gỡ làm vô hiệu hóa để tối đến bộ đội đi lấy nước an toàn, đích thân đồng chí Tài - trung đội trưởng trinh sát dẫn tổ đi lùng sục, vốn anh chàng gốc Nam Bộ gan dạ, mưu trí nhưng cũng rất lém lỉnh, khi phát hiện được của nọ này, anh ta nẩy ra sáng kiến âm thầm di chuyển nó ra khỏi khu vực lấy nước an toàn và phát ra tiếng động rồi trở về nơi an

toàn cười hả hê để mặc cho pháo địch bắn liên hồi. Đó là khi thiếu nước, còn lúc đói cơm thì tóa ra đi đào củ năn, rừng Khu Lê Hồng Phong khá nhiều củ năn, lại dễ đào vì ở đây là đất cát nhưng củ năn ngoài việc gọt vỏ, xắt mỏng phơi héo còn phải ngâm xả nhiều lần nước mới nấu ăn được, nước ngọt không có phải đi mang nước biển về ngâm, xả nhiều lần, thế nhưng có đơn vị có lúc làm không kỹ nên có trường hợp say củ năn nhiều anh em lăn ra cào móc họng và ói mửa đến như người. Có lần ở căn cứ Bàu Trắng vì đói quá cả phân đội thông tin bày nhau luộc hột nhần lồng để ăn, rừng Khu Lê có những vùng nhất là những vùng xung quanh Bàu Trắng rất nhiều nhần lồng, nhần lồng ở đây rất to quả nhưng mỏng cơm và rất ngọt, hột nhần lồng mới ăn nghe bùi, thơm như hạt mít, nhưng ăn quá nhiều thì nó say bất tỉnh nhân sự, cả phân đội thông tin lâm vào tình cảnh đó.

Bù lại cái khó về lương thực, thiên nhiên lại phú cho rừng Khu Lê một kho dự trữ thực phẩm vô tận đó là con dông một loài bò sát sống bằng lá cây, ngọn cỏ và các loại sâu bọ, chúng đào hang sống dưới cát, những đêm trăng sáng, những ngày đẹp trời khi mà bầu trời và mặt đất tạm yên bình, lúc mà Tiểu đoàn về cứ học tập rút kinh nghiệm những trận đánh, những đợt hoạt động vừa qua và chuẩn bị cho những trận đánh và đợt hoạt động đến, cũng là lúc có điều kiện và thời gian để lính ta khai thác nguồn thực phẩm quý giá này. Ai đến Khu Lê đều nghe và gần như thuộc lòng câu ca dao ở vùng này “Bức mấu, dò dông, đi ong, đeo đòn gánh”. Đó là bốn cái nghề kiếm sống mà bà con Khu Lê từ bé đến lớn không ai mà không thạo, dông khu Lê hầu như có quanh năm “tháng

10 dông rạp, tháng chạp dông lại lên”, như vậy là trong năm chỉ có ba tháng (10-11-12) là dông lấp miệng hang nằm dưới đất, chúng nhịn đói và nhịn khát đến những ba tháng mà nguồn dự trữ trong cơ thể chúng đâu phải như giống lạc đà của vùng sa mạc, nhiều con quá đói tự cắn đuôi mình để ăn và chờ cho đúng kỳ hện lại lên. Đó là điều kỳ lạ, thịt dông rất ngon, không những nó bồi bổ những bữa ăn cho lính ta ở cứ, mà nó còn là thực phẩm khô rất quý giá giúp cho những bữa ăn của chiến sĩ ta ngoài trận địa, trước giờ xuất kích.

Trung tuần tháng 1 năm 1970 Tiểu đoàn cơ động sang nam đường quốc lộ nghiên cứu tình hình địch, tổ chức trận phục kích ở khu vực Cây Khâm cách căn cứ Sông Mao của địch ba ki-lô-mét về phía tây nam, diệt đại đội bảo an nóng ra lùng sục thu một số vũ khí, trong đó có một khẩu ĐKZ57 ly. Đến đêm 31 tháng 3 năm 1970 các đội đặc công của ba Tiểu đoàn 840, 186, 240 tập kích căn cứ Sông Mao lần thứ năm diệt 600 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Trong khi đó các đơn vị bộ binh của 3 tiểu đoàn tổ chức trận địa phục kích với quy mô tương đối lớn về phía tây bắc Sông Mao để kéo và đánh quân giải tỏa của địch. Đúng 7 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1970 chi đoàn thiết vận Mỹ và chi đoàn bọc thép hai phần tám của quân nguy bung ra giải tỏa, cuộc đụng độ trước tiên diễn ra ở khu vực phục kích của hai Tiểu đoàn 840 và 240, cuộc chiến đấu ở đây diễn ra rất quyết liệt, đến 11 giờ trưa cùng ngày chiến đoàn bộ binh cơ giới Mỹ từ Tà Zôn kéo lên chi viện cho Sông Mao đã vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 186 ở khu vực Cà Dây (tây bắc Sông Mao) cuộc chiến đấu ở đây cũng diễn ra quyết liệt, cả 3 tiểu đoàn quần nhau với bộ binh cơ giới địch, giữa

đồng trống ban ngày, còn trên trời thì hàng đàn trực thăng đủ loại quần đảo rải đạn như mưa, khói, lửa, cát bụi mù mịt cả một góc trời, cuộc chiến đấu diễn ra cho đến chiều tối, mới kết thúc. *Kết quả*: Ta diệt 150 tên (có hàng chục tên Mỹ) bắn cháy 15 xe tăng và xe bọc thép, bắn rơi một trực thăng vũ trang. Về ta cả ba tiểu đoàn bị thương vong khá lớn, 50 đồng chí, riêng Tiểu đoàn 186 có đại đội ba bị thiệt hại nặng.

Sau trận này Tiểu đoàn về lại cứ sắp xếp lực lượng và phân tán đi hỗ trợ cho các đội mũi công tác ở các huyện Hòa Đa, Thuận Phong, Hàm Thuận đánh bọn địch bung ra ven ấp, đột ấp diệt ác, phá kìm xây dựng cơ sở. Đến đầu tháng 5 năm 1970 đại đội 5 đặc công của tiểu đoàn phối hợp với đặc công tiểu đoàn 840 và tiểu đoàn 240 tổ chức tập kích căn cứ Mỹ ở Tà Zôn diệt hàng trăm tên Mỹ, phá hủy 20 xe tăng và xe thiết giáp cùng một số xe quân sự và các phương tiện chiến tranh khác, gây thiệt hại nặng chiến đoàn bộ binh cơ giới số 150 của Mỹ.

Tiếp tục đánh bồi, đánh nhồi hậu cứ Sông Mao của địch, đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1970 đại đội 5 đặc công của tiểu đoàn phối hợp với đặc công tỉnh Bình Thuận và đặc công của khu tập kích căn cứ Sông Mao lần thứ sáu diệt 300 tên địch (có hàng chục tên Mỹ) phá hủy ba pháo 105 ly, một cối 106, 7 ly, 13 xe bọc thép M113, khu điện đài, đốt một kho hóa chất, đánh sập nhiều dây nhà và lô cốt địch. Những tháng còn lại của năm 1970 tiểu đoàn phân tán lực lượng, phối hợp với các lực lượng địa phương và đội mũi công tác các huyện Hòa Đa, Thuận Phong hoạt động đánh phá bình định của địch.

Tiếp tục phát triển thế tiến công, tập trung vào nhiệm vụ trung tâm là: Đánh phá bình định “đặc biệt” và bình định “phát triển” của địch ở hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy trong những năm 1971-1972.

Thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và cũng để thử sức đội quân nguy, đầu năm 1971 dưới sự chỉ huy của Mỹ và được Mỹ chi viện mạnh mẽ hỏa lực, quân nguy Sài Gòn đồng thời mở 3 cuộc hành quân trên 3 địa bàn chiến lược: đường 9 Nam Lào, Tây Nguyên và đông bắc Cam-pu-chia.

Theo nhận định của trên: “*Đây là thời cơ tiêu diệt địch trên chiến trường và đánh phá kế hoạch bình định của địch ở đồng bằng nông thôn...*” ở Bình Thuận và Bình Tuy địch đang dồn sức thực hiện kế hoạch bình định “*đặc biệt*” và bình định “*phát triển*”. Để hỗ trợ cho kế hoạch trên, quân nguy thường tổ chức hành quân cấp tiểu đoàn, có khi lên đến trung đoàn, chúng gom xúc dân các ấp còn lại trong vùng ta làm chủ và vùng tranh chấp ở Tam Giác, Khu Lê Hồng Phong và La Làng huyện Tuy Phong, chúng kết hợp lực lượng địa phương quân, bọn cảnh sát dưới sự yểm trợ tối đa của pháo binh, không quân và cả xe bọc thép thường xuyên tiến hành các cuộc hành quân vừa và nhỏ nhằm ngăn chặn việc đột ấp phá kìm của ta và cũng uy hiếp tinh thần của nhân dân.

Để chỉ đạo chặt chẽ hoạt động quân sự của các lực lượng vũ trang, Quân khu đề ra yêu cầu: “Phải nâng cao hiệu suất chiến đấu, đánh diệt nhiều đại đội, trung đội bảo an, dân vệ, cảnh sát, đoàn bình định bọn tề ác ôn, bọn điệp ngầm. Đẩy nhanh phong trào chiến tranh du kích rộng khắp, kết hợp chặt chẽ với phong trào nổi dậy

của quần chúng, tấn công binh địch vận hình thành ba mũi giáp công, phá rã bộ máy kìm của địch ở nhiều ấp, trong nhiều vùng, nâng mức làm chủ với nhiều hình thức ở nhiều vùng, nhiều mảng”.

Thực hiện nhiệm vụ trên vào đầu năm 1971 Tiểu đoàn tập kích vào ấp Gò, nằm sát quốc lộ 1, cách căn cứ Mỹ ở Tà Zôn 3 ki-lô-mét mà chúng mới gom xúc dân về đây định xây dựng ấp “kiểu mẫu” trong kế hoạch bình định phát triển của chúng. *Kết quả:* Ta diệt đoàn bình định và phục kích bên ngoài ấp đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an đến giải tỏa. Cũng thời gian này Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn phối hợp với đặc công Tiểu đoàn 840 tập kích vào căn cứ Sông Mao lần thứ bảy diệt 150 tên, phá hủy một số phương tiện chiến tranh và kho tàng của địch. Đồng thời phân tán từng đại đội phối hợp với các lực lượng địa phương và mũi công tác ở vùng trọng điểm của Khu và Tỉnh là huyện Hàm Thuận trong kế hoạch đánh phá bình định của địch. Trong đợt hoạt động này ta đã diệt được một số điểm cấp trung đội, đại đội địch, gài, kéo diệt và đánh thiệt hại nặng nhiều đại đội bảo an và lực lượng trực tiếp, phá hỏng và làm tan rã một số ấp dọc lộ 8 và quốc lộ 1, phá được kế hoạch bung ra của địch nhằm ngăn chặn và ly gián ta từ bên ngoài, phát động phong trào quần chúng, xây dựng ba mũi giáp công, xây dựng được thực lực tại chỗ.

Đầu tháng 7 năm 1971 nắm vững thời cơ bọn công binh cơ giới Mỹ co cụm tại thôn thuộc xã Hồng Liêm, Tiểu đoàn nhanh chóng tổ chức tập kích diệt rất nhiều tên Mỹ, phá hủy một pháo 105 ly, 2 khẩu cối 81 ly, 6 xe tăng và xe bọc thép (có một tăng M41).

2. Góp phần đánh bại về cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, buộc Mỹ phải ký hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Tháng 3 năm 1972 Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam với quyết tâm là: đánh bại về cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ.

Để thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và các chỉ thị, nghị quyết của Miền trong chiến dịch tiến công chiến lược năm 1972, Quân khu đã mở Hội nghị cán bộ trung cao cấp trong toàn Quân khu nhằm quán triệt chỉ thị, nghị quyết của trên và quyết tâm cũng như kế hoạch tác chiến của Quân khu trong chiến dịch tấn công này.

Lúc bấy giờ Tiểu đoàn mới có thời gian học tập, củng cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bước vào hoạt động.

Bước sang năm 1972 quân nguy vẫn ráo riết thực hiện các kế hoạch bình định. Trên chiến trường của Quân khu về cơ bản quân Mỹ đã rút, chỉ còn lại lực lượng yểm trợ cho không quân, pháo binh và công binh. Ở Bình Thuận còn lại một tiểu đoàn cộng hòa, một chi đoàn xe bọc thép nguy hai phần tám và các lực lượng bảo an dân vệ. Mùa hè năm 1972 Quân khu chủ trương mở chiến dịch tổng hợp tiếp tục đánh phá kế hoạch bình định của địch, vùng trọng điểm vẫn là Bình Thuận để tiếp tục tiêu hao, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng bảo an cơ động, bọn dân vệ, cảnh sát, bọn tề ác ôn, giải tán lực lượng phòng vệ dân sự.

Tiểu đoàn 186 cùng với các đơn vị trong Quân khu và các đơn vị địa phương Bình Thuận liên tục hoạt động

đánh phá kế hoạch bình định củng cố của địch, tấn công quân địch ngay trong các ấp chiến lược, nơi chúng xuất phát bung xĩa ra ngoài đánh phá ngăn chặn ta.

Đêm 6 tháng 4 năm 1972 Tiểu đoàn đột nhập vào ấp Tà Nung một ấp được chúng coi là: Đã được “bình định - củng cố”. Nhưng ta đã đánh tan lực lượng dân vệ, tề ấp rồi trụ lại ban ngày đánh quân giải tỏa, đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an đến giải tỏa, bảo đảm cho lực lượng chính trị phát động quần chúng phá ấp, phá kim bung dân về làng xã cũ làm ăn.

Đêm 10 tháng 5 năm 1972 tiểu đoàn sử dụng Đại đội 5 đặc công tập kích đồn Gộp, lực lượng còn lại đột vào Gộp, tuy điểm không dứt được, nhưng lực lượng đột ấp diệt được hai trung đội dân vệ.

Trước tình hình chiến dịch phát triển không thuận lợi các trận đánh diễn ra còn rời rạc, phần lớn các trận then chốt không dứt điểm, nên đầu tháng 7 năm 1972 Quân khu quyết định chuyển trọng điểm từ Tam Giác Bình Thuận sang huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Tuy, Tiểu đoàn được điều sang Bình Tuy tiếp tục hoạt động.

Đầu tháng 8 năm 1972 Tiểu đoàn cùng với các lực lượng địa phương liên tục bám xã, ấp, tổ chức những trận đánh nhỏ, lẻ, diệt bọn tề ác ôn, bọn dân vệ, bình định, cùng với các đội công tác phát động quần chúng phá khu tập trung, đưa dân về vùng đất cũ làm ăn.

Ngày 14 tháng 10 năm 1972 Tiểu đoàn phối hợp với bộ đội địa phương Bình Tuy gài, kéo bọn bảo an, dân vệ các ấp chiến lược Nghị Đức, Gia An, Lạc Tánh, đánh và diệt hàng trăm tên, mở rộng diện lòng, rã kèm và bám

trụ ở một số ấp dọc lộ 3 và liên tục hoạt động dọc tuyến lộ 3 từ chi khu Tánh Linh đến chi khu Hoài Đức cho đến tháng 12 năm 1972.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Theo hiệp định “Đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cam kết tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam”.

Năm vững thời cơ khi hiệp định Pa-ri vừa ký tắt, đêm 26 rạng ngày 27 tháng 1 năm 1973 Tiểu đoàn cùng với các lực lượng vũ trang Bình Tuy thực hiện “chồm lên” theo kế hoạch đã chuẩn bị. Ta đánh vào khu thị trấn Tánh Linh, pháo kích trận địa pháo lộ ô, đột vào các ấp Quảng Hà, Hiếu Tính, xã Dú, tạo thế vây ép chi khu, quận lỵ Tánh Linh suốt ngày đêm.

Tuy phải ký Hiệp định Pa-ri, song với bản chất xâm lược, ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu cơ bản của chúng ở Việt Nam là thực hiện “học thuyết Ních-xơn” áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta. Chúng tiếp tục tăng viện trợ kinh tế, quân sự cho ngụy quyền, giúp ngụy quyền Sài Gòn tiếp tục chiến tranh, đốc thúc quân ngụy lấn chiếm vùng giải phóng và vùng mới đánh chiếm của ta, phá hoại hiệp định Pa-ri ngay từ đầu theo một kế hoạch nhất quán. Nguyễn Văn Thiệu đã tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch bình định ba năm 1973-1975 hò hét “tràn ngập lãnh thổ” đánh chiếm lại những vùng

đã mất, bị ta chặn đánh tiêu diệt hàng trăm tên, cuộc chiến đấu giằng co diễn ra quyết liệt. Sau 7 ngày đêm bám trụ, chiều tối ngày 2 tháng 2 năm 1973 Tiểu đoàn được lệnh rút ra và trụ ở các ấp Huy Lê, Gia An và Võ Xu cho đến hết ngày 4 tháng 2 năm 1973 mới rút ra ngoài, củng cố lại địa bàn, đánh địch phản kích để giữ thế áp sát các bàn đạp ven ấp, ven trục lộ giao thông, bảo vệ vùng giải phóng và vùng làm chủ của ta lâu nay.

Trong tháng 4 và 5 năm 1973 Tiểu đoàn phối hợp chặt chẽ với các lực lượng địa phương tỉnh Bình Tuy đánh hàng chục trận lớn, nhỏ diệt hơn 300 tên địch bung xĩa, lấn chiếm, phá nhiều ấp chiến lược, mở ra một số vùng ở hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh. Sau đó theo lệnh của Quân khu, tiểu đoàn bàn giao địa bàn cho bộ đội địa phương Bình Tuy và lui về hậu cứ để học tập chính trị, quân sự, củng cố đơn vị và tham gia công tác sản xuất.

Đến cuối tháng 6 năm 1973 Tiểu đoàn quay lại địa bàn, cùng với các lực lượng địa phương Bình Tuy tiếp tục đánh phá kế hoạch bình định của địch. Đánh bọn địch ủi phá lấn chiếm địa hình ở vùng ven, vùng tranh chấp Gia Huynh, Suối Khiết, Sông Phan, bức rút đồn Hột Xoài gần ga Sông Phan, đánh địch ở căn cứ trục lộ 1 gây cho địch nhiều tổn thất và hạn chế những hoạt động bung xĩa lấn chiếm của địch. Đầu năm 1974 sau khi tập trung chính huấn về tình hình và nhiệm vụ mới xong. Tiểu đoàn lại xuống địa bàn cùng với lực lượng địa phương Bình Tuy tổ chức đánh phá kế hoạch bình định của địch cho đến khi thay đổi nhiệm vụ.

V. TRỞ LẠI ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN 812, CÙNG VỚI CẢ NƯỚC KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1974 – 5-1975)

1. Củng cố tổ chức, chuẩn bị cho thời cơ chiến lược.

Sau Hiệp định Pa-ri, cục diện trên chiến trường miền Nam đã có những thay đổi lớn và nhanh chóng, đòi hỏi quân và dân ta phải có những nỗ lực mới, đẩy mạnh cuộc tiến công trên quy mô những cuộc quyết chiến, chiến lược, tiêu diệt và làm tan rã quân nguy, đánh đổ nguy quyền các cấp, kết thúc chiến tranh. Để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử trọng đại đó, vấn đề xây dựng các đơn vị vũ trang với quy mô tác chiến trong binh chủng hợp thành là một yêu cầu cấp thiết.

Theo chỉ thị của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền, Quân khu 6 phải thành lập trung đoàn chủ lực của Quân khu. Vì vậy mà ngày 19 tháng 5 năm 1974 trung đoàn chủ lực mang tên 812 của Quân khu ra đời. Lễ thành lập trung đoàn được tổ chức trang nghiêm ngay trên địa bàn hoạt động của tỉnh Bình Thuận bên bờ sông Dinh.

Về tổ chức: Trung đoàn 812 có ba tiểu đoàn bộ binh gồm: 186, 840, 15, 130 trợ chiến và các đơn vị trực thuộc như: trinh sát, thông tin, công binh. Tiểu đoàn 200c đặc công trực thuộc quân khu, trước mắt tạm thời phối hợp cho trung đoàn. Ban chỉ huy trung đoàn gồm có: đồng chí Phạm Ty nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 186, quyền trung đoàn trưởng, đồng chí Võ Đức Nhi nguyên Phó chủ nhiệm Chính trị Quân khu làm Chính ủy, đồng chí Nguyễn Văn Bổng nguyên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn đặc công

200c của Khu làm Trung đoàn phó, đồng chí Phạm Văn Tý nguyên chính trị viên tiểu đoàn 840 làm Phó chính ủy, đồng chí Nguyễn Hiệp nguyên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 15 - Tham mưu trưởng, đồng chí Trương Văn Ngộ nguyên chính trị viên tiểu đoàn 186 làm Chủ nhiệm Chính trị, đồng chí Nguyễn Phước nguyên cán bộ hậu cần của Quân khu làm Chủ nhiệm Hậu cần.

Biên chế của trung đoàn có Tiểu đoàn 186 do đồng chí Lương Thanh Hà làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Bùi Thanh Hùng là chính trị viên. Tiểu đoàn 840 do đồng chí Lê Đức Thiện làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Trần Đình Quý làm chính trị viên, Tiểu đoàn 130 (trợ chiến), đồng chí Phạm Ngọc Ruyến làm tiểu đoàn trưởng và đồng chí Cù Thanh Sơn làm chính trị viên. Tiểu đoàn 200c do đồng chí Huỳnh Bu làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Đức Phúc làm chính trị viên. Tiểu đoàn 15 do đồng chí Dẩn làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Ngô Tùng Châu làm chính trị viên.

Là những đơn vị từng nhiều năm gắn bó với nhau trên cùng một chiến trường đã từng phối hợp với nhau trong những trận chiến đấu và trong các chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định, nay được tập hợp lại trong đội hình của trung đoàn, nên nhanh chóng thích ứng trong hợp đồng chiến đấu.

Sau khi thành lập trung đoàn triển khai hoạt động ngay ở chiến trường trọng điểm của Quân khu là hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức của tỉnh Bình Tuy, một mặt vừa tranh thủ huấn luyện cho số chiến sỹ mới bổ sung, mặt khác cùng với các lực lượng địa phương đánh phá kế hoạch khai hoang, lấn chiếm của địch ở khu vực

tây nam Hoài Đức (khu vực này nguyên là vùng giải phóng và tranh chấp trước đây, nhưng từ sau hiệp định Pa-ri, địch lấn chiếm và ủi phá địa hình, di dân hình thành quận mới Nghĩa Lộ).

Đầu tháng 7 năm 1974 trung đoàn sử dụng đại đội 1 tiểu đoàn 186 vây ép cứ điểm Hột Xoài, dùng hỏa lực liên tục đánh vào cứ điểm lực lượng còn lại của Tiểu đoàn cùng với Tiểu đoàn 840 bố trí trận địa phục kích ở nam và bắc sông Dinh dọc tỉnh lộ 2.

Ngày 4 tháng 7 năm 1974 tiểu khu trưởng Bình Tuy cho tiểu đoàn bảo an 443 và hai đại đội biệt kích đi giải tỏa, địch đến khu vực gần ga Suối Kiết, khu vực dự kiến diệt địch của ta. Quân ta từ hai phía nam và bắc nổ súng tấn công bao vây và chia cắt địch ra từng mảnh để tiêu diệt. Kết quả trên 100 tên địch vừa chết, vừa bị thương bỏ lại trận địa, bọn còn sống sót tìm đường tháo chạy về La Gi. Do quân giải tỏa bị đánh tan tác nên bọn địch ở cứ điểm Hột Xoài và lực lượng dân vệ trong ấp lân cận cũng tìm đường tháo chạy, vùng này được hoàn toàn giải phóng.

2. Hoạt động tác chiến trong chiến dịch đông xuân 1974-1975:

Bước vào mùa khô 1974 – 1975 theo nhiệm vụ của Bộ chỉ huy Miền giao: Quân khu 6 tập trung lực lượng cùng với Sư đoàn 6 thiếu của Quân khu 7 mở chiến dịch giải phóng hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức nhằm phối hợp với hướng tác chiến chủ yếu của Miền ở đường 14, Phước Long, Đồng Xoài.

Về sử dụng lực lượng của Bộ chỉ huy chiến dịch: Trên hướng chủ yếu Sư đoàn 6 thiếu của Quân khu 7 được

phối thuộc Tiểu đoàn 186 của Trung đoàn 812 có nhiệm vụ diệt chi khu quận lỵ Võ Đắc giải phóng huyện Hoài Đức. Ở hướng thứ yếu do địch tăng cường lực lượng nên trung đoàn 812 (thiếu) được tăng cường Tiểu đoàn đặc công 200C của Quân khu. Ngay từ đầu chưa đánh chi khu, quận lỵ mà dùng đặc công và 1 đại đội bộ binh của tiểu đoàn 15 đánh chiếm cao điểm Lò Ô chốt giữ và khống chế khu giải phóng vùng nông thôn xung quanh chi khu, sau đó mới tập trung lực lượng đánh dứt điểm chi khu Tánh Linh.

Theo kế hoạch, chiến dịch sẽ nổ súng vào đêm 5 rạng ngày 6 tháng 12 năm 1974 nhưng trong quá trình chuẩn bị đã xảy ra một số trường hợp bất trắc, địch đã nắm được khu mở chiến dịch của ta nên đã điều thêm lực lượng tăng cường cho hai chi khu. Vì thế ngày N phải lùi lại cho đến ngày 10 tháng 12 năm 1974 chiến dịch mới mở màn nhưng các mục tiêu chính trên hướng chủ yếu đều không dứt điểm.

Trên hướng thứ yếu quân ta đánh chiếm được một số điểm theo chốt như: cao điểm Lò Ô, chốt Núi Giang, Xã Du, Đồi Đá... và những ngày tiếp theo địch phản kích quyết liệt hồng chiếm lại các mục tiêu đã mất, các lực lượng của trung đoàn và sư đoàn 6 đánh trả quyết liệt, tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Sau 14 ngày đêm đánh chiếm và chốt giữ cao điểm Lò Ô và một số mục tiêu quan trọng khác quanh chi khu Tánh Linh, trung đoàn đã đánh trả lực lượng phản kích và gây nhiều thiệt hại cho địch và ta đã giải phóng phần lớn vùng nông thôn Tánh Linh, đang uy hiếp mạnh chi khu Tánh Linh.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết thúc thắng lợi sớm chiến dịch, ngày 23 tháng 12 năm 1974 Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm dứt điểm chi khu Tánh Linh để sau đó tập trung lực lượng dứt điểm chi khu Hoài Đức.

23 giờ ngày 23 tháng 12 năm 1974 Trung đoàn 812 cùng với Tiểu đoàn 200C đặc công Quân khu hình thành 3 mũi từ 2 hướng tây bắc và tây nam đánh vào chi khu Tánh Linh, cuộc chiến đấu diễn ra gay go quyết liệt ở trận nội, ta và địch giành giật nhau từng ngách hẻm, từng đoạn hào, cho đến 8 giờ sáng ngày 24 tháng 12 năm 1974 quân ta mới làm chủ được toàn bộ chi khu, vừa tiểu trừ và đánh trả quân địch phản kích từ ngoài vào.

9 giờ ngày 24 tháng 12 năm 1974 phối hợp với lực lượng trung đoàn đánh chi khu. Tiểu đoàn đánh một đại đội bảo an đóng ở Quảng Hà phía nam chi khu và cùng với lực lượng trung đoàn liên tục đánh địch bên ngoài chi khu mãi 16 giờ chiều cùng ngày ta mới quét sạch quân địch quanh chi khu và các ấp Quảng Hà, Hiếu Tín, Lạc Tánh, số tàn quân còn lại co cụm trên đồi xã Dú, Tiểu đoàn tổ chức vây ép dùng binh vận kêu gọi chúng ra hàng, nhưng đêm 25 tháng 12 năm 1974 chúng bí mật cắt đường chạy về hướng quốc lộ 1 cho đến 7 giờ sáng ngày 26 tháng 12 năm 1974 toàn bộ quân địch được quét sạch, ta giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh.

Trong thời gian này Sư đoàn 6 chặn viện đánh cắt lộ 3 và bao vây cô lập chi khu Hoài Đức. Để cứu vãn tình hình Hoài Đức từ 26 - 28 tháng 12 năm 1974 địch tăng lực lượng để giữ chi khu đưa bộ binh, pháo binh đến giữ một số vị trí quan trọng ở khu vực Trà Cổ, bắc chi khu và ngã ba ông đồn Gia Ray.

Để giải quyết chi khu Hoài Đức theo tinh thần mới, Bộ chỉ huy chiến dịch thống nhất phương án đánh theo lối béc vó, diệt các cứ điểm và sinh lực địch ở vòng ngoài, đưa lực lượng luôn vào đột phá đánh dứt cứ điểm chi khu. Ngày 31 tháng 12 năm 1974 các đơn vị bắt đầu đánh các mục tiêu xung quanh chi khu Hoài Đức, sau 10 ngày liên tục đánh địch ở ngoại vi ta đã diệt được khá nhiều sinh lực địch, nhưng vẫn chưa béc hết lớp vỏ bên ngoài, đột phá chi khu không thành. Bộ chỉ huy Miền chỉ thị cho kết thúc chiến dịch, chỉ sử dụng một bộ phận của Sư đoàn 6 vây lỏng chi khu dùng Trung đoàn 812 và Tiểu đoàn 200C chuyển lên phía bắc để đánh đồn bót lẻ giải phóng xã ấp.

Đêm 13 tháng 1 năm 1975 Tiểu đoàn 186 đánh chiếm bót Bến Gỗ và tiếp theo ngày 14 tháng 1 đánh chiếm đồn Nghĩa Phố, Võ Xu, Nghĩa Đức, địch ở Chính Đức bỏ chạy. Ta giải phóng hai xã Võ Xu và Chính Đức. Trung đoàn được lệnh thay cho các vị trí của Sư đoàn 6 quay về miền Đông nhận nhiệm vụ mới. Vậy là chiến dịch Tánh Linh, Hoài Đức đợt 1 kết thúc. Trung đoàn 812 vừa triển khai lực lượng giữ Tánh Linh mới giải phóng, vừa triển khai lực lượng sẵn sàng đánh địch tái chiếm. Từ ngày 2 tháng 2 năm 1975 địch bắt đầu đánh phá và lấn chiếm vùng giải phóng huyện Hoài Đức đến ngày 9 tháng 2 năm 1975 chúng bất ngờ đổ quân thẳng xuống sân bay Tánh Linh để chiếm lại chi khu, quận lỵ, nhưng địch đã thất bại, vùng giải phóng Tánh Linh được giữ vững. Đồng bào và bộ đội được tiếp tục hưởng những ngày xuân vui vẻ đậm đà tình nghĩa quân dân.

Ở Hoài Đức đội trinh sát của Trung đoàn chốt giữ núi Dinh đã đánh lui hàng trăm đợt phản kích của địch,

diệt hàng trăm tên. Trên lộ 3 Tiểu đoàn 840 liên tục chặn đứng các cánh quân của sư đoàn 18 ngụy. Riêng Đại đội 3 của Tiểu đoàn đã đánh thiệt hại nặng một cánh quân đông hơn gấp nhiều lần giữ vững trận địa tại cầu Nín Thờ.

Đợt hai tấn công chi khu Hoài Đức

Thực hiện nhiệm vụ của Bộ Chỉ huy Miền giao, Khu ủy-Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu hạ quyết tâm tiến công tiêu diệt chi khu Hoài Đức đợt hai bằng lực lượng của Quân khu và thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch mới.

Lúc này địch ở khu vực Hoài Đức có sự thay đổi, cả lực lượng chốt bảo vệ bên ngoài và giữ bên trong đều được tăng cường. Do đó Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tiến công tiêu diệt chi khu theo hình thức chiến thuật: “vây, lấn, tấn, triệt và diệt”. Trước tiên phải đánh béc vó cứng bên ngoài, đưa đặc công bộ binh tiếp chiến luôn sâu đánh dứt điểm bên trong Chi khu.

Ngày 16 tháng 3 năm 1975 trung đoàn sử dụng Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 15 thiếu cùng với lực lượng địa phương Bình Tuy tiến công vây lấn chi khu. Sau ba ngày chiến đấu liên tục các đơn vị trên đã hoàn thành nhiệm vụ vừa đánh béc vó bên ngoài tiêu diệt phần lớn các đồn bót xung quanh, vừa vây ép chi khu, Đại đội 3 Tiểu đoàn 15 đã đào công sự ép sát hàng rào một cửa chi khu, lúc này thị trấn Võ Đắc ta cũng làm chủ cùng với bộ binh vây áp, pháo của ta chế áp rất có hiệu quả vào đồn Sơn và các mục tiêu trong chi khu, kho đạn bốc cháy, khói lử mù mịt suốt mấy tiếng đồng hồ. Tình hình trên đã tạo điều kiện và thời cơ thuận lợi để đưa Tiểu đoàn đặc công Quân

khu và Tiểu đoàn 840 vào mở đợt phá khẩu đánh vào chi khu.

2 giờ 40 ngày 20 tháng 3 năm 1975 cuộc tiến công vào chi khu bắt đầu. Sau khi pháo ta bắn cấp tập lần cuối vào lúc 4 giờ sáng, chuẩn bị cho bộ đội xung phong, pháo binh và hỏa lực tiền duyên của địch bắn trả quyết liệt để giữ và giành lại chi khu nhằm ngăn chặn quân ta, mãi cho đến 4 giờ 45 phút cửa hướng tây mới mở xong, quân ta đánh chiếm được đầu cầu, nhanh chóng phát triển vào trung tâm đánh chiếm sở chỉ huy, khu cảnh sát khu cơ giới. Lúc này hướng đông bắc cũng mở được cửa đánh vào khu thông tin, trận địa pháo. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, cho đến 5 giờ 35 phút đội dự bị của Tiểu đoàn 15 được tung vào trên hướng của Tiểu đoàn đặc công, chia cắt địch từng mảnh, tiêu diệt từng cụm quân địch cho đến 6 giờ 40 phút sáng 20 tháng 3 năm 1975 quân ta hoàn toàn làm chủ chi khu, cờ mặt trận tung bay trên chóp cao khu thông tin của chi khu Hoài Đức.

Sau khi đánh chiếm chi khu Hoài Đức trung đoàn để lại một đại đội của Tiểu đoàn 15 chốt giữ, còn đại bộ phận của trung đoàn tổ chức truy quét đánh địch vùng ngoài. Tiểu đoàn 186 truy quét đánh địch ở thôn 1, thôn 5, thôn 6, thôn 7, Tiểu đoàn 15 truy quét địch các thôn 3, thôn 4 xã Võ Đắc. Pháo ta thu được ở chi khu quay nòng bắn vào đồi Bảo Đại (đây là chốt tiền tiêu của chi khu) bọn địch bỏ chạy. Đến chiều ngày 20 tháng 3 năm 1975 địch ném bom hủy diệt chi khu Hoài Đức.

Tiếp đến đêm 20 rạng ngày 21 tháng 3 năm 1975 trung đoàn sử dụng Tiểu đoàn 840 và tiểu đoàn 186 (thiếu) tập kích vào đồi Su, cuộc chiến đấu ở đây diễn ra không

mấy khó khăn vì chi khu Hoài Đức đã mất, kẻ địch đã hoang mang, chỉ sau 15 phút chiến đấu đến 5 giờ sáng ngày 21 tháng 3 năm 1975 quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa thu 2 pháo 105 ly và nhiều vũ khí phương tiện chiến tranh khác.

Đến 18 giờ ngày 22 tháng 3 năm 1975 huyện Hoài Đức đã hoàn toàn giải phóng.

Trên đường quốc lộ 20 chủ lực Miền đã đánh chiếm chi khu Định Quán và đang phát triển về hướng Lâm Đồng. Ngày 25 tháng 3 năm 1975 trung đoàn 812 hành quân lên đường quốc lộ 20 để phối hợp với chủ lực miền tiến công giải phóng Di Linh (Lâm Đồng).

Trong lúc Trung đoàn còn đang hành quân thì đêm 27 rạng ngày 28 tháng 3 năm 1975 chủ lực Miền đã tiến công giải phóng thị xã B'Lao tỉnh Lâm Đồng (cũ). Bọn tàn quân chạy về Di Linh gây tác động làm cho bọn địch ở Di Linh hoang mang rút chạy về hướng Đức Trọng tỉnh Tuyên Đức. Bộ phận trinh sát của Quân khu đang chuẩn bị chiến trường dưới sự chỉ huy của đồng chí Đinh Sỹ Uẩn - nguyên chủ nhiệm chính trị Quân khu và đồng chí Phạm Ty - nguyên trung đoàn trưởng 812 nắm vững cơ sở tổ chức phối hợp với đội công tác đánh chiếm khu Di Linh và chốt giữ ở cửa ngõ phía Nam (hướng đường 8 đi Phan Thiết).

Bọn địch rút đến Tam Bố cụm lại, sau khi biết được lực lượng lớn của ta chưa đến, ở Di Linh chỉ có lực lượng nhỏ nên bọn chúng yêu cầu tiểu khu Tuyên Đức tiếp viện để phản kích chiếm lại Di Linh, nhằm chặn ta tiến về Đà Lạt. Ngày 29 tháng 3 năm 1975 tiểu khu Tuyên Đức cho

hai tiểu đoàn bảo an đổ quân xuống Đồng Lạc và cho hai chi đội cơ giới, một phân đội pháo 105 ly cơ động theo đường quốc lộ 20 tiến chiếm Đồng Đò và triển khai đánh chiếm lại Di Linh.

Lực lượng ta ở Di Linh tuy ít nhưng dựa vào công sự và vật cản, kiên cường đánh trả địch, đẩy lùi các đợt phản kích, giữ vững các điểm chốt. Cũng trong ngày 29 tháng 3 năm 1975 vào lúc 14 giờ, Sư đoàn 7 sử dụng phân đội trinh sát cùng một đại đội tăng và một phân đội pháo 105 ly do đồng chí Tham mưu trưởng chỉ huy từ Bảo Lộc tiến về Di Linh. Đến 19 giờ cùng ngày, pháo, tăng đến Liên Đầm cách Di Linh 5 ki-lô-mét, đơn vị trinh sát tiến trước vào Di Linh do không thể bắt liên lạc được với lực lượng ta và không thạo đường nên bộ phận này bị lọt vào khu vực của địch ở đông thị trấn Di Linh và bị thiệt hại nặng, cuộc tiến công của Sư đoàn 7 tạm ngừng, đến 10 giờ ngày hôm sau 30 tháng 3 năm 1975 bộ phận này được lệnh của Quân đoàn rút về làm nhiệm vụ mới.

Theo đề nghị của Quân khu 6, Sư đoàn 7 để lại 3 xe tăng hai khẩu pháo 105 ly tham gia chiến đấu với lực lượng Quân khu 6 và sẽ rút về sau. Lúc bấy giờ bộ phận đi đầu của Trung đoàn 812 vừa mới đến sở Đăng Rách cách Di Linh về phía nam 3 ki-lô-mét và đến 16 giờ ngày 30 tháng 3 năm 1975 thì Trung đoàn 812 và đồng chí Phó tư lệnh Quân khu mới đến sở Đăng Rách.

Sau khi liên lạc được và thông báo tình hình cho nhau, lực lượng hai bên đã thống nhất kế hoạch hợp đồng tác chiến. Sáng 31 tháng 3 năm 1975 tiến hành tiến công quân địch ở đông Di Linh, xe tăng của Sư đoàn 7 đột kích theo đường quốc lộ 20 vào thị trấn, cùng với đại đội trinh

sát Quân khu đánh địch ở hướng tây Đồng Đò. Trung đoàn 812 chặn đánh, quân địch rút chạy về Tuyên Đức ở khu vực đông bắc Đồng Đò.

Đến 7 giờ ngày 31 tháng 3 năm 1975 cuộc chiến đấu bắt đầu, quân địch chống trả yếu ớt rồi rút chạy theo đường quốc lộ 20 về hướng Tuyên Đức. Tiểu đoàn 186 triển khai và chờ sẵn ở hướng này, phát hiện được quân địch đang tháo chạy Tiểu đoàn nổ súng tiến công chặn đánh và hình thành thế bao vây tiêu diệt địch. Ta đã diệt trên 200 tên, chúng bỏ cả xe pháo chạy tán loạn vào rừng, ta thu năm pháo 105 ly một số xe cộ và nhiều quân trang, quân dụng.

Trung đoàn 812 tiếp tục truy kích đánh địch. Lực lượng Sư đoàn 7 quay lại theo đội hình chiến đấu của quân đoàn để làm nhiệm vụ mới. Đến trưa ngày 31 tháng 3 năm 1975 bộ phận cuối cùng của địch bị trung đoàn đuổi kịp và truy đánh, chúng phải vượt sông Đắc Dung chạy về hướng Đức Trọng, Tuyên Đức và đến tối 31 tháng 3 năm 1975 chúng dùng mìn đánh sập cầu Đại Ninh nhằm làm chậm bước phát triển tiến công của quân ta về Đà Lạt - Tuyên Đức.

Ngày 1 tháng 4 năm 1975 trung đoàn cho trinh sát theo đường 20 nắm tình hình và chuẩn bị cho trung đoàn phát triển về hướng Đà Lạt.

17 giờ ngày 2 tháng 4 năm 1975 trung đoàn và tiền phương của Quân khu được nhân dân giúp đỡ, dùng thuyền, bè đưa bộ đội vượt sông và dùng mọi loại xe cộ đưa bộ đội đến thị trấn Tùng Nghĩa quận lý Đức Trọng, đến đây trung đoàn hình thành 2 mũi tiến công, mũi Tiểu đoàn 186 tiến công hướng Đà Lạt, mũi Tiểu đoàn 840 theo

đường 21 bis thọc xuống Đơn Dương giải phóng chi khu quận lỵ Đờ Răn – Đơn Dương và làm nhiệm vụ vu hồi chặn địch từ Đà Lạt rút chạy về Phan Rang. Đến 7 giờ ngày 3 tháng 4 năm 1975 bộ phận đi đầu của Tiểu đoàn 186 đã vào đến tòa hành chính ngay tỉnh Tuyên Đức và treo cờ mặt trận giải phóng lên cột cờ tòa hành chính, đánh dấu giờ phút giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Lạt và tỉnh Tuyên Đức. Sau đó Trung đoàn 812 để lại Tiểu đoàn 186 ở Đà Lạt cùng với địa phương truy quét tàn quân và bảo vệ mục tiêu quan trọng trong thành phố. Do sự xúi giục và điều khiển của bọn đế quốc và các thế lực phản động, sau ngày tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Tuyên Đức, Đà Lạt được giải phóng, bọn tàn quân và bọn Fulrô chạy vào rừng, chúng tụ tập lại lập căn cứ và chống lại ta quyết liệt. Giữa tháng 6 năm 1975 Quân khu tổ chức tiền phương chỉ đạo việc truy quét Fulrô. Tiểu đoàn 186 phối hợp với lực lượng địa phương tiếp tục lên đường vào vùng sâu trong rừng núi để thực hiện nhiệm vụ mới.

Đầu năm 1976 tỉnh Lâm Đồng mới được thành lập (gồm hai tỉnh Lâm Đồng cũ và Tuyên Đức, Đà Lạt) trực thuộc Quân khu 5 (lúc bấy giờ Quân khu 6 giải thể) Trung đoàn 812 bàn giao Tiểu đoàn 186 cho tỉnh Lâm Đồng để làm nhiệm vụ mới. Tiểu đoàn 186 vẫn tiếp tục cùng với các địa phương trong tỉnh và lực lượng công an liên tục truy quét tàn quân Fulrô cho đến khi giải quyết cơ bản lực lượng này vào năm 1987.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, từ một tiểu đoàn khung ở miền Bắc trở về Nam chiến đấu, đã nhanh chóng được củng cố xây dựng trưởng thành và theo yêu cầu biên chế chiến đấu và được Quân khu 6 xây dựng

thành tiểu đoàn chủ lực cơ động của Quân khu, Tiểu đoàn đã tác chiến với nhiều đối tượng bao gồm: Quân địa phương, quân chủ lực ngụy và cả quân Mỹ với các hình thức chiến thuật, tập kích, phục kích, vận động tiến công đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên tất cả các chiến trường của Quân khu. Đánh tập trung tiểu đoàn và tiểu đoàn trong đội hình hiệp đồng với nhiều tiểu đoàn trong đội hình chiến dịch do Quân khu chỉ huy, cũng như đánh phân tán từng đại đội, trung đội cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngoài ra từng lúc, từng nơi do yêu cầu của địa phương trong nhiệm vụ đánh phá các “kế hoạch binh định” của địch Tiểu đoàn phân tán từng đại đội, có khi từng trung đội hỗ trợ cho các đội, mũi công tác đột áp diệt ác ôn phá kim, phát động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng, đấu tranh giành quyền làm chủ ở rất nhiều địa phương.

Đặc biệt cùng với nhiệm vụ chiến đấu của mình, Tiểu đoàn còn có nhiệm vụ đánh địch bảo vệ và xây dựng căn cứ hành lang, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với tiểu đoàn, vì nó xuất phát từ đặc điểm vị trí mang tính chiến lược của chiến trường Quân khu 6, nơi có dân, nơi đứng chân của cơ quan Quân khu, nơi có các cơ sở sản xuất là nguồn tiếp tế lương thực và cung cấp dân công... Đó là một nhân tố có tính quyết định sự tồn tại, phát triển, trưởng thành trong chiến đấu và xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu nói chung và Tiểu đoàn 186 nói riêng. Thực tiễn những năm 1961 – 1962 Tiểu đoàn đã chiến đấu bẻ gãy những chiến dịch càn quét của địch đánh phá căn cứ hành lang, bảo vệ cơ quan, bảo vệ kho tàng, bảo vệ sản xuất ở nam Đắc Lắc, ở Lâm Đồng, Bình Thuận và Bình Tuy là những minh chứng làm rõ điều đó.

Suốt thời kỳ chống Mỹ, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, Tiểu đoàn đã thường xuyên nắm vững những nhiệm vụ, công tác trọng yếu trong chiến đấu, cũng như trong xây dựng là: Luôn luôn coi sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thành bại của Tiểu đoàn. Thường xuyên giữ vững củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ủy Tiểu đoàn, vì vậy mà tổ chức Đảng từ Đảng ủy Tiểu đoàn đến chi bộ ở đại đội, tổ đảng ở trung đội và từng đảng viên ở cơ sở đều làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo và nòng cốt trong mọi hoạt động chiến đấu, công tác và xây dựng của Tiểu đoàn.

– Coi công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng là một trong những yêu cầu cơ bản để xây dựng tiểu đoàn. Do điều kiện và hoàn cảnh chiến trường chi phối quá lớn, nên công tác xây dựng đơn vị nói chung và công tác chính trị tư tưởng nói riêng không thể tiến hành theo lớp lang, bài bản. Số cán bộ, chiến sỹ từ hậu phương lớn miền Bắc vào đã qua giáo dục những nội dung, cơ bản về chính trị, số chiến sỹ được bổ sung từ vùng giải phóng, hoặc từ vùng địch hậu phía nam thì chưa được học tập, giáo dục chính trị cơ bản. Song mọi cán bộ, chiến sỹ đều được giáo dục chính trị, xây dựng ý chí quyết tâm chiến đấu với những hình thức, biện pháp thích hợp.

Anh em đi tham gia cách mạng chủ yếu bắt nguồn từ lòng căm thù địch, yêu quê hương, yêu đồng bào mà ra đi chiến đấu. Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của Quân khu, tranh thủ thời gian kết hợp xen kẽ giữa các đợt hoạt động để phổ biến và giáo dục cho cán bộ chiến sỹ nhận rõ và quán triệt tình hình nhiệm vụ mới tiếp tục củng cố và giữ vững quyết tâm, giữ vững niềm tin vào thắng lợi của cách mạng, và qua mỗi lần sinh hoạt học tập như vậy tình

hình chính trị, tư tưởng của bộ đội được củng cố và chuyển biến đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu trong mọi thời kỳ, mọi giai đoạn cách mạng

– Đối với công tác cán bộ: cũng xuất phát từ đặc điểm chiến trường và đặc điểm Tiểu đoàn độc lập, cơ động của Quân khu, hoạt động chiến đấu ở các tỉnh xa Quân khu, nên công tác xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên nói chung và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì quân sự, chính trị nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là lực lượng nòng cốt của đơn vị. Trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Tiểu đoàn, đội ngũ cán bộ từ tiểu đội trưởng đến cán bộ chỉ huy tiểu đoàn luôn được xây dựng cả về phẩm chất đạo đức, ý chí chiến đấu và năng lực tổ chức chỉ huy bộ đội. Nhất là sau mỗi trận đánh, mỗi đợt hoạt động tiểu đoàn đều tiến hành sinh hoạt, hội nghị quân chính để rút kinh nghiệm nhằm xây dựng, phát huy ưu điểm, điển hình tốt, ngăn ngừa, khắc phục mặt yếu và những lệch lạc. Mặt khác Tiểu đoàn luôn động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ tự rèn luyện, phấn đấu thường xuyên thể hiện vai trò tiên phong mẫu mực cả trong chiến đấu, xây dựng đơn vị và chăm lo đời sống bộ đội. Vì vậy đội ngũ cán bộ trong Tiểu đoàn luôn luôn được chiến sỹ tin yêu, mến phục và học tập. Nhờ đó mà toàn Tiểu đoàn thường xuyên là tập thể đoàn kết, cán bộ chiến sỹ thương yêu gắn bó với đơn vị, luôn hăng hái, phấn khởi, vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh, mọi giai đoạn.

– Về sản xuất tự túc: nguồn cung cấp lương thực và thực phẩm của Tiểu đoàn phần lớn dựa vào Quân khu và các địa phương, nhưng nhiều khi Quân khu và địa phương không đáp ứng được, nên Tiểu đoàn phải tự lực khắc

phục giải quyết để đảm bảo hoạt động không chịu bó tay ngồi chờ. Từ những năm 1966 khi đứng chân hoạt động ở Lâm Đồng, Tiểu đoàn đã tổ chức một đội sản xuất giao cho đồng chí Nguyễn Hồng Thanh cán bộ đại đội làm đội trưởng đứng tại căn cứ K3 dọc đường 14B chuyên trồng bắp, trồng mỳ, trồng khoai và rau đậu các loại, nhờ đó mà bổ sung kịp thời lương thực, thực phẩm cho Tiểu đoàn trong hoạt động chiến đấu. Đến cuối năm 1968 chuyển về Bình Thuận, Tiểu đoàn vẫn tiếp tục xây dựng các cơ sở sản xuất ở vùng Núi Lát, Cống Vôi góp phần bảo đảm về lương thực và thực phẩm cho Tiểu đoàn. Ngoài ra Tiểu đoàn còn cùng với đội mũi công tác thu mua lương thực, thực phẩm trong nhân dân và thường xuyên khai thác nguồn rau, củ trong rừng góp phần bảo đảm đời sống cho bộ đội.

**CHIẾN TRƯỜNG KHU 6 - CỤC NAM TRUNG BỘ,
NAM TÂY NGUYÊN ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG
CỦA TIỂU ĐOÀN 186**

KẾT LUẬN

Tiểu đoàn 186 trong 23 năm chiến đấu chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trên chiến trường cực nam Trung Bộ và Tây Nguyên là một chặng đường chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, nhưng chói lọi chiến công và Tiểu đoàn đã góp phần rất xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do và thống nhất cho Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là Liên khu 5 (thời kỳ chống Pháp) và Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 (thời kỳ kháng chiến chống Mỹ) suốt gần 30 năm chiến đấu và xây dựng, Tiểu đoàn 186 với nhiều thế hệ cán bộ, chiến sỹ ưu tú, con em của cả ba miền đất nước đã đồng lòng, hợp lực, cùng nhau chiến đấu, hoạt động trên một chiến trường hết sức khó khăn, gian khổ và ác liệt, bởi chiến trường này luôn xa sự chỉ đạo, sự chi viện tiếp tế của trên, một chiến trường đất rộng, dân thưa, tiềm năng kinh tế nhỏ bé. Trong khi đó về phía địch (cả trong chống Pháp và chống Mỹ) lực lượng của chúng hơn ta gấp nhiều lần, lại có vũ khí trang bị hiện đại, hỏa lực mạnh, sức cơ động nhanh, đồng thời có bộ máy kìm kẹp dân từ tỉnh đến quận lý, tới thôn ấp và cả một hệ thống đồn, bót, căn cứ quân sự dày đặc. Vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, không ngại ác liệt, hy sinh, cán bộ, chiến sỹ của tiểu đoàn đã liên tục chiến đấu, đánh địch trong mọi hoàn cảnh, bền bỉ phấn đấu vươn lên hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao cả trong thời kỳ đánh Pháp, cũng như thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Tháng 6 năm 1946 tại Hàm Tân tỉnh Bình Thuận đại đội Hoàng Hoa Thám được thành lập, do đồng chí Nguyễn Minh Châu làm đại đội trưởng. Đến tháng 9 năm 1947 lấy đại đội Hoàng Hoa Thám làm nòng cốt, được bổ sung thêm lực lượng, Tiểu đoàn 86 Trung đoàn bộ binh 82 Bình Thuận ra đời; Đây là tiểu đoàn tiền thân của Tiểu đoàn 186 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ năm 1947 đến tháng 5 năm 1954 Tiểu đoàn liên tục chiến đấu đánh giặc Pháp ở các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận và Đồng Nai Thượng trên chiến trường cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Tham gia chiến đấu hàng trăm trận, diệt và làm bị thương hàng ngàn tên địch, lập được rất nhiều thành tích to lớn, được nhân dân và các đơn vị bạn tin cậy, cảm phục. Trong thời kỳ này tiểu đoàn đã đánh được nhiều trận đạt hiệu suất cao. Chúng ta không thể nào quên những trận đánh tiêu biểu như: Trận cải trang bằng cách đánh kỳ tập diệt địch ở lầu Ông Hoàng tháng 6 năm 1947, trận kỳ tập vào sân bay Căng Êsêpic tại Phan Thiết tháng 12 năm 1951 tiêu diệt cứ điểm Mương Mán tháng 6 năm 1952. Tháng 9 năm 1952 với lối đánh đặc công, Tiểu đoàn đã đánh diệt đồn Ngã Hai trận đầu giành thắng lợi giòn giã bằng cách đánh đặc công trên chiến trường Bình Thuận. Cuối năm 1952 kết hợp với cách đánh cường tập với đặc công Tiểu đoàn đã tiêu diệt và làm chủ căn cứ Sông Quao, một căn cứ mạnh, kiên cố của địch trên đường 8. Tháng 4 năm 1953 kết hợp chặt chẽ tác chiến với binh vận Tiểu đoàn đã tiêu diệt căn cứ Mũi Né gồm hai đồn chính Thạnh Long, Bang Tá và 11

tháp canh trong khu vực. Phối hợp với chiến dịch Đông Xuân 53-54 Tiểu đoàn đã liên tiếp đánh địch nhiều trận, điển hình là những trận tiêu diệt tiểu khu Tánh Linh, đồn Gia Bát, La Dày, Suối Kiết tháng 4 năm 1954 và cứ điểm Lương Sơn tháng 5 năm 1954.

Sau thắng lợi lịch sử của chiến dịch Điện Biên Phủ, ngày 21 tháng 7 năm 1954 thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ; hòa bình được lập lại ở Đông Dương, nước ta tạm thời chia làm hai miền. Tháng 9 năm 1954 Tiểu đoàn được củng cố, tổ chức học tập tình hình nhiệm vụ mới và lên đường tập kết ra miền Bắc. Từ nửa cuối năm 1954 đến nửa năm 1961, Tiểu đoàn bước vào thời kỳ huấn luyện, xây dựng theo hướng chính quy, từng bước hiện đại theo chủ trương xây dựng Quân đội của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời vừa tham gia công tác giúp dân, lao động phát triển kinh tế trên nhiều địa bàn dân cư ở các tỉnh Thanh Hóa, Thái Bình, Nam Định, Nghệ An và Hà Tĩnh, suốt thời gian này Tiểu đoàn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện quân sự học tập chính trị và mọi công tác giúp dân chống bão lụt, phát triển sản xuất, vận động quần chúng nhân dân chống “di cư” vào Nam. Có thể nói rằng tất cả cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn 186 đã để lại tình cảm tốt đẹp trong lòng dân ở các địa phương mà Tiểu đoàn đã đóng quân. Bảy năm ở miền Bắc là một khoảng thời gian không dài, song vô cùng quý báu, được Đảng, Nhà nước và Quân đội quan tâm xây dựng, được nhân dân tin yêu giúp đỡ, Tiểu đoàn được xây dựng về mọi mặt và trưởng thành nhanh chóng cả về giác ngộ chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực chỉ huy của đội ngũ cán bộ. Đây là sức mạnh, là tiền đề làm cơ sở

cho Tiểu đoàn lên đường vào Nam chiến đấu lập công xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Với lực lượng không nhiều, chủ yếu là cán bộ từ tiểu đội đến tiểu đoàn, đã xây dựng khung Tiểu đoàn 86 trở về Nam chiến đấu vào cuối tháng 4 năm 1961. Hơn ba tháng vượt Trường Sơn, trung tuần tháng 8 đơn vị đã tới huyện Khánh Sơn tỉnh Khánh Hòa, tiếp đó Quân khu 6 điều tiểu đoàn lên đứng chân ở vùng Đức Xuyên tây nam Buôn Mê Thuột (Đắc Lắc). Từ đây đơn vị mang phiên hiệu Tiểu đoàn 186 và được Quân khu 6 xây dựng trở thành một trong những Tiểu đoàn chủ lực, cơ động của Quân khu 6. Từ năm 1961 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975) Tiểu đoàn liên tục cơ động tác chiến trên hầu hết các địa bàn chiến trường của Quân khu 6, từ địa bàn tỉnh Đắc Lắc đến Tuyên Đức, Lâm Đồng về Bình Thuận, Bình Tuy và Phước Long. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, suốt 15 năm chiến đấu ngoan cường bền bỉ, Tiểu đoàn đã đánh địch gần 1000 trận lớn nhỏ trên cả ba vùng: rừng núi, đồng bằng và đô thị. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 16.000 tên (trong đó bắt sống gần 300 tên), thu 4500 súng các loại, phá hủy 350 xe quân sự (có gần 200 xe tăng), bắn rơi phá hủy 35 máy bay. Trong chặng đường chiến đấu đầy hy sinh gian khổ và chói lọi chiến công; tiểu đoàn đã tham gia nhiều đợt hoạt động, đánh nhiều trận tiêu biểu vừa đạt hiệu suất chiến đấu cao, vừa góp phần tích cực làm thay đổi tình hình, tương quan lực lượng và làm thất bại những âm mưu lớn của địch ở chiến trường Khu 6 như: đợt tác chiến giải phóng huyện Hoài Đức (Bình Thuận) từ tháng 11 năm 1964 đến tháng 2 năm 1965. Tham gia chiến dịch tổng hợp mở mang giành dân ở tỉnh Lâm Đồng mùa hè năm

1965. Liên tục đánh địch trên đường quốc lộ 20 với những trận đánh giành thắng lợi giòn giã như: Trận diệt đồn Quỳnh Hoa (Bảo Lộc) tháng 6 năm 1966. Trong hai ngày 25-26 tháng 2 năm 1967 Tiểu đoàn liên tiếp đánh nhiều trận diệt địch tại đồi Nguyễn Khánh đến áp chiến lược số 5 (ở tây Di Linh) và đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn bảo an ở xã Phú Hiệp và một đại đội quân Mỹ đổ bộ đường không ở nam Tam Bố (Di Linh).

Trong đợt tiến công vào Đà Lạt tết Mậu Thân 1968, suốt 14 ngày đêm liên tục đánh địch, Tiểu đoàn đã đánh rất nhiều trận, trong đó điển hình là những trận đánh quyết liệt diễn ra tại tiểu khu Tuyên Đức, ở khu vực Đa Cát, đồi đất đỏ (điểm cao 1503) tại Đa Thành.

Sau cuộc tổng tiến công tết Mậu Thân năm 1968, chỉ trong thời gian chưa đầy một tháng từ ngày 6 tháng 3 đến ngày 4 tháng 4 năm 1968 Tiểu đoàn liên tiếp đánh 3 trận lớn, giành thắng lợi giòn giã trên và ven đường 21 đoạn từ cuối sân bay Liên Khương (ki-lô-mét số 3) đến Thanh Bình thuộc huyện Đức Trọng.

Đầu năm 1969 tiểu đoàn về tác chiến ở chiến trường Bình Thuận, Bình Tuy. Tại địa bàn Khu Lê Hồng Phong tất cả cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn đã kiên nhẫn, bền bỉ tự tin nằm chờ địch suốt 3 ngày sát đường quốc lộ 1. Vào ngày 22 tháng 2 năm 1969 Tiểu đoàn tiến hành trận vận động phục kích ở khu vực Bàu Sen, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 400 tên, bắn cháy và bắn hỏng 33 xe quân sự (có 5 xe tăng), bắn rơi 2 máy bay trực thăng, có thể nói đây là trận đánh rất tốt, rất hiệu quả.

Ngày 19 tháng 5 năm 1974 Trung đoàn chủ lực 812 của Quân khu 6 được thành lập, Tiểu đoàn 186 là một đơn

vị trong biên chế của trung đoàn. Nằm trong đội hình trung đoàn, Tiểu đoàn vẫn liên tục đánh định trên chiến trường Bình Thuận, Bình Tuy. Đáng chú ý là trong đợt tác chiến từ tháng 12 năm 1974 đến tháng 3 năm 1975 Tiểu đoàn 186 đã cùng các đơn vị trong Trung đoàn tổ chức liên tiếp những trận đánh vây ép, tiến công tiêu diệt địch ở chi khu Tánh Linh và chi khu Hoài Đức.

Với những thành tích đạt được trong 15 năm chiến đấu, xây dựng thời kỳ chống Mỹ, Tiểu đoàn đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 6 Huân chương Quân công hạng ba, 184 Huân chương Chiến công từ hạng ba đến hạng nhất cho các tập thể và cá nhân. Ngày 6 tháng 11 năm 1978 Tiểu đoàn vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu vẻ vang “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Chúng ta tự hào về những chiến công to lớn, về sự trưởng thành không ngừng của Tiểu đoàn 186 trong suốt chặng đường chiến đấu, xây dựng trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc ta được thống nhất. Tiểu đoàn 186 là tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh Lâm Đồng. Từ nửa năm 1975 đến năm 1984, cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn tiếp tục phát huy tốt truyền thống, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, liên tục tham gia chiến đấu truy quét bọn phản động Fulrô ở nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa của tỉnh Lâm Đồng. Năm 1989 thực hiện chủ trương của trên, Tiểu đoàn tiến hành rút gọn thành đơn vị dự bị động viên. Mặc dù có sự thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, song truyền thống vẻ vang của Tiểu đoàn 186 trong hai cuộc kháng chiến vẫn mãi mãi sáng ngời và khắc sâu vào

tâm trí của những người dân sống trên mảnh đất Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên anh hùng.

Gần 30 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành của tiểu đoàn, có thể rút ra một số vấn đề vừa là nhân tố tạo nên sức mạnh, vừa có tính kinh nghiệm đó là:

Một là: Trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh giải phóng, Tiểu đoàn đã liên tục thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho bộ đội và đã không ngừng nâng cao giác ngộ chính trị, liên tục giữ vững và nâng cao ý chí quyết tâm chiến đấu, đây là yếu tố cơ bản, quyết định nhất.

Trong 30 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, trước mọi nhiệm vụ được giao, trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn gian nguy, khi có hòa bình hay trong những tháng năm dài chiến tranh; Tiểu đoàn luôn coi trọng và đặt lên hàng đầu công tác đảng, công tác chính trị, lớp lớp cán bộ, đảng viên thuộc nhiều thế hệ ở Tiểu đoàn đã thường xuyên làm tốt và có hiệu quả công tác này. Những tư tưởng, lời dạy của Bác Hồ “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua”... Những tư tưởng ấy đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm và con tim của cán bộ chiến sĩ, có sự động viên, khơi dậy

lòng yêu nước, chí căm thù giặc, tạo cho lớp lớp cán bộ, chiến sỹ trong Tiểu đoàn một niềm tin, một quyết tâm sắt đá, đập bằng mọi trở lực, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, sẵn sàng hy sinh, với ý thức tổ chức kỷ luật cao, đoàn kết chặt chẽ thống nhất ý chí và hành động nỗ lực vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong 15 năm chiến đấu, xây dựng thời kỳ chống Mỹ, hệ thống tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy đã thường xuyên được củng cố xây dựng vững mạnh, thực sự là hạt nhân lãnh đạo và lực lượng nòng cốt đảm bảo cho Tiểu đoàn hoàn thành nhiệm vụ. Có thể nói trên cơ sở nền tảng này, Tiểu đoàn đã xây dựng đơn vị thành một tập thể đoàn kết, thống nhất, có tác phong chiến đấu vững vàng, luôn dũng cảm, ngoan cường với ý chí quyết chiến quyết thắng, lúc thuận lợi cũng như khi gặp gian nguy nhiều thế hệ cán bộ chiến sỹ của Tiểu đoàn vẫn kiên gan bám chiến trường, bám trận địa, quần lộn đánh địch trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhờ vậy suốt 30 năm xây dựng, chiến đấu trưởng thành. Tiểu đoàn đã vượt qua những giai đoạn cực kỳ khó khăn, gay go như: Thời kỳ năm 1946, những năm 1951-1952 ở chiến trường Bình Thuận thời chống Pháp. Thời kỳ giữa cuối năm 1963 ở nam Buôn Ma Thuột, Tiểu đoàn hoạt động ở vùng sâu, dân bị dồn vào các khu tập trung, cơ sở không có, sản xuất tự túc rất khó khăn, gần một tháng trời bộ đội phải ăn củ rừng, là bấp bưng đơn vị vẫn bám trụ địa bàn hoạt động để đánh địch, thời kỳ Mỹ đưa quân ồ ạt vào miền Nam, bằng những chiến thuật mới “Trục thăng vận”, “Thiết xa vận”. Trong thời gian Mỹ nguy thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, với âm mưu bình định nham hiểm, dịch gom dân, kìm kẹp dân hòng tách dân

với kháng chiến, với lực lượng cách mạng và thực hiện mọi thủ đoạn ép phục, gài mìn làm cho ta gặp nhiều khó khăn, về bảo đảm lương thực, thực phẩm, thuốc men. Nhưng cuối cùng Tiểu đoàn 186 vẫn vượt qua tất cả và làm nên chiến thắng.

Hai là: Vừa chiến đấu vừa xây dựng, không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng đáp ứng mọi nhiệm vụ chiến đấu trên các chiến trường cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên.

Thực tiễn suốt 30 năm chiến đấu xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến đã chứng tỏ Tiểu đoàn đã luôn coi trọng và kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu - xây dựng. Từ cấp ủy, chỉ huy tiểu đoàn đến chi bộ và chỉ huy đại đội, mọi cán bộ, đảng viên trong tiểu đoàn đều nhận thức sâu sắc rằng: chiến đấu thắng lợi là mục đích, là nhiệm vụ chính trị của đơn vị; Huấn luyện tốt là nhiệm vụ hết sức quan trọng, là cơ sở đảm bảo cho chiến đấu thắng lợi. Quá trình chiến đấu, theo yêu cầu nhiệm vụ từng chiến trường, từng giai đoạn của chiến tranh, từ đối tượng tác chiến từng thời kỳ, tiểu đoàn luôn rút kinh nghiệm kịp thời, đặt ra những yêu cầu nhiệm vụ cần xây dựng huấn luyện bộ đội. Mặt khác Tiểu đoàn đã tận dụng tranh thủ mọi thời gian giữa hai đợt hoạt động tác chiến, giữa hai trận đánh để xây dựng đơn vị về mọi mặt và huấn luyện cho cán bộ chiến sỹ. Việc huấn luyện bộ đội vừa chú trọng huấn luyện cơ bản, vừa kết hợp huấn luyện bổ sung, cấp bách những nội dung vấn đề mà yêu cầu chiến đấu đặt ra. Quá trình kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ chiến đấu với xây dựng Tiểu đoàn luôn coi trọng xây dựng ý

chỉ tác phong chiến đấu cho bộ đội. Động viên cổ vũ mọi cán bộ chiến sĩ phát huy tốt dân chủ về “quân sự,” xây dựng cách đánh, lối đánh phù hợp với chiến trường cực Nam Trung Bộ- Nam Tây Nguyên. Nhờ kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu và xây dựng mà Tiểu đoàn đã không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của đơn vị trong mọi thời kỳ, mọi giai đoạn, bảo đảm sẵn sàng, nhận và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu cấp trên giao phó cho trong hai cuộc kháng chiến. Những trận đánh tiêu biểu, đạt hiệu suất chiến đấu cao, lập được thành tích xuất sắc như: Trận diệt đồn Lầu Ông Hoàng, đánh cứ điểm Mường Mán; khu trại sân bay Căng Esêpic và đồn Duồng (thời kỳ chống Pháp). Trận đánh địch hành quân càn quét vào xóm 10 nhà ở Mê Pu (đầu năm 1965). Các trận chốt kết hợp với vận động tấn công địch ở đông và tây Di Linh (năm 1967). Trận tập kích diệt và làm chủ đồn Tà In (cuối năm 1967). Ba trận vận động tiến công địch từ ki-lô-mét số 3 đến ấp Thanh Bình, ấp Kim Phát (trên quốc lộ 27 địa bàn Đức Trọng) tháng 3 và 4 năm 1968... Một số trận đánh điển hình trên đây cùng với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trong hai cuộc kháng chiến đã chứng tỏ sức mạnh chiến đấu phi thường và bản lĩnh chiến đấu anh dũng cảm ngoan cường, tính chủ động sáng tạo quyết đánh và biết cách đánh thắng địch của nhiều thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn. Đồng thời khẳng định vừa chiến đấu vừa xây dựng là một thành công to lớn, một bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu của Tiểu đoàn trong gần 30 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành.

Ba là: Quán triệt sâu sắc quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Tiểu đoàn luôn biết

dựa vào dân, phát động nhân dân đứng lên đấu tranh với địch; tạo cơ sở vững chắc cho Tiểu đoàn không ngừng trưởng thành và chiến đấu thắng lợi.

– Nắm vững quan điểm của Đảng: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Trong hai cuộc kháng chiến, dù đứng chân hoạt động công tác ở bất cứ vùng nào, từ rừng núi đến nông thôn và đô thị, vùng đồng bào Kinh cũng như vùng đồng bào dân tộc ít người, trên mọi địa phương ở chiến trường cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên, Tiểu đoàn luôn giáo dục tổ chức cho cán bộ chiến sỹ thực hiện tốt các chính sách dân vận, dân tộc tạo nên sự đoàn kết, gắn bó keo sơn giữa cán bộ, chiến sỹ của tiểu đoàn với nhân dân các địa phương. Trên cơ sở đó làm cho nhiều thế hệ cán bộ, chiến sỹ thực sự tin vào quần chúng và biết dựa vào nhân dân để xây dựng và chiến đấu. Những năm chiến đấu chống thực dân Pháp, Tiểu đoàn sống trong thế trận lòng dân để chống chọi với quân thù, hầu hết cái ăn, cái mặc phải dựa vào dân. Mặt khác đến hoạt động, chiến đấu ở địa bàn nào, đơn vị cũng góp phần tích cực để vận động quần chúng nhân dân đấu tranh với địch, xây dựng phát triển du kích, bộ đội địa phương, từ đó mà đẩy mạnh phong trào toàn dân kháng chiến, toàn quốc kháng chiến trên chiến trường Bình Thuận, Ninh Thuận.

Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, kẻ thù hung hăng, tàn bạo đã bằng mọi âm mưu, thủ đoạn nham hiểm để kìm kẹp dân, tách quần chúng khỏi kháng chiến, khỏi cách mạng. Từ chiến trường Nam Tây Nguyên đến Bình Thuận, Bình Tuy; Long Khánh, ở đâu Tiểu đoàn cũng chủ

động tích cực đánh địch và phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương, các đội mũi công tác chống phá thủ đoạn kìm kẹp dân và âm mưu “Bình định” của địch, phát động quần chúng đấu tranh với địch giành quyền làm chủ ở các mức độ khác nhau. Đồng thời phải dựa vào dân để giải quyết một phần rất quan trọng về lương thực, thực phẩm và thuốc men để Tiểu đoàn tồn tại và chiến đấu.

- Trong hai cuộc kháng chiến các địa phương tại chiến trường Khu 6 đã góp phần quan trọng là thường xuyên liên tục vận động hàng trăm thanh niên nam, nữ nhập ngũ trực tiếp bổ sung lực lượng để xây dựng Tiểu đoàn không ngừng lớn mạnh, trưởng thành.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Trong mọi thời kỳ, mọi giai đoạn của hai cuộc kháng chiến, nhiều thế hệ cán bộ, chiến sỹ trong Tiểu đoàn đã luôn tin tưởng ở nhân dân, biết dựa vào quần chúng nhân dân nên tạo được cơ sở vững chắc cho Tiểu đoàn vừa chiến đấu, vừa trưởng thành và liên tiếp lập được nhiều chiến công vẻ vang.

Bốn là: Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua mọi khó khăn gian khổ để chiến đấu và chiến thắng quân thù

Những năm chống Pháp và suốt 15 năm băng rừng, vượt suối bám lấy buôn, ấp dân làng và địa bàn ở chiến trường cực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên, các thế hệ cán bộ chiến sỹ Tiểu đoàn 186 đã không ngừng nêu cao và phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chịu đựng, khắc phục và vượt qua mọi khó khăn gian khổ để chiến đấu đánh thắng quân thù.

Thời kỳ chống thực dân Pháp tinh thần tự lực tự cường thể hiện cao nhất ở chỗ biết sử dụng hết sức tiết kiệm những cái ăn, cái mặc mà nhân dân đã ủng hộ kháng chiến. Đồng thời phải tích cực đánh địch, lấy vũ khí trang bị của địch để tiêu diệt địch. Những trận đánh vào khu trại Căng Êsépíc, căn cứ Mương Mán, Mũi Né, các đồn Ngã Hai và Sông Quao ta đã lấy được nhiều súng đạn, thu nhiều chiến lợi phẩm, góp phần tăng cường việc bảo đảm hậu cần để Tiểu đoàn chiến đấu giành thắng lợi.

- Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiến trường Khu 6 là chiến trường cực kỳ khó khăn gian khổ, thường xuyên thiếu lương thực, thiếu cả vũ khí. Việc nâng cao ý thức tự lực tự cường càng có ý nghĩa quan trọng. Ngay từ đầu và suốt quá trình chiến đấu Tiểu đoàn luôn động viên và tổ chức cho cán bộ, chiến sỹ đề cao tinh thần tự lực tự cường để hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao phó. Một mặt phải quản lý sử dụng có hiệu quả mọi sự chi viện bảo đảm hậu cần kỹ thuật của cấp trên. Mặt khác phải triệt để tận dụng mọi vũ khí trang bị thu được của địch; đồng thời bất cứ ở đâu cũng vừa chiến đấu vừa lo sản xuất, lập hậu cứ để tạo nên một phần lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Trong thời gian thiếu lương thực, thực phẩm trầm trọng thì động viên bộ đội ăn củ rừng, lá bép để hoạt động. Trước mọi khó khăn gian khổ đói cơm, lạt muối không ai sờn lòng nản chí.

- Tinh thần tự lực tự cường vượt qua mọi khó khăn gian khổ của nhiều thế hệ cán bộ, chiến sỹ trong tiểu đoàn suốt 30 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành đã thực sự trở thành sức mạnh vật chất, một yếu tố hết sức quan trọng bảo đảm cho tiểu đoàn hoàn thành nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh, trên mọi chiến trường.

Qua hai cuộc kháng chiến thần thánh, đánh quân xâm lược và bè lũ bán nước, giải phóng dân tộc, biết bao cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 186 những người con ưu tú của mọi miền đất nước đã ngã xuống, quên mình vì nền độc lập tự do của Tổ quốc vì hạnh phúc của nhân dân. Chiến công của Tiểu đoàn gắn liền với vùng đất và nhân dân cực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên gian lao, anh dũng. Thành tích, sự hy sinh và công lao to lớn của Tiểu đoàn gần 30 năm chiến đấu trường thành đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ghi nhận, Tiểu đoàn vinh dự được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, tô đậm truyền thống: ***“Trung thành, anh dũng, tự lực tự cường, quyết chiến quyết thắng”*** đã được xây đắp nên bằng bao mồ hôi, công sức và cả máu xương của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn.

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	Trang
<i>Chương một</i>	
Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở chiến trường cực Nam Trung Bộ (1946 - 1954)	9
I. Sự ra đời tiểu đoàn 86, đơn vị tiền thân của tiểu đoàn 186	9
II. Liên tục tấn công địch, cùng với Trung đoàn 82 và quân dân Bình Thuận kháng chiến chống thực dân Pháp (1948 - 7-1954)	24
<i>Chương hai</i>	
Tiểu đoàn 186 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 5-1975)	77
I. Tham gia công tác dân vận, học tập, huấn luyện, xây dựng theo hướng chính quy và trở về Nam chiến đấu (tháng 9-1954 - 1961)	77
II. Tham gia đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở chiến trường Quân khu 6 (từ cuối năm 1961 đến giữa năm 1965)	86
III. Cùng với các lực lượng của Quân khu đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (từ giữa năm 1965 đến cuối năm 1968)	106
IV. Tham gia làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ trên chiến trường Bình Thuận và Bình Tuy (từ đầu năm 1969 đến tháng 5 năm 1974)	144
V. Trở lại đội hình của Trung đoàn 812, cùng với cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1974 - 5-1975)	169
<i>Kết luận</i>	185
<i>Mục lục</i>	199
	199